

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN



NGUYỄN HỒNG SINH

BIÊN MỤC CHỦ ĐỀ

GIÁO TRÌNH DÀNH CHO SINH VIÊN
CHUYÊN NGÀNH THƯ VIỆN - THÔNG TIN HỌC

IT TT-TV * DIQGHN

025.4

NG-S

2009

02030

NHÀ XUẤT BẢN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

BIÊN MỤC CHỦ ĐỀ

GIÁO TRÌNH DÀNH CHO SINH VIÊN
CHUYÊN NGÀNH THƯ VIỆN – THÔNG TIN HỌC

Nguyễn Hồng Sinh
Khoa Thư viện – Thông tin học

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

02030 000283

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH – 2009

2.8 Nguyên tắc Bảo toàn văn phong (Literary Warrant principle).....	52
2.9 Nguyên tắc Người sử dụng (User principle)	53
2.10 Nguyên tắc Chính sách định chỉ mục cho chủ đề (Subject Indexing Policy principle)	53
2.11 Nguyên tắc Tiêu đề cụ thể (Specific Heading principle)	54
CHƯƠNG 3: TIÊU ĐỀ CHỦ ĐỀ	58
3.1 Khái niệm về tiêu đề chủ đề	58
3.2 Chức năng của tiêu đề chủ đề.....	59
3.3 Cú pháp của tiêu đề.....	66
3.4 Phụ đề	74
3.4.1 Phụ đề đề tài.....	75
3.4.2 Phụ đề địa lý.....	76
3.4.3 Phụ đề thời gian.....	78
3.4.3 Phụ đề hình thức	81
3.5 Kiểm soát tiêu đề chủ đề.....	84
3.5.1 Ý nghĩa của việc kiểm soát tiêu đề chủ đề	84
3.5.2 Kiểm soát tiêu đề chủ đề cho bộ LCSH.....	86
CHƯƠNG 4: THAM CHIẾU VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA TIÊU ĐỀ CHỦ ĐỀ	93
4.1 Tham chiếu chỉ ra mối quan hệ tương đương.....	94
4.2 Tham chiếu chỉ ra mối quan hệ thứ bậc	104
4.3 Tham chiếu chỉ ra mối quan hệ liên đới.....	109
4.4 Tham chiếu "See Also" (Cũng xem).....	111
4.5 Tham chiếu cho tiêu đề tên gọi	113
4.6 Chú giải	121

CHƯƠNG 5: ĐỊNH TIÊU ĐỀ CHỦ ĐỀ CHO TÀI LIỆU ..	126
5.1 Định tiêu đề chủ đề.....	126
5.2 Phân tích nội dung tài liệu.....	127
5.3 Quy định chung trong việc định tiêu đề chủ đề.....	133
5.3.1 Nguồn tiêu đề chủ đề	133
5.3.2 Tiêu đề tổng quát và tiêu đề cụ thể	134
5.3.3 Tiêu đề đúp.....	135
5.3.4 Số lượng của tiêu đề cho mỗi tài liệu	136
5.3.5 Trật tự của tiêu đề trong biểu ghi thư mục	136
5.3.6 Mã trường cho chủ đề trong MARC	137
5.4 Quy định cụ thể trong việc định tiêu đề chủ đề	140
5.4.1 Tài liệu có một đề tài	141
5.4.2 Tài liệu có hai hoặc ba đề tài	143
5.4.3 Tài liệu có bốn đề tài hoặc nhiều hơn	144
5.4.4 Tài liệu có đề tài về cá nhân/nhân vật cụ thể	146
5.4.5 Tài liệu có đề tài về cơ quan, tổ chức cụ thể	155
5.4.6 Tài liệu có đề tài về đối tượng địa lý	158
5.4.7 Các khía cạnh của đề tài	161
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	171



LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình **Biên mục chủ đề** được biên soạn nhằm hỗ trợ sinh viên chuyên ngành Thư viện – Thông tin học trong việc học tập và thực hành môn học Biên mục chủ đề và Sử dụng bộ tiêu đề chủ đề của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ (LCSH). Vì vậy, khi thích hợp và cần thiết các phần trình bày về các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn sẽ bao gồm cả phần giải thích cho trường hợp áp dụng bộ LCSH. Tương tự như vậy, các ví dụ minh họa cũng bao gồm cả tiếng Việt và tiếng Anh khi thích hợp và cần thiết.

Trong khuôn khổ một giáo trình hỗ trợ cho sinh viên học tập, tài liệu này trình bày các vấn đề liên quan đến biên mục chủ đề và áp dụng bộ LCSH ở mức cơ bản. Các vấn đề của biên mục chủ đề được trình bày tương đối tách bạch nhằm giúp sinh viên dễ dàng theo dõi. Cấu trúc của giáo trình được phân bố như sau.

Chương 1 trình bày tổng quan về tổ chức thông tin và biên mục chủ đề. Chương này nhằm nêu lên vị trí của biên mục chủ đề trong tổ chức thông tin tại các cơ quan thư viện – thông tin. Đồng thời, chương này cũng tập trung giải thích các khái niệm liên quan đến ngôn ngữ chi mục và biên mục chủ đề.

Chương 2 trình bày và phân tích các nguyên tắc của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề theo hướng dẫn của Hiệp hội thư viện thế giới IFLA.

Chương 3 và 4 lần lượt trình bày, giải thích và minh họa các thành phần của bộ tiêu đề chủ đề bao gồm tiêu đề, phụ đề và tham chiếu.

Chương 5 trình bày phương pháp định tiêu đề chủ đề cho tài liệu bao gồm phân tích nội dung tài liệu và các quy định chung, cũng như quy định cụ thể khi định tiêu đề chủ đề.

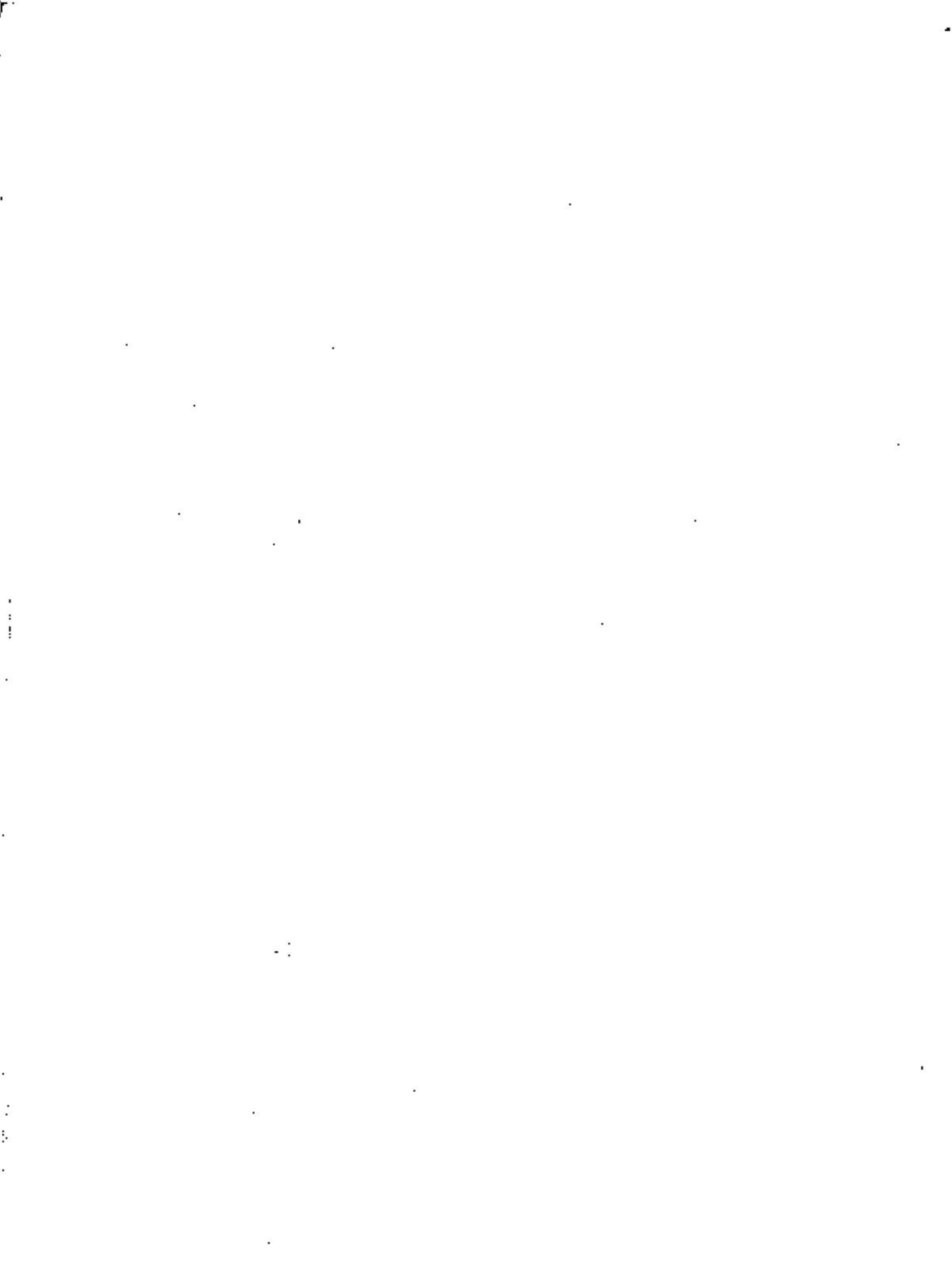
Giáo trình này được biên soạn lần đầu nên chắc chắn không tránh khỏi các thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý, chia sẻ của các em sinh viên và các bạn đồng nghiệp. Nhân đây, tác giả xin được chân thành cảm ơn TS. Ngô Thanh Thảo, TS. Nguyễn Thu Thảo, ThS. Bùi Ngọc Diệp và TS. Nguyễn Thị Thu đã đóng góp những ý kiến quý báu cho bản thảo của giáo trình.

Tác giả

TS. Nguyễn Hồng Sinh

DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- AACR2 : Anglo-American Cataloguing Rules – Quy tắc biên mục Anh-Mỹ
- DDC : Dewey Decimal Classification – Khung phân loại thập phân Dewey
- ISBD : International Standard Bibliographic Description – Quy tắc biên mục quốc tế
- LC : Library of Congress – Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ
- LCC : Library of Congress Classification – Khung phân loại của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ
- LCSH : Library of Congress Subject Headings – Bộ tiêu đề chủ đề của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ
- MARC : Machine Readable cataloging – Biên mục máy



Chương 1

TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC THÔNG TIN VÀ BIÊN MỤC CHỦ ĐỀ

Tại các thư viện và cơ quan thông tin, biên mục chủ đề là một bộ phận cấu thành của quá trình tổ chức thông tin, cụ thể là tổ chức thông tin theo đặc điểm nội dung. Vì thế, trước khi tập trung trình bày các nội dung thuộc biên mục chủ đề, chương này sẽ giới thiệu các vấn đề cơ bản của tổ chức thông tin, cũng như của tổ chức thông tin theo đặc điểm nội dung. Một mặt, việc giới thiệu này nhằm nêu lên vị trí của biên mục chủ đề trong công tác tổ chức thông tin. Mặt khác, việc giới thiệu này nhằm trình bày các khái niệm quan trọng trong công tác tổ chức thông tin, nhất là công tác tổ chức thông tin theo nội dung, mà có liên quan chặt chẽ đến biên mục chủ đề.

1.1 Tổ chức thông tin

Thông tin được lưu giữ trong các vật mang tin ngày càng trở nên phong phú về nội dung và đồ sộ về số lượng. Tuy nhiên, thông tin tự chúng thường không theo một hệ thống sắp đặt thống nhất, vì vậy nếu không tìm ra những cách thức tổ chức thì thông tin sẽ trở nên hỗn loạn và không thể truy tìm được khi cần dùng. Chính vì vậy, nhiệm vụ quan trọng của các thư viện và cơ quan thông tin không chỉ là lưu giữ thông tin mà còn là tổ chức thông tin theo các quy tắc sao cho mọi

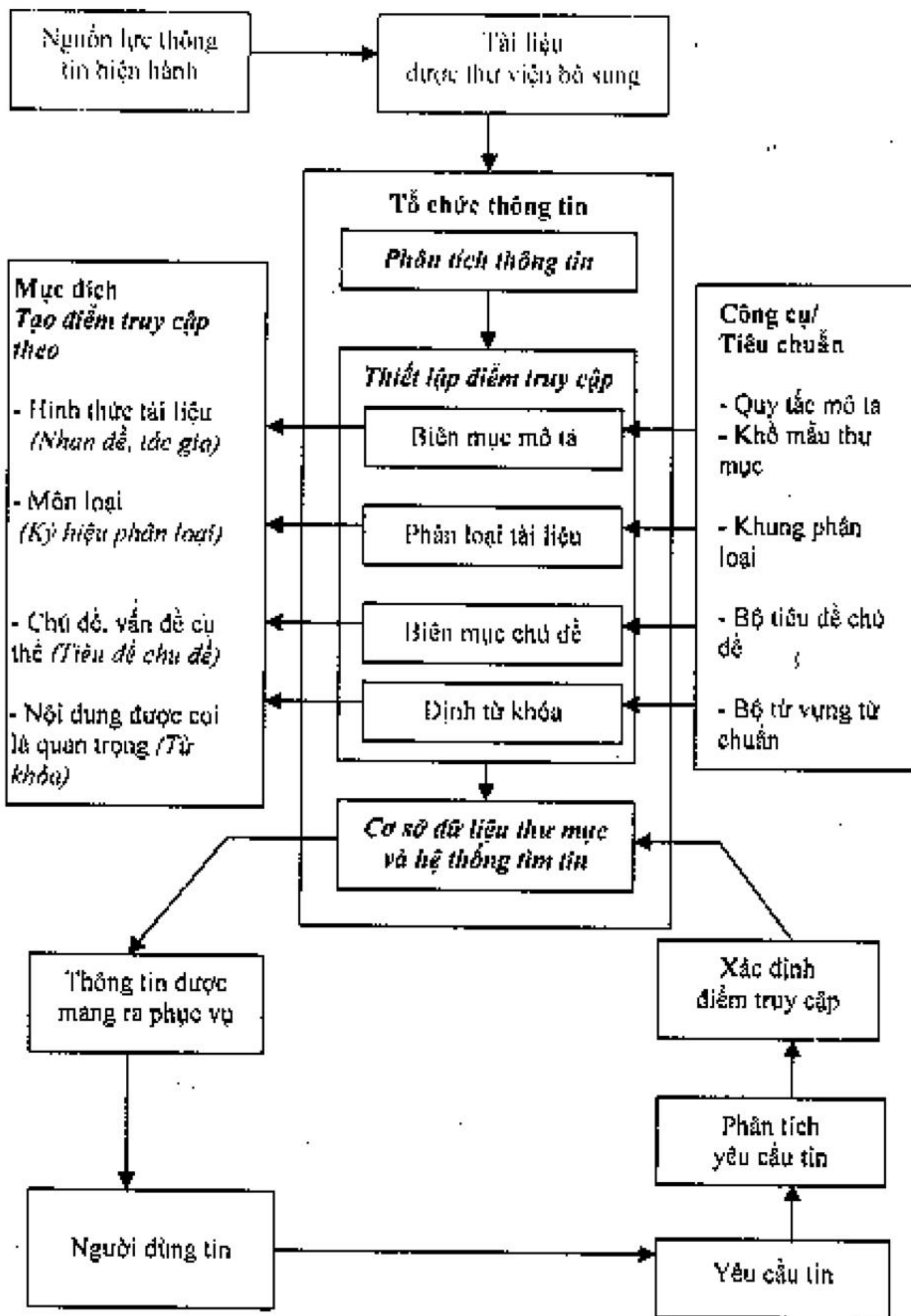
người, kể cả những người dùng thư viện từ xa, có thể tìm thấy và sử dụng thông tin một cách hiệu quả. Đồng thời, việc tổ chức này giúp các thư viện và cơ quan thông tin có thể quản lý được những gì họ có - biết rõ số lượng, đặc điểm nội dung và hình thức của nguồn tài nguyên thông tin. Ngoài ra, tổ chức thông tin còn giúp cho việc tăng cường khả năng chia sẻ nguồn tài nguyên giữa các thư viện và cơ quan thông tin.

Tổ chức thông tin trong các thư viện và cơ quan thông tin bao gồm việc xử lý và sắp xếp tất cả thông tin được lưu giữ dưới các dạng thức vật chất khác nhau, như là dạng in ấn, dạng băng từ, dạng tranh ảnh, dạng điện tử. Trong đó, dạng điện tử bao gồm văn bản, âm thanh, và hình ảnh. Các dạng thức vật chất lưu giữ thông tin này còn được gọi là vật mang tin, hoặc tài liệu. Việc xử lý thông tin là cơ sở để thư viện và cơ quan thông tin xây dựng nên các hệ thống tìm tin, cụ thể là xây dựng các biểu ghi đại diện cho từng tài liệu có trong thư viện, nhằm tổ chức mục lục cho nguồn tài nguyên thông tin của thư viện.

Việc xử lý thông tin sẽ căn cứ vào các đặc điểm hình thức và nội dung của tài liệu. Đặc điểm hình thức là những yếu tố mà có thể nhận ra ngay khi nhìn vào tài liệu, như là tên tác giả, nhan đề, dạng thức vật chất mang tin. Đặc điểm nội dung là những gì tài liệu đó nói về và được cán bộ thư viện nhận biết khi phân tích nội dung của thông tin chứa trong tài liệu. Các đặc điểm hình thức và nội dung này sẽ được cán bộ thư viện mã hóa dựa theo các quy tắc hoặc các công cụ hoặc các tiêu chuẩn nhất định nhằm sắp xếp các thông tin có cùng một mã vào một tập hợp. Nhờ đó việc tìm tin sẽ không mất quá nhiều công sức và thời gian.

Những yếu tố thường được chọn để mã hóa, nói theo cách của ngành thư viện - thông tin học là những yếu tố được chọn để làm *điểm truy cập* cho một tài liệu. bao gồm tên tác giả, nhan đề, và các đặc điểm nội dung của thông tin chứa trong tài liệu như là chủ đề chính, môn loại, hoặc một phần nội dung được coi là quan trọng trong tài liệu. Các điểm truy cập theo hình thức được cán bộ thư viện thiết lập thông qua quá trình *biên mục mô tả*. Các điểm truy cập cho chủ đề được thiết lập thông qua quá trình *biên mục chủ đề*. Các điểm truy cập cho môn loại được thiết lập thông qua quá trình *phân loại tài liệu*. Các điểm truy cập cho phần nội dung được coi là quan trọng thường được thiết lập thông qua quá trình *định từ khóa*, cũng có khi được thiết lập thông qua quá trình *biên mục chủ đề*. Kết quả của các quá trình này là mỗi tài liệu sẽ có một hồ sơ về nó, hay nói theo cách của ngành thư viện - thông tin học là mỗi tài liệu trong thư viện sẽ có một *biểu ghi thư mục*. Các biểu ghi này sẽ được tổ chức theo các quy tắc nhất định tạo ra các công cụ hay hệ thống tìm tin.

Như vậy, mục đích cơ bản nhất của tổ chức thông tin là tổ chức và sắp xếp tất cả thông tin mà thư viện và cơ quan thông tin có theo những quy tắc nhất định, sao cho mọi người có thể tìm được thông tin cần thiết mà không quá mất công sức và thời gian. Nguyên tắc của tổ chức thông tin là sắp xếp các thông tin có cùng một đặc điểm vào một tập hợp. Ngoài ra tổ chức thông tin còn có những mục đích khác như là giúp thư viện và cơ quan thông tin quản lý được nguồn tài nguyên của mình cũng như tăng cường khả năng chia sẻ nguồn tài nguyên của mình với các đơn vị khác.



Sơ đồ tổ chức thông tin trong thư viện

Biên mục chủ đề là một bộ phận của việc tổ chức thông tin. Cụ thể hơn, biên mục chủ đề là một bộ phận của việc tổ chức thông tin theo đặc điểm nội dung. Sơ đồ dưới đây minh họa quá trình tổ chức thông tin. Trong đó, quá trình phân tích thông tin bao gồm cả phân tích các đặc điểm hình thức lẫn nội dung của tài liệu, trên cơ sở đó tạo ra các điểm truy cập cho tài liệu. Phân tích các đặc điểm hình thức là nhiệm vụ của công tác biên mục mô tả, phân tích các đặc điểm nội dung là nhiệm vụ của công tác biên mục chủ đề, phân loại, và định từ khóa.

1.2 Tổ chức thông tin theo đặc điểm nội dung của tài liệu

Như đã trình bày trong phần trên, việc tổ chức thông tin bao gồm cung cấp các điểm truy cập theo hình thức và nội dung của tài liệu. Việc tạo ra các điểm truy cập theo hình thức của tài liệu được dựa vào các quy tắc biên mục mô tả, ví dụ như ISBD (Quy tắc biên mục mô tả quốc tế) hoặc AACR2 (Quy tắc biên mục mô tả Anh-Mỹ). Trong khi đó, việc tạo ra các điểm truy cập theo nội dung của tài liệu được triển khai theo nhiều cách tiếp cận khác nhau và mỗi cách tiếp cận có các quy tắc và công cụ riêng. Cụ thể là, để tạo ra các điểm truy cập, thư viện và cơ quan thông tin có thể căn cứ vào (1) các chủ đề được đề cập đến trong nội dung tài liệu, và (2) môn loại (kiến thức cơ bản của các ngành khoa học được phân chia theo một hệ thống nhất định) của toàn bộ tài liệu. Theo cách tiếp cận thứ nhất, thư viện sẽ tiến hành công tác biên mục chủ đề, theo cách tiếp cận thứ hai, thư viện sẽ tiến hành công tác phân loại tài liệu. Ngoài ra, để tạo điểm truy cập cho từng phần nội dung của một tài liệu (chương, bài báo, số của tạp chí) thư viện sẽ thực hiện công tác định từ khóa.

Các điểm truy cập theo nội dung được mã hóa bằng các thuật ngữ/ký hiệu được coi là có khả năng mô tả tóm tắt nội dung của thông tin. Những thuật ngữ/ký hiệu như vậy được gọi là *ngôn ngữ chỉ mục*. Quá trình mã hóa này được gọi là quá trình *định chỉ mục*. Đây là quá trình xử lý nội dung tài liệu bao gồm việc tìm hiểu nội dung của tài liệu và chuyển những nội dung ấy sang ngôn ngữ chỉ mục.

1.2.1 Ngôn ngữ chỉ mục

Ngôn ngữ chỉ mục là những thuật ngữ hoặc ký hiệu được quy định dùng để mô tả nội dung tài liệu nhằm tạo ra các điểm truy cập cho các bảng tra hoặc cho các hệ thống tìm tin.

Lưu ý rằng thuật ngữ “ngôn ngữ chỉ mục” được dịch từ thuật ngữ tiếng Anh *Indexing language*. Trong một vài tài liệu tiếng Việt, các tác giả sử dụng thuật ngữ *Ngôn ngữ tư liệu* [3] hoặc *Ngôn ngữ tìm tin* [6] khi đề cập đến ngôn ngữ nhân tạo (được các cơ quan thông tin – thư viện quy định) dùng để mô tả nội dung tài liệu, phục vụ cho việc lưu trữ và tìm kiếm thông tin. Tuy nhiên, có thể thấy rằng, khi người tìm tin sử dụng các thuật ngữ hoặc ký hiệu để tìm tài liệu thì gọi các thuật ngữ hoặc ký hiệu này là “ngôn ngữ tìm tin” là thích hợp. Trong khi đó, khi cán bộ biên mục sử dụng các thuật ngữ hoặc ký hiệu để mô tả nội dung tài liệu thì sử dụng thuật ngữ “ngôn ngữ chỉ mục” để nói đến các thuật ngữ và ký hiệu này lại tỏ ra thích hợp hơn cả. Vì vậy, giáo trình này sử dụng thuật ngữ “ngôn ngữ chỉ mục”.

Cho đến bây giờ có nhiều loại ngôn ngữ chỉ mục. Thứ nhất là *ngôn ngữ chỉ mục có kiểm soát*, đó là những thuật ngữ/ký

hiệu đã được liệt kê trong các bộ thuật ngữ/ký hiệu được soạn sẵn và sẽ được dùng làm các điểm truy cập cho tài liệu. Loại thứ hai là *ngôn ngữ chỉ mục tự nhiên*, đó là những từ ngữ lấy ra từ chính văn của tài liệu để làm các điểm truy cập cho tài liệu. Loại thứ ba là *ngôn ngữ chỉ mục tự do*, đó là bất kỳ thuật ngữ nào mà có thể thể hiện được nội dung của tài liệu (có thể lấy ra từ chính văn, có thể do cán bộ thư viện chọn từ các nguồn tham khảo khác nhau) và được dùng làm điểm truy cập cho tài liệu.

Ngôn ngữ chỉ mục có kiểm soát

Ngôn ngữ chỉ mục có kiểm soát (có thể gọi tắt là ngôn ngữ có kiểm soát) là những bộ từ vựng hoặc ký hiệu đã được định sẵn, dựa trên đó cán bộ thư viện chọn một/vài thuật ngữ hay một ký hiệu thể hiện nội dung của tài liệu. Ngôn ngữ chỉ mục có kiểm soát được coi là ngôn ngữ nhân tạo được xây dựng nhằm mục đích tổ chức thông tin trong các thư viện và cơ quan thông tin. Khi xây dựng loại ngôn ngữ này phải dựa trên ba nguyên tắc, đó là (1) một thuật ngữ chỉ diễn tả một sự vật, (2) một thuật ngữ chỉ có một cách biểu đạt, và (3) ý nghĩa của thuật ngữ không phụ thuộc vào ngữ cảnh [3].

Ưu điểm của ngôn ngữ này là gia tăng sự ổn định của các thuật ngữ được dùng khi tìm tin (ngôn ngữ tìm tin) vì nội dung của tài liệu được thể hiện bằng những thuật ngữ/ký hiệu tiêu chuẩn. Tuy nhiên, những thuật ngữ/ký hiệu đã được định sẵn trong khuôn khổ một bộ từ vựng chuẩn cho nên khó có khả năng bao phủ mọi nội dung được thể hiện trong các nguồn tài liệu. Hơn nữa, bản thân thuật ngữ và ý nghĩa của chúng có thể thay đổi theo thời gian. Do vậy, từ vựng trong các bộ ngôn ngữ

có kiểm soát để có khả năng bị lỗi thời. Chính vì thế, các bộ từ vựng có kiểm soát đòi hỏi sự cập nhật, điều chỉnh thường xuyên để đảm bảo sự hợp thời và tính hiệu quả của các điểm truy cập.

Hiện nay, các bộ tiêu đề chủ đề, khung phân loại, bộ từ điển từ chuẩn là những công cụ xử lý thông tin dựa trên nguyên tắc ngôn ngữ chỉ mục có kiểm soát. Trong các bộ tiêu đề chủ đề và từ điển từ chuẩn, các thuật ngữ dùng để thể hiện nội dung tài liệu được sắp xếp theo trật tự chữ cái của ngôn ngữ tự nhiên chứ không được sắp xếp theo một hệ thống logic hay hệ thống khoa học nhất định. Vì thế, các thuật ngữ được xếp cạnh nhau trong các bộ công cụ này không có mối quan hệ ý nghĩa với nhau. Trong khi đó, trong một khung phân loại, mỗi một khái niệm sẽ được mã hóa bằng một ký hiệu và được sắp xếp dựa theo một hệ thống của các ngành khoa học. Vì thế, các khái niệm liên quan với nhau sẽ được nhóm chung vào cùng nhóm. Ký hiệu phân loại có thể là con số Ả Rập, ví dụ như khung phân loại DDC (khung phân loại thập phân Dewey), cũng có thể là sự kết hợp giữa chữ cái và con số, ví dụ như khung phân loại LCC (khung phân loại của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ).

Ngôn ngữ chỉ mục tự nhiên

Ngôn ngữ chỉ mục tự nhiên (có thể gọi tắt là ngôn ngữ tự nhiên) là thuật ngữ có trong chính văn của tài liệu được rút ra làm điểm truy cập cho nội dung tài liệu. Các thuật ngữ có thể được rút ra từ nhan đề, từ phần tóm tắt, từ toàn văn của tài liệu và không đòi hỏi phải có sự kiểm soát, quy định sẵn nào cả. Vì thế mà việc chọn thuật ngữ làm điểm truy cập có vẻ như đơn

giản. Tuy nhiên các đặc điểm vốn có của ngôn ngữ tự nhiên không cho phép tạo ra các điểm truy cập thống nhất và ổn định cho nội dung tài liệu. Những đặc điểm đó là trong ngôn ngữ tự nhiên (1) ý nghĩa của các từ thường thay đổi theo ngữ cảnh, (2) có nhiều từ đồng âm nhưng khác nghĩa và cũng có nhiều từ đồng nghĩa nhưng khác âm, (3) có nhiều loại từ (động từ, tính từ, trạng từ, danh từ) và mỗi loại từ có giá trị thông tin khác nhau, và (4) sử dụng cấu trúc ngữ pháp để kết hợp từ nhằm diễn giải ý tưởng do đó khi cấu trúc thay đổi thì ý tưởng cũng thay đổi. Vì vậy, khi không có sự kiểm soát thì dễ dẫn đến tình trạng ngôn ngữ chỉ mục không loại bỏ được những từ không đặc trưng, không thống nhất được ngữ nghĩa của thuật ngữ mô tả nội dung tài liệu. Hơn nữa, nếu tác giả sử dụng phương ngữ thì các điểm truy cập sẽ không mang tính phổ biến đối với người tìm tin.

Ngôn ngữ chỉ mục tự do

Ngôn ngữ chỉ mục tự do (còn được gọi là ngôn ngữ không kiểm soát) là bất kỳ thuật ngữ nào (có thể lấy từ chính văn tài liệu, có thể do chính nhân viên thư viện tạo lập) mà thể hiện được nội dung của tài liệu thì đều có thể làm điểm truy cập cho tài liệu. Cách định chỉ mục tự do này phụ thuộc vào người định chỉ mục và các quy định nội bộ của từng thư viện. Ưu điểm của ngôn ngữ này là không có sự khống chế trong việc lựa chọn thuật ngữ cho nên từ hay cụm từ mà người biên mục nghĩ đến đều có thể được dùng để thể hiện nội dung và được trình bày trong biểu ghi của tài liệu. Tuy nhiên, nó có khuyết điểm tương tự ngôn ngữ tự nhiên.

Như vậy, để thể hiện nội dung tài liệu người ta có thể sử dụng ngôn ngữ tự nhiên lẫn ngôn ngữ có kiểm soát. Tuy nhiên,

các đặc điểm của ngôn ngữ tự nhiên không thích hợp cho việc tạo dựng các điểm truy cập ổn định và thống nhất cho hệ thống tìm tin. Vì vậy, ngôn ngữ có kiểm soát ngày càng được sử dụng nhiều hơn tại mọi loại hình thư viện.

Kiểm soát từ vựng

Để đảm bảo tính nhất quán cho các công cụ xử lý tài liệu và tìm tin, người ta phải có những quy ước chỉ ra thuật ngữ nào được dùng và thuật ngữ nào không dùng trong quá trình xây dựng và sử dụng các công cụ này. Việc quy định những thuật ngữ được dùng trong xử lý nội dung tài liệu gọi là việc *kiểm soát từ vựng*. Những thuật ngữ được chọn dùng sẽ được tập hợp trong các bộ tiêu đề chủ đề, trong bảng tra, trong bộ từ điển từ chuẩn. Các bộ từ vựng được kiểm soát này sẽ được duy trì và tiếp tục cập nhật thông qua quá trình kiểm soát từ vựng.

Có thể thấy là trước khi có việc xây dựng ngôn ngữ có kiểm soát, cán bộ ở các thư viện tự định chủ đề, hay từ khóa, theo cách nào đó mà họ thấy phù hợp. Thế là có rất nhiều cách được coi là "phù hợp". Cho đến khi vốn tài liệu của mình ngày càng gia tăng thì từng thư viện đã nhận thấy phải có sự thống nhất trong cách chọn thuật ngữ định chỉ mục giữa các cán bộ thư viện. Hơn thế nữa, khi nhu cầu mượn liên thư viện và trao đổi cơ sở dữ liệu giữa các thư viện xuất hiện thì sự thống nhất trong cách chọn thuật ngữ để định chỉ mục trở thành một nguyên tắc trong hoạt động thông tin thư viện. Vì vậy, việc kiểm soát từ vựng cần phải được thực hiện.

Từ vựng được kiểm soát

Ngôn ngữ tự nhiên có rất nhiều từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa. Đó là các từ khác nhau nhưng thể hiện cùng một khái niệm.

Để đảm bảo tính nhất quán của các thuật ngữ được dùng làm điểm truy cập, quá trình kiểm soát từ vựng sẽ chọn ra một thuật ngữ duy nhất trong tập hợp các từ đồng nghĩa, gần nghĩa để thể hiện cho một khái niệm cụ thể. Từ được chọn này gọi là *từ vựng được kiểm soát*. Như vậy, trong ngôn ngữ chỉ mục từ vựng được kiểm soát là tập hợp các thuật ngữ được chọn để thể hiện các khái niệm cụ thể, chúng được dùng để làm điểm truy cập cho tài liệu.

Đối với những thuật ngữ không được chọn thì sẽ có các chỉ dẫn, được gọi là các *tham chiếu*, giúp người dùng biết được mối quan hệ giữa thuật ngữ được chọn và thuật ngữ không được chọn. Ví dụ, trong loạt từ Xe hơi, Ôtô, Xe bốn bánh nếu Ôtô được chọn là thuật ngữ làm điểm truy cập thì sẽ có các chỉ báo (tham chiếu) cho biết không được dùng Xe hơi, Xe bốn bánh làm điểm truy cập. Trong trường hợp này, Ôtô là từ được kiểm soát.

Từ vựng không kiểm soát

Từ vựng không kiểm soát là tập hợp các từ hiện hữu trong tài liệu; trong giao tiếp. Đó là ngôn ngữ tự nhiên, ngôn ngữ trong văn bản của tài liệu. Người ta cũng có thể dùng trực tiếp các từ không được kiểm soát này trong công tác biên mục khi thư viện cho phép định từ khoá và định tiêu đề chủ đề tự do.

Sự tiền kết hợp và hậu kết hợp của ngôn ngữ chỉ mục

Xét về mặt nguyên tắc, các bộ từ vựng dùng để định chỉ mục phải được cập nhật, điều chỉnh thường xuyên để đảm bảo sự hợp thời và tính hiệu quả cho các thuật ngữ được chọn làm điểm truy cập. Tuy nhiên, trên thực tế, không một bộ từ vựng nào có thể chứa sẵn đầy đủ các thuật ngữ thể hiện được mọi

nội dung có trong tài liệu của thư viện bởi vì nội dung của các nguồn tài liệu quá đa dạng và phức tạp. Có thể thấy là khi phân tích nội dung của tài liệu thường xảy ra ba trường hợp như sau. Một là tài liệu tập trung nói về một đối tượng hoặc một khái niệm cụ thể, riêng biệt. Hai là tài liệu tập trung nói về các khía cạnh của một đối tượng hoặc một khái niệm. Ba là tài liệu tập trung nói về một vài đối tượng hoặc khái niệm trong một mối quan hệ nào đó [5]. Để thể hiện được cụ thể và chính xác ý nghĩa của nội dung tài liệu, một thuật ngữ, hoặc một cụm từ rút ra từ một bộ từ vựng chuẩn có thể đáp ứng được trường hợp thứ nhất, nhưng không đáp ứng được trường hợp thứ hai và ba. Vì vậy, thực tế biên mục đã đưa ra hướng khắc phục tình trạng này bằng cách kết hợp các thuật ngữ có sẵn trong bộ từ vựng chuẩn theo nhiều cách nhằm thể hiện được cụ thể và đầy đủ nội dung của tài liệu. Các cách kết hợp này được chia thành hai loại *tiền kết hợp* và *hậu kết hợp*.

Tiền kết hợp là lựa chọn các thuật ngữ từ bộ từ vựng chuẩn, hoặc căn cứ vào quy định về việc lắp ghép các thuật ngữ riêng lẻ của bộ từ vựng, tạo sẵn các điểm truy cập cho việc tìm tin. Các điểm truy cập được tạo sẵn này gọi là *ngôn ngữ tìm tin tiền kết hợp*. Cách tiền kết hợp được sử dụng trong trường hợp (1) bản thân bộ từ vựng chuẩn có sẵn các cụm từ với các giới từ hoặc liên từ có khả năng thể hiện được mối quan hệ giữa các nội dung, hoặc (2) bộ từ vựng chuẩn đưa ra các quy định trong việc lắp ghép các thuật ngữ riêng lẻ tạo thành chuỗi thuật ngữ có khả năng thể hiện được các mối quan hệ giữa các nội dung. Theo cách tiền kết hợp này, cán bộ biên mục tạo được điểm truy cập thể hiện cụ thể nội dung của tài

liệu và người tìm tin có thể sử dụng chính xác điểm truy cập này cho việc tìm tin của mình.

Hậu kết hợp là việc sử dụng nhiều từ vựng riêng lẻ rút ra từ bộ từ vựng chuẩn để thể hiện các nội dung hoặc các khía cạnh của nội dung nhưng không chỉ ra mối quan hệ giữa các nội dung ấy. Theo cách này, cán bộ thư viện cung cấp các điểm truy cập riêng lẻ cho nội dung của tài liệu và để người tìm tin tự kết hợp các điểm truy cập này sao cho đáp ứng được nhu cầu tin của họ. Các điểm truy cập được tạo ra trong quá trình tìm tin bằng cách kết hợp các điểm truy cập riêng lẻ gọi là *ngôn ngữ tìm tin hậu kết hợp*.

Nói một cách khái quát, các ngôn ngữ chỉ mục có thể được sử dụng theo cách tiền kết hợp và hậu kết hợp. Theo cách tiền kết hợp, nội dung của tài liệu sẽ được thể hiện bằng thuật ngữ đã được quy định sẵn trong bộ từ vựng chuẩn, đồng thời các mối liên hệ giữa nội dung và các khía cạnh của nó, cũng như các mối quan hệ giữa các nội dung sẽ được trình bày theo quy định của ngôn ngữ chỉ mục [11]. Vì vậy, người tìm tin có thể dùng chính xác các thuật ngữ đã được kết hợp sẵn này để tìm một nội dung thông tin cụ thể mà họ quan tâm. Trong khi đó, theo cách hậu kết hợp thì nội dung của tài liệu và các khía cạnh của nội dung cũng sẽ được thể hiện bằng thuật ngữ được quy định sẵn, tuy nhiên không có sự kết hợp sẵn giữa các thuật ngữ này để thể hiện mối quan hệ giữa các nội dung [11]. Vì vậy, khi tìm tin, thông qua các toán tử Bool (AND, OR, NOT) người tìm tin sẽ tự kết hợp các thuật ngữ đã được định này sao cho phù hợp nhất với nhu cầu của họ.

Tóm lại, với các loại ngôn ngữ chỉ mục kể trên, tùy vào nhu cầu và điều kiện của mình, các thư viện và cơ quan thông

tin có thể áp dụng các cách khác nhau để tổ chức thông tin theo nội dung tài liệu. Một là dùng ngôn ngữ có kiểm soát bao gồm bộ tiêu đề chủ đề, từ điển từ chuẩn và khung phân loại để thể hiện nội dung cho tài liệu. Hai là sử dụng ngôn ngữ tự nhiên lấy ra từ chính văn của tài liệu để thể hiện nội dung cho tài liệu. Ba là dùng kết hợp, tức là vừa sử dụng ngôn ngữ có kiểm soát, đồng thời tăng cường thêm các điểm truy cập bằng ngôn ngữ tự nhiên lấy ra từ chính văn tài liệu.

1.2.2 Xử lý nội dung tài liệu

Như đã trình bày, để tổ chức thông tin theo nội dung, các thư viện và cơ quan thông tin có thể thực hiện các cách khác nhau bao gồm biên mục chủ đề, phân loại tài liệu, định từ khóa cho từng phần nội dung của toàn bộ tài liệu. Các công tác này có cách tiếp cận khác nhau khi phân tích nội dung tài liệu và dựa trên các công cụ khác nhau để tạo ra các điểm truy cập. Tuy nhiên, chúng có những bước kỹ thuật cơ bản giống nhau trong việc xử lý nội dung tài liệu [14] đó là (1) xác định nội dung của tài liệu, chọn những khái niệm hoặc khía cạnh thể hiện được nội dung của tài liệu, và (2) chuyển các khái niệm hoặc khía cạnh này sang ngôn ngữ chỉ mục, tạo điểm truy cập cho nội dung tài liệu.

Trọng tâm của bước thứ nhất là xác định nội dung của tài liệu thuộc lĩnh vực tri thức nào hoặc tài liệu nói về đề tài cụ thể gì, quyết định những khái niệm hoặc khía cạnh nào cần được thiết lập các điểm truy cập để giới thiệu và giúp cho người tìm tin có thể tìm được tin một cách chính xác. Để làm được điều này đòi hỏi cán bộ biên mục phải có kiến thức tổng quát tốt cũng như kiến thức nhất định về lĩnh vực mà tài liệu nói tới. Có

thể thấy việc xác định nội dung của tài liệu phụ thuộc rất nhiều vào kinh nghiệm, kiến thức, hiểu biết và quan điểm của người làm biên mục. Bên cạnh đó, đối tượng người dùng và chức năng của thư viện cũng là các yếu tố quan trọng tác động đến cán bộ biên mục trong việc xác định nội dung tài liệu.

Trọng tâm của bước thứ hai là chuyển các nội dung được chọn ở bước thứ nhất sang thuật ngữ hay ký hiệu được quy định trong một bộ từ vựng của ngôn ngữ chỉ mục. Để thực hiện bước này cán bộ thư viện phải thông thạo các nguyên tắc của ngôn ngữ chỉ mục và cách dùng các bộ từ vựng của ngôn ngữ chỉ mục mà thư viện sử dụng. Nếu thư viện theo cách định chỉ mục tự do thì cán bộ biên mục sẽ chọn các thuật ngữ từ chính văn hoặc tự thiết lập các thuật ngữ thể hiện được nội dung tài liệu làm điểm truy cập. Công việc này cũng đòi hỏi cán bộ biên mục phải thông thạo các nguyên tắc của ngôn ngữ chỉ mục.

Như vậy, bản chất của quá trình phân tích nội dung tài liệu là xác định được nội dung của tài liệu dưới những góc độ khác nhau và trình bày các nội dung này theo những quy tắc nhất định nhằm tạo ra các điểm truy cập theo nội dung tài liệu. Đây cũng chính là bản chất của quá trình phân tích nội dung trong biên mục chủ đề.

1.3 Biên mục chủ đề

1.3.1 Khái niệm về biên mục chủ đề

Tương tự như phân loại tài liệu và định từ khóa, biên mục chủ đề là một trong các công tác mà các thư viện và cơ quan thông tin thực hiện nhằm xây dựng hệ thống tìm tin theo đặc

điểm nội dung của tài liệu. Tuy nhiên biên mục chủ đề khác phân loại và định từ khóa ở cách tiếp cận trong việc phân tích nội dung tài liệu, và vì vậy cũng dùng các công cụ khác với phân loại và định từ khóa trong việc tạo ra các điểm truy cập theo nội dung.

Trong biên mục chủ đề, nội dung của tài liệu được phân tích theo cách xác định các chủ đề nổi bật được đề cập trong nội dung tài liệu. Chủ đề ở đây là các đề tài hoặc các vấn đề cụ thể được đề cập tài liệu nói đến.

Như vậy, hướng tiếp cận khi phân tích nội dung tài liệu trong biên mục chủ đề là tập trung xác định những đề tài cụ thể được đề cập trong tài liệu, hơn là xác định loại trí thức của toàn bộ nội dung tài liệu theo một hệ thống phân loại trí thức nào đó. Ví dụ như cuốn sách "Bảo vệ dữ liệu cho các dịch vụ thông tin thư viện" nói đến các thư viện ở nước Anh, các dịch vụ thông tin và cách để bảo vệ dữ liệu cho các dịch vụ này, để biên mục chủ đề, nội dung của tài liệu sẽ được xác định là tài liệu nghiên cứu về ba đề tài *Thư viện*, *Dịch vụ thông tin* và *Bảo vệ dữ liệu* chứ không được xác định là nghiên cứu về ngành *Thư viện - Thông tin học* thuộc khoa học tổng hợp như cách phân chia của hệ thống phân loại DDC.

Bên cạnh việc xác định các đề tài hoặc vấn đề cụ thể, phân tích nội dung trong biên mục chủ đề cũng xem xét các phân chia nhỏ, các khía cạnh hoặc góc độ nghiên cứu của các đề tài hoặc vấn đề được trình bày trong nội dung tài liệu. Ví dụ như cuốn sách nêu trên tập trung nghiên cứu các dịch vụ thông tin và việc bảo vệ dữ liệu ở các thư viện nước Anh, vì vậy góc độ nghiên cứu của các đề tài *Thư viện*, *Dịch vụ thông tin* và *Bảo*

về dữ liệu trong tài liệu này chỉ tập trung ở một quốc gia cụ thể là nước Anh.

Ngoài ra, quá trình biên mục còn thực hiện việc xác định các mối quan hệ (nếu có) giữa một đề tài cụ thể này với những đề tài khác nhằm chỉ ra những đề tài có nội dung liên quan với nhau. Ví dụ như cuốn sách nêu trên có đề tài nói về *Thư viện*, đề tài này sẽ liên quan đến các đề tài như *Cán bộ thư viện*, *Công sở*, *Thư viện công cộng*, *Thư viện chuyên ngành*, *Thư viện trường học*. Mối liên quan giữa các đề tài này có thể được phân tích như sau. *Thư viện* và *Cán bộ thư viện* là hai đề tài khác nhau. Tuy nhiên nói đến một đề tài này thì người ta hay liên tưởng đến đề tài kia, vì vậy, giữa chúng có mối quan hệ liên đới. *Thư viện* là một loại công sở, vì vậy đề tài *Công sở* mang nghĩa rộng hơn so với đề tài *Thư viện*. Ngược lại, các đề tài về từng loại thư viện cụ thể *Thư viện công cộng*, *Thư viện chuyên ngành*, *Thư viện trường học* thì lại mang nghĩa hẹp hơn so với đề tài *Thư viện*. Việc chỉ ra mối quan hệ của đề tài *Thư viện* với các đề tài có liên quan giúp cho người tìm tin có thể mở rộng phạm vi tìm tin, thu thập được thông tin một cách toàn diện về vấn đề mà họ đang nghiên cứu.

Trong biên mục chủ đề, công cụ dựa vào để định chỉ mục cho nội dung chủ đề, tạo điểm truy cập cho tài liệu là các bộ từ vựng của ngôn ngữ chỉ mục có kiểm soát. Từ vựng này là các thuật ngữ đã được định sẵn, mỗi thuật ngữ thể hiện một đề tài cụ thể, và được tập hợp thành một bộ từ vựng gọi là *Bộ tiêu đề chủ đề*. Trong một bộ tiêu đề chủ đề, các mối quan hệ nếu có giữa các đề tài cũng được chỉ ra thông qua hệ thống các tham chiếu. Hiện nay, bộ tiêu đề chủ đề của Thư viện Quốc hội Hoa

Kỳ (LCSH) là bộ tiêu đề chủ đề uy tín và được nhiều thư viện sử dụng nhất. Ngoài ra, còn có các bộ tiêu đề chủ đề nổi tiếng khác như bộ Sears List dùng cho các thư viện có quy mô vừa và nhỏ, bộ MeSH (Medical Subject Headings) dùng cho các thư viện y khoa. Ở Úc, người ta cũng đã xây dựng nên những bộ tiêu đề chủ đề như ASCIS subject heading list (Australian Schools Catalogue Information Services subject headings list) hoặc bộ FLASH (Final Library Subject Headings). Ở Pháp, người ta đã dùng bảng tiêu đề chủ đề RAMEAU (Répertoire d'Autorité Matière Encyclopédique et Alpha-bétique Unifié).

Như vậy, biên mục chủ đề là quá trình xác định các đề tài hoặc vấn đề cũng như phân chia nhỏ, khía cạnh hoặc góc độ nghiên cứu của các đề tài này nhằm tạo ra các điểm truy cập cho tài liệu. Các điểm truy cập này là từ hay một cụm từ thích hợp nhất được rút ra từ một bộ tiêu đề chủ đề. Từ hay cụm từ thể hiện nội dung đề tài hoặc vấn đề được gọi là *Tiêu đề chủ đề*. Từ hay cụm từ thể hiện phân chia nhỏ, khía cạnh hay góc độ nghiên cứu của chủ đề gọi là *Phụ đề*. Ngoài ra, quá trình biên mục chủ đề cũng chỉ ra các mối quan hệ nếu có giữa các đề tài có liên quan đến nhau.

Thuật ngữ *Tiêu đề chủ đề* được dịch từ thuật ngữ tiếng Anh *Subject Heading*. Trong nhiều tài liệu, thuật ngữ này được dịch là *Tiêu đề đề mục* hoặc *Đề mục chủ đề*.

1.3.2 Mục đích của biên mục chủ đề

Mục đích chung nhất của tất cả các công tác trong quá trình tổ chức thông tin là tạo ra các điểm truy cập nhằm xây dựng hệ thống tìm tin trong các thư viện và cơ quan thông tin. Tuy nhiên các mục đích cụ thể của việc biên mục chủ đề bao gồm:

- Tạo điểm truy cập theo chủ đề cho các tài liệu có trong thư viện. Điều này giúp người tìm tin tìm được tài liệu mà họ đã biết chủ đề của nó.
- Tập hợp tất cả tài liệu có cùng chủ đề dưới cùng một tiêu đề chủ đề cho dù chủ đề đó được thể hiện bằng các thuật ngữ khác nhau trong các tài liệu. Điều này giúp người tìm tin biết được tất cả tài liệu về một chủ đề có ở trong thư viện.
- Chỉ ra các mối quan hệ giữa các chủ đề, cũng như các khía cạnh, góc độ nghiên cứu trong một chủ đề. Điều này giúp người tìm tin chọn được chính xác tài liệu cần thiết, đồng thời có thể tìm được các tài liệu liên quan thích hợp và vì thế cho họ có thể tìm được thông tin một cách toàn diện.

Như vậy, biên mục chủ đề giúp xây dựng các công cụ tìm tin theo chủ đề của tài liệu, cụ thể là mục lục chủ đề. Bên cạnh đó, thông qua việc chỉ ra các mối quan hệ giữa các chủ đề, biên mục chủ đề còn giúp người dùng tin mở rộng được phạm vi tìm tin theo chủ đề đồng thời giúp cán bộ thư viện nắm được thành phần nguồn tài liệu của thư viện để có thể hỗ trợ quá trình tìm tin và thỏa mãn nhu cầu tin cho người dùng tin.

1.3.3 Ngôn ngữ chỉ mục dùng trong biên mục chủ đề

Biên mục chủ đề sử dụng ngôn ngữ chỉ mục có kiểm soát để tạo ra các điểm truy cập theo chủ đề cho tài liệu. Trong trường hợp này, ngôn ngữ chỉ mục có kiểm soát được gọi là *Ngôn ngữ tiêu đề chủ đề*, tập hợp các thuật ngữ có kiểm soát

này được gọi là *Bộ tiêu đề chủ đề*. Như vậy, ngôn ngữ tiêu đề chủ đề là ngôn ngữ chỉ mục có kiểm soát dùng để mô tả nội dung tài liệu và tạo ra các điểm truy cập theo chủ đề.

Thành phần của bộ tiêu đề chủ đề

Như đã trình bày, bộ tiêu đề chủ đề là một tập hợp các thuật ngữ được chọn làm tiêu đề chủ đề. Dựa vào đây, cán bộ thư viện sẽ biết được thuật ngữ nào là đơn vị từ vựng được kiểm soát và được dùng làm tiêu đề chủ đề cho một đề tài cụ thể, hay nói một cách khác là *tiêu đề có giá trị*. Bộ tiêu đề chủ đề cũng chỉ ra thuật ngữ nào là đơn vị từ vựng không được kiểm soát và không được dùng làm tiêu đề chủ đề, hay nói một cách khác là *tiêu đề không giá trị*. Tập hợp các thuật ngữ trong bộ tiêu đề chủ đề được sắp xếp theo trật tự chữ cái.

Bên cạnh đó, bộ tiêu đề chủ đề cũng chỉ ra mối quan hệ giữa một tiêu đề chủ đề với các tiêu đề khác. Các mối quan hệ này sẽ được phân tích trong chương kế tiếp khi trình bày các nguyên tắc ngôn ngữ tiêu đề chủ đề của IFLA và trong chương 4 khi trình bày các vấn đề liên quan đến tham chiếu. Tuy nhiên, để thuận tiện cho việc theo dõi các thành phần của bộ tiêu đề chủ đề, ở đây sẽ giới thiệu các mối quan hệ có thể có giữa các tiêu đề, bao gồm *Quan hệ tương đương*, *Quan hệ thứ bậc*, và *Quan hệ liên đới*.

Quan hệ tương đương là quan hệ giữa một tiêu đề có giá trị và một/các tiêu đề không giá trị. Để chỉ ra mối quan hệ này, một tham chiếu "Dùng cho", viết tắt là DC theo tiếng Việt hoặc UF theo tiếng Anh, sẽ nối một tiêu đề có giá trị đến một/các tiêu đề không giá trị; ngược lại, một tham chiếu "Sử dụng", viết tắt là

SD theo tiếng Việt hoặc USE theo tiếng Anh, sẽ nói một tiêu đề không giá trị đến một tiêu đề có giá trị. Ví dụ:

Ga đường sắt

SD Ga tàu

Ga hàng không

SD Sân bay

Ga tàu

DC Ga đường sắt

Sân bay

DC Cảng hàng không

Ga hàng không

Phi trường

Quan hệ thứ bậc là quan hệ giữa một tiêu đề với một/các tiêu đề mang nghĩa rộng hơn hoặc hẹp hơn. Để chỉ ra mối quan hệ này, một tham chiếu *Thuật ngữ nghĩa rộng*, viết tắt là TR theo tiếng Việt hoặc BT theo tiếng Anh, sẽ nói một tiêu đề đến một/các tiêu đề mang nghĩa rộng hơn; và một tham chiếu *Thuật ngữ nghĩa hẹp*, viết tắt là TH theo tiếng Việt hoặc NT theo tiếng Anh, sẽ nói một tiêu đề đến một/các tiêu đề mang nghĩa hẹp hơn. Ví dụ:

Thư viện viên

TR Chuyên gia thông tin

Nhân viên thư viện

TH Cán bộ biên mục

Cán bộ thư mục

Quan hệ liên đới là quan hệ giữa một tiêu đề với một/các tiêu đề có ý nghĩa liên quan, gắn gũi. Để chỉ ra mối quan hệ

này, một tham chiếu *Thuật ngữ liên đới*, viết tắt là TL theo tiếng Việt và RT theo tiếng Anh, sẽ nối một tiêu đề đến một/các tiêu đề có ý nghĩa liên quan, gần gũi. Ví dụ:

Cảm giác

TL Cảm nhận

Tuổi thọ

TL Tuổi già

Một thành phần nữa cũng được trình bày trong bộ tiêu đề chủ đề là các phụ đề thể hiện phần nội dung chia nhỏ, khía cạnh hoặc góc độ nghiên cứu của đề tài. Dưới mỗi tiêu đề có giá trị là tập hợp các phụ đề được phép ghép với nó. Trong trường hợp cần thiết cũng sẽ có các tham chiếu chỉ ra phụ đề có giá trị và phụ đề không giá trị. Thường thì một dấu gạch ngang sẽ được đặt trước các thuật ngữ được làm phụ đề. Ví dụ:

Thư viện

- Kiểm duyệt
- Lịch sử
- Phân tích lưu hành
- Quản trị
- Tài chính
- Tự động hóa
- Xuất bản

Ngoài ra, khi cần thiết, dưới tiêu đề và phụ đề còn có các chỉ định hoặc lời giải thích cách sử dụng hoặc ý nghĩa của chúng. Sau đây là một đoạn trích rút ra từ bộ LCSH để minh họa cho việc trình bày các tiêu đề, các tham chiếu, các phụ đề,

và các chỉ dẫn, chú giải. Trong bộ LCSH, các thuật ngữ được chọn làm tiêu đề có giá trị được in nét đậm, các thuật ngữ không được chọn làm tiêu đề có giá trị được in nét nhạt. Chỉ định (*May Subd Geog*) đi sau một tiêu đề chỉ ra rằng tiêu đề đó được quyền ghép với một địa danh làm phụ đề địa danh; ngược lại, tiêu đề nào có chỉ định (*Not Subd Geog*) đi sau thì không được quyền có phụ đề địa danh. Ngoài ra, trong bộ LCSH, ký hiệu phân loại theo LCC (khung phân loại của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ) tương ứng với chủ đề cũng được trình bày trong dấu ngoặc vuông.

Harvard's nonaligned (May Suld Group)
 US Carpathian Research
 RT Harvella

Harvard family
 USE Harvord family

Harv Island (Michigan)
 LSE Harv Island (Michigan)

Harv Kofun (Yoshino-shi, Fukuoka-ken, Japan)
 USE Harv Site (Yoshino-shi, Fukuoka-ken, Japan)

Harv Site (Yoshino-shi, Fukuoka-ken, Japan)
 US Harv Sites (Yoshino-shi, Fukuoka-ken, Japan)

BT Japan—Antiquities

Harvard (Training place)
 USE Tr (Training place)

Harvard Chiang Project
 UP Chiang Project
 Harvard University Chiang Project

BT Tsochi Indians
 Tsochi Indians

Harvard Forest (Mass.: Forest)
 RT Experimental forest—Massachusetts

Harvard Mark I (Calculator)
 USE Mark I (Calculator)

Harvard Square (Cambridge, Mass.)
 BT Place—Massachusetts

Harvard University
 — Accounting
 — Accreditation
 — Administration
 — Admission
 — Appeal cases
 — Alumni
 USE Harvard University—Alumni and Alumni

— Alumni and alumnus (May Suld Group)
 UP Harvard University—Alumni
 (Former heading)

— — Discretion
 — — Societies, etc.
 — — Anatomical, etc.
 — — Archives
 — — Athletics
 USE Harvard University—Sports

— Auditing

— Awards
 UP Harvard University—Prizes
 (Former heading)

— Bands
 UP Harvard University—Orchestras and bands (Former heading)

— Baseball
 — Basketball
 — Broadcasters
 — Bibliography
 — Biography
 — — Portraits
 UP Harvard University—Portraits
 (Former heading)

— Buildings
 — — Access for the physically handicapped
 USE Harvard University—Buildings
 — — Barrier-free design

— — Barrier-free design
 UP Harvard University—Buildings—Access for the physically handicapped
 (Former heading)

— Charters
 — Charal organizations
 — — Civil collections
 BT Coins—Private collections

— Course catalogs
 USE Harvard University—Curricula

— Curricula
 UP Harvard University—Course catalogs
 Harvard University—Curricula—Catalogs

— — Catalogs
 USE Harvard University—Curricula

— Data processing
 — Degrees
 — Directories
 — — Telephones
 USE Harvard University—Telephone directories

— — Faculty
 — — Observations
 — — Employees
 — — Political activity
 BT Political participation

— Endowments

— Entrance examinations
 Here are named corresponding questions and answers for admission to Harvard. Works on the requirements for admission to Harvard are entered under Harvard University—Admission requirements.

— Entrance requirements
 Here are listed works on the requirements for admission to Harvard. Questions of student admission questions and answers are entered under Harvard University—Admission requirements.

— — Biology, (Mathematics, etc.)

— Evaluation

— — Examinations
 Here are listed works on examinations, as well as compilations of examination questions and answers. Works on examinations on specific topics are entered under this heading further subdivided by the topic, with an additional heading if appropriate, under the topic further subdivided by Examination or Examinations, questions, etc., e.g. Harvard University—Examinations—Mathematics. ? Mathematics—Examinations.

— — Biology, (Mathematics, etc.)

— — Mathematics
 — — Study guides

— Faculty
 — — Discretion

— — Prizes
 UP Harvard University—Faculty—Salaries, pensions, etc.
 (Former heading)

— — Salaries, etc.
 UP Harvard University—Faculty—Salaries, pensions, etc.
 (Former heading)

— — Studies, pensions, etc.
 USE Harvard University—Faculty—Prizes
 Harvard University—Faculty—Salaries, etc.

— Faculty housing

— Finance
 — — Football

— Fraternity
 — Funds and scholarships
 — Golf
 (1968 F.H.)

— Graduate students
 — Graduate work

— Guide-books
 USE Harvard University—Guidebooks

— Guidebooks
 UP Harvard University—Guidebooks
 (Former heading)

— History
 — — 17th century
 — — 19th century
 UP Harvard University—History
 Reminiscence, 1775-1783
 (Former heading)

— — Reminiscence, 1775-1783
 USE Harvard University—History—18th century

— — 18th century

UP Harvard University—History—Civil War, 1861-1865
 (Former heading)

— — Civil War, 1861-1865
 USE Harvard University—History—19th century

— — 19th century

— — Chronology
 — — Societies
 — — Societies
 (GV247.75)

— Floor plans

— In literature
 UP Harvard University in literature
 (Former heading)

— — Lists

— Language
 UP Harvard University—Language
 (New words (logos, etc.)
 (Former heading)

— Language (New words, slang, etc.)
 USE Harvard University—Language

— Libraries
 RT Academic libraries—Massachusetts

— Maps

— Museums
 — — Museums
 BT Museums—Massachusetts

— — One postage stamps

— — Open education (May Suld Group)

— — Orchestras
 UP Harvard University—Orchestras and bands (Former heading)

— — Orchestras and bands
 USE Harvard University—Orchestras
 Harvard University—Orchestras

— Parks

— Periodicals

— Periodical works

— Planning

— Poetry

— Portraits
 USE Harvard University—Biography—Portraits

— Presidents

— — Prizes
 USE Harvard University—Awards

— Public opinion

— Public relations (May Suld Group)
 UP Public relations—Harvard University

— Public opinion

— Registers

— Regulations
 UP Regulations of Harvard University

— Religion

— Research grant

— Best April 1, 1969

— Rites

— Rowing

— Rugby football

— Sanitary affairs

— Societies, etc.

— Songs and music

— Sports
 UP Harvard University—Athletics
 (Former heading)

— Standards

— — Strike, (dorm)
 USE Harvard University—Student strike, etc.

— Student housing

— Student strikes, etc.
 UP Harvard University—Strike, etc.
 (Former heading)

— Students

— — Calendar and customs

— — Mental health services

— — Yearbooks

— Swimming
 BT Swimming

Đặc điểm của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề

Mục đích chung nhất của các ngôn ngữ chỉ mục, bao gồm ngôn ngữ phân loại, ngôn ngữ tiêu đề chủ đề và ngôn ngữ từ khóa, là mô tả tóm tắt nội dung tài liệu nhằm sắp xếp các tài liệu có cùng nội dung vào một tập hợp và cung cấp các điểm truy cập theo nội dung cho tài liệu [21]. Như vậy, để đạt được các mục đích vừa nêu một cách lý tưởng, các ngôn ngữ chỉ mục phải được thiết lập sao cho hỗ trợ người dùng tìm thấy các tài liệu vừa chính xác vừa đầy đủ, đồng thời phải trình bày được mối quan hệ giữa các nội dung tri thức. Mỗi loại ngôn ngữ chỉ mục sẽ có những đặc điểm riêng khi nhắm đến các mục đích vừa nêu. Để hỗ trợ quá trình tìm tin hiệu quả, ngôn ngữ tiêu đề chủ đề dựa trên đặc điểm ngôn ngữ tự nhiên có kiểm soát, và vừa có sự tiền kết hợp vừa có sự hậu kết hợp. Để trình bày mối quan hệ giữa các nội dung tri thức, ngôn ngữ tiêu đề chủ đề dựa trên đặc điểm tính toàn thể và bộ phận của tiêu đề chủ đề, quan hệ ngữ nghĩa được trình bày thông qua hệ thống tham chiếu.

Ngôn ngữ tự nhiên có kiểm soát

Khác với ngôn ngữ phân loại (dùng ký hiệu để mô tả nội dung tài liệu), đơn vị từ vựng của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề là ngôn ngữ tự nhiên được kiểm soát hóa. Việc sử dụng đơn vị từ vựng là ngôn ngữ tự nhiên để mô tả nội dung tài liệu khiến cho người tìm tin cảm thấy thân thiện và dễ sử dụng ngôn ngữ này. Việc kiểm soát từ vựng, nghĩa là chỉ ra thuật ngữ nào được dùng và thuật ngữ nào không dùng, đồng thời quy định một ý nghĩa duy nhất cho mỗi thuật ngữ trong quá trình xây dựng và sử dụng tiêu đề chủ đề, giúp tăng cường tính chính xác và ổn định của các điểm truy cập theo chủ đề. Như vậy, đặc điểm

này khiến ngôn ngữ tiêu đề chủ đề có khả năng mô tả được chính xác nội dung tài liệu và hỗ trợ được người dùng tin trong quá trình tìm tin.

Vừa có sự tiên kết hợp vừa có sự hậu kết hợp

Trong môi trường thư viện truyền thống, các thông tin thư mục của một tài liệu được trình bày trên khuôn khổ một phiếu mô tả riêng biệt và người đọc phải tra tìm tài liệu theo lối thủ công - không có sự hỗ trợ của máy tính trong việc tự kết hợp các yếu tố thư mục - người ta chỉ có thể sử dụng ngôn ngữ tiêu đề chủ đề theo cách tiên kết hợp. Ngày nay, trong môi trường tự động hóa, ngôn ngữ tiêu đề chủ đề vừa có thể sử dụng theo cách tiên kết hợp, vừa có thể sử dụng theo cách hậu kết hợp.

Theo cách tiên kết hợp, để tạo ra các tiêu đề chủ đề cho tài liệu, cán bộ biên mục sẽ lựa chọn thuật ngữ trong bộ tiêu đề chủ đề sao cho thể hiện được cụ thể và chính xác nhất nội dung tài liệu, hoặc ghép các phụ đề vào các tiêu đề để thể hiện được mối quan hệ giữa nội dung chủ đề và các khía cạnh của nó nhằm thể hiện cụ thể và chính xác nội dung tài liệu. Người tìm tin sẽ dùng các tiêu đề chủ đề được định sẵn này để tìm tài liệu.

Trong trường hợp bộ tiêu đề chủ đề không có sẵn một thuật ngữ thích hợp và việc lắp ghép các phụ đề cũng không tạo ra một tiêu đề chủ đề thể hiện chính xác, cụ thể nội dung tài liệu thì cán bộ biên mục sẽ sử dụng cách hậu kết hợp. Trong biên mục chủ đề, có hai trường hợp được coi là sử dụng cách hậu kết hợp của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề.

Cách thứ nhất, để tạo ra các tiêu đề chủ đề cho tài liệu, cán bộ biên mục chọn các thuật ngữ riêng biệt trong bộ tiêu đề chủ đề thể hiện được các phần nội dung và khía cạnh khác nhau của

chủ đề. Như vậy, các tiêu đề chủ đề chỉ thể hiện được các nội dung và các khía cạnh của chủ đề một cách riêng biệt mà không thể hiện được mối quan hệ giữa chúng. Đến khi tìm tin, người tìm sẽ tự kết hợp các tiêu đề này sao cho phù hợp với nhu cầu tin của họ.

Cách thứ hai, trong trường hợp xét thấy cần thiết, cán bộ biên mục sẽ không cố gắng lắp ghép các thuật ngữ riêng biệt có sẵn mà đưa ra một thuật ngữ mới và đề nghị bổ sung thuật ngữ này vào bộ tiêu đề chủ đề. Nếu xét thấy hợp lý, thư viện sẽ thông qua và kể từ đó trở đi, thuật ngữ mới này sẽ trở thành tiêu đề có giá trị.

Như vậy, đặc điểm vừa có sự tiền kết hợp vừa có sự hậu kết hợp đã làm tăng khả năng xử lý nội dung tài liệu của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề, đồng thời gia tăng khả năng tìm được thông tin một cách cụ thể và chính xác.

Tính toàn thể và bộ phận của tiêu đề chủ đề

Ngôn ngữ tiêu đề chủ đề cho phép cụ thể hóa một chủ đề thông qua việc ghép các phụ đề thể hiện các phần chia nhỏ hoặc các khía cạnh nghiên cứu của một chủ đề vào tiêu đề. Như vậy, tiêu đề chủ đề vừa thể hiện được ý nghĩa của toàn thể nội dung chủ đề vừa thể hiện được từng bộ phận của nội dung. Đây chính là đặc điểm toàn thể và bộ phận của tiêu đề chủ đề [4, 7]. Đặc điểm này được phản ánh thông qua mối quan hệ giữa tiêu đề chính và phụ đề của một tiêu đề chủ đề.

Như vậy, tính toàn thể và bộ phận giúp ngôn ngữ tiêu đề chủ đề thể hiện được cụ thể và chính xác nội dung tài liệu, đồng thời trình bày được mối quan hệ trong bản thân từng nội dung.

Quan hệ ngữ nghĩa được trình bày thông qua hệ thống tham chiếu

Các tiêu đề được sắp xếp trong bộ tiêu đề chủ theo trật tự chữ cái, vì vậy các tiêu đề đứng cạnh nhau là do sự ngẫu nhiên của chữ cái. Cách trình bày này đã không thể hiện được quan hệ ngữ nghĩa, hay hệ thống logic giữa các tiêu đề chủ đề. Tuy nhiên, trong bộ tiêu đề chủ đề, dưới mỗi tiêu đề có giá trị sẽ có các tham chiếu chỉ ra các tiêu đề có nghĩa rộng hơn, hoặc hẹp hơn, hoặc liên đới với nó. Như vậy, mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các tiêu đề chủ đề đã được thể hiện thông qua hệ thống các tham chiếu. Đặc điểm này giúp ngôn ngữ tiêu đề chủ đề trình bày được mối quan hệ giữa các nội dung tri thức.

Như vậy, ngôn ngữ tiêu đề chủ đề là ngôn ngữ chỉ mục có kiểm soát với các đặc tính riêng của nó. Để xây dựng và sử dụng một cách hiệu quả và ổn định, ngôn ngữ tiêu đề chủ đề đòi hỏi thực hiện công việc kiểm soát từ vựng một cách cẩn thận và theo các quy định nhất định. IFLA (Hiệp hội thư viện thế giới) đã đưa ra 11 nguyên tắc cơ bản hướng dẫn xây dựng ngôn ngữ tiêu đề chủ đề. Nói một cách khác, IFLA đã đưa ra các nguyên tắc hướng dẫn các thư viện xây dựng bộ tiêu đề chủ đề đạt tiêu chuẩn. Những nguyên tắc này sẽ được trình bày trong chương kế tiếp.

Tóm lại, Chương 1 đã trình bày các khái niệm quan trọng và cơ bản liên quan đến tổ chức thông tin nói chung và biên mục chủ đề nói riêng. Các khái niệm này sẽ còn được nhắc đến và giải thích cụ thể hơn trong những chương tiếp theo khi phân tích các vấn đề cụ thể của biên mục chủ đề và ngôn ngữ tiêu đề chủ đề.

Chương 2

NGUYÊN TẮC CỦA NGÔN NGỮ TIÊU ĐỀ CHỦ ĐỀ

Thực hiện công tác biên mục nhằm xây dựng hệ thống tìm tin có khả năng cung cấp thông tin chính xác và hiệu quả là một điều rất khó. Mục đích này đòi hỏi các thuật ngữ tìm tin và cách tìm tin của một hệ thống phải dễ hiểu, dễ sử dụng và phù hợp với thói quen tìm tin của cả cán bộ thư viện lẫn người dùng tin. Thậm chí, một hệ thống thông tin còn phải hướng đến việc làm thế nào để có thể thỏa mãn được từng cá nhân người dùng với những đặc tính riêng, nhu cầu riêng của họ. Có thể nói, cho đến bây giờ chưa một hệ thống nào hoàn hảo được như vậy. Tuy nhiên, thực tế cho thấy rằng, để có được một hệ thống tìm tin hiệu quả thì một trong những yêu cầu cơ bản là các thư viện và cơ quan thông tin cần có những nguyên tắc tổ chức thông tin đạt được các tiêu chuẩn nhất định.

Đối với công tác biên mục chủ đề, các nguyên tắc tổ chức thông tin được phản ánh trong bộ tiêu đề chủ đề. Đây là công cụ mà dựa vào đó cán bộ biên mục định ra tiêu đề chủ đề cho tài liệu, tạo các điểm truy cập nhằm xây dựng hệ thống tìm tin theo chủ đề. Để xây dựng nên bộ tiêu đề chủ đề đạt tiêu chuẩn, đã có nhiều thế hệ các học giả ngành thư viện – thông tin học nghiên cứu và đề xuất các cơ sở lý luận liên quan đến ngôn ngữ tiêu đề chủ đề, ví dụ như Haykin [15], Cutter [12],

Svenonius [21]. Các cơ sở lý luận liên quan đến ngôn ngữ tiêu đề chủ đề bao gồm các vấn đề kiểm soát thuật ngữ làm tiêu đề chủ đề, trình bày mối quan hệ giữa các chủ đề, sử dụng nhất quán các tiêu đề chủ đề khi biên mục, hỗ trợ người dùng tin sử dụng hệ thống ngôn ngữ tiêu đề chủ đề. Cũng có thư viện trên thế giới đã xây dựng những nguyên tắc cơ bản hướng dẫn quá trình xây dựng công cụ biên mục và thực hiện việc biên mục, ví dụ như Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ.

Để tạo điều kiện cho việc tiêu chuẩn hóa các bộ tiêu đề chủ đề và thực hiện việc biên mục tạo ra các điểm truy cập theo chủ đề trên phạm vi toàn cầu, năm 1990 IFLA đã thực hiện chương trình biên soạn các nguyên tắc cơ bản của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề (IFLA principles Underlying Subject Heading Language (SHLs)) [16]. Trên cơ sở đó IFLA hướng dẫn việc xây dựng một bộ tiêu đề chủ đề đạt tiêu chuẩn. Giáo trình này giải thích các nguyên tắc ngôn ngữ tiêu đề chủ đề theo cách trình bày của IFLA.

Như đã nêu trong chương trước, ngôn ngữ tiêu đề chủ đề là ngôn ngữ chi mục có kiểm soát, được sử dụng để mô tả nội dung và tạo ra các điểm truy cập theo chủ đề của tài liệu. IFLA đề nghị 11 nguyên tắc cơ bản của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề và chia chúng thành hai nhóm chính: Nhóm nguyên tắc thiết lập (Construction principles) và nhóm nguyên tắc ứng dụng (Application principles).

Nhóm nguyên tắc thiết lập bao gồm chín nguyên tắc tập trung vào các vấn đề lựa chọn và sử dụng thuật ngữ làm tiêu đề chủ đề, và các vấn đề trình bày tiêu đề chủ đề. Cụ thể là:

- Kiểm soát thuật ngữ làm tiêu đề chủ đề (nguyên tắc tiêu đề thống nhất, nguyên tắc đồng nghĩa, nguyên tắc đồng âm, nguyên tắc định danh)
- Mối liên quan của các tiêu đề chủ đề (nguyên tắc ngữ nghĩa)
- Trình bày tiêu đề chủ đề (nguyên tắc cú pháp, nguyên tắc ổn định)
- Sự tôn trọng thuật ngữ của tác giả và khuynh hướng phát triển thuật ngữ (nguyên tắc bảo toàn văn phong)
- Sự thân thiện, tiện dụng của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề đối với người sử dụng (nguyên tắc người sử dụng).

Nhóm nguyên tắc ứng dụng bao gồm hai nguyên tắc, tập trung vào các vấn đề xây dựng chính sách, quy định cho việc áp dụng ngôn ngữ tiêu đề chủ đề để định chủ đề cho tài liệu.

Các nguyên tắc của IFLA sẽ được trình bày cụ thể sau đây. Trong trường hợp cần thiết phần triển khai ứng dụng các nguyên tắc này cũng sẽ được trình bày.

2.1 Nguyên tắc Tiêu đề thống nhất (Uniform Heading principle)

Ngôn ngữ tiêu đề chủ đề được xây dựng dựa trên ngôn ngữ tự nhiên. Tuy nhiên, trong ngôn ngữ tự nhiên có rất nhiều từ tương đương nhau, nghĩa là các từ khác nhau nhưng mang cùng một ý nghĩa. Chúng có thể là những từ đồng nghĩa, từ gần nghĩa, từ cổ và từ hiện đại, từ thông dụng và từ chuyên ngành. Do đó, khi biên mục, để đảm bảo được tính hiệu quả

của việc tổ chức thông tin theo chủ đề và đảm bảo được tính nhất quán, ổn định của các điểm truy cập theo chủ đề thì phải tiến hành kiểm soát từ vựng. Nghĩa là cho dù trong tài liệu các tác giả sử dụng các thuật ngữ khác nhau để viết về cùng một đề tài thì khi biên mục đề tài đó phải được thể hiện bằng một tên gọi duy nhất, hay nói một cách khác là một tiêu đề chủ đề duy nhất. Điều này hỗ trợ việc xây dựng được mục lục có khả năng giới thiệu tất cả tài liệu về một đề tài có trong thư viện. Nếu không thì sẽ dẫn đến việc các tài liệu về một đề tài lại bị phân tán dưới nhiều tiêu đề. Đây là nguyên tắc đã tồn tại từ rất lâu trong biên mục chủ đề. Haykin gọi đây là “nguyên tắc thống nhất” (Principle of unity) [15]. IFLA gọi đây là nguyên tắc tiêu đề thống nhất và phát biểu nguyên tắc này như sau¹:

Để kiểm soát được thuật ngữ và tập trung vào một chỗ các tài liệu có cùng một chủ đề, mỗi một khái niệm hay tên gọi của một thực thể phải được trình bày dưới một tiêu đề đã được quy định (gọi là tiêu đề có giá trị hay tiêu đề chuẩn).

Khi triển khai nguyên tắc này vào việc xây dựng một bộ tiêu đề chủ đề, có thể thấy rằng có ba yếu tố cần quy định tính thống nhất khi xây dựng các tiêu đề chủ đề: (1) tên gọi (dùng thống nhất một từ hay một chuỗi từ cho một đề tài), (2) hình thức (dùng thống nhất một cấu trúc ngữ pháp cho tiêu đề của một đề tài) và (3) yếu tố truy cập (chọn từ đứng đầu cho tiêu đề).

¹ Phần phát biểu của IFLA được dịch dựa theo tài liệu *IFLA Principles For Subject Heading* do Lois Mai Chan biên soạn năm 1999.

Tên gọi thống nhất

Khi một đề tài có thể thể hiện bằng nhiều tên gọi thì chỉ một tên gọi được chọn làm tiêu đề. Ví dụ, phải chọn một tiêu đề có giá trị trong số các từ *Hoa trinh nữ*, *Hoa mắc cỡ*, *Hoa xấu hổ*. Nếu như *Hoa trinh nữ* được chọn thì hai tên gọi còn lại không được dùng làm tiêu đề có giá trị. Chúng bị coi là tiêu đề không giá trị.

Hình thức thống nhất

Chỉ chọn một hình thức cấu trúc ngữ pháp cho một tiêu đề có giá trị. Cụ thể là để có một tiêu đề thống nhất cho một khái niệm nội dung thì phải chọn một trong các phương án sau: một từ, một cụm từ, từ có phần giải thích, cụm từ đảo hay là hình thức một tiêu đề phức bao gồm tiêu đề chính và các phụ đề. Ví dụ, phải chọn một tiêu đề có giá trị giữa (1) một cụm từ theo trật tự thuận của ngôn ngữ tự nhiên *Vai trò phụ nữ*, hay (2) một cụm từ đảo *Phụ nữ, Vai trò* (ở đây từ *Phụ nữ* được đặt lên đầu vì được coi là từ có giá trị gợi ý nhất cho nội dung đề tài), hay (3) kiểu trình bày phân tách *Phụ nữ—Vai trò*. Tương tự như vậy, phải chọn giữa (1) *Bệnh lao*, hay (2) *Lao (Bệnh)*, hay (3) *Lao, Bệnh*.

Yếu tố truy cập thống nhất

Nếu tiêu đề có chứa vài yếu tố và các yếu tố này đều có thể trở thành điểm truy cập thì phải chọn xem từ nào có giá trị gợi ý nhất cho nội dung đề tài và đó sẽ là từ đi đầu của tiêu đề. Ví dụ, phải chọn giữa (1) *Thực vật, Tác dụng của ánh sáng đối với*, hay (2) *Tác dụng của ánh sáng đối với thực vật* khi thiết lập tiêu đề cho đề tài nói về giá trị của ánh sáng đối với thực vật.

Để xây dựng những tiêu đề thống nhất cho bộ tiêu đề chủ đề, trong ba yếu tố phải lựa chọn kể trên (tên gọi, hình thức, yếu tố truy cập). việc lựa chọn tên gọi thống nhất có vẻ rắc rối nhất. IFLA đã có riêng một nguyên tắc nhấn mạnh đến vấn đề này - nguyên tắc từ đồng nghĩa.

2.2 Nguyên tắc Từ đồng nghĩa (Synonymy principle)

Một cách hiểu chung nhất, từ đồng nghĩa là các từ có cách phát âm hoặc trình bày mẫu tự khác nhau nhưng biểu thị cùng một khái niệm hoặc một thực thể. Khi xây dựng tiêu đề có giá trị dùng để thể hiện một đề tài thì chỉ chọn một trong số các từ đồng nghĩa. IFLA phát biểu nguyên tắc từ đồng nghĩa như sau:

Để tập trung tất cả tài liệu về một chủ đề và để tăng cường khả năng tìm thấy tài liệu thì các từ đồng nghĩa phải được kiểm soát.

Trên thực tế thì khi xây dựng tiêu đề có giá trị không phải chỉ là việc lựa chọn giữa các từ đồng nghĩa, mà còn phải lựa chọn giữa các từ gần nghĩa, giữa các từ tiếng nước ngoài và tiếng bản xứ, giữa các từ phổ thông và các thuật ngữ khoa học, giữa các từ hiện đại và các từ cũ hay từ cổ.

Lựa chọn giữa các từ đồng nghĩa và giữa các từ gần nghĩa

Nói chung, trong số những từ đồng nghĩa thì nên chọn từ quen thuộc với người sử dụng và không được tối nghĩa. Đối với các khái niệm gần nghĩa - những khái niệm không hoàn toàn giống nhau nhưng chúng lại liên quan rất chặt chẽ với nhau và rất dễ quy chúng vào cùng một chủ đề - có thể tham khảo đề nghị của Cutter. Ông đề nghị: "hãy suy xét xem chúng

có khác biệt nhau đến mức phải có những điểm truy cập riêng lẻ không, nếu không, hãy coi chúng như là những từ đồng nghĩa" [12, tr.70].

Lựa chọn giữa từ bản xứ và từ tiếng nước ngoài

Một bộ tiêu đề chủ đề được thiết kế để phục vụ cho quốc gia nào thì dĩ nhiên ngôn ngữ của quốc gia đó phải được ưu tiên. Tuy nhiên, khi một khái niệm nào đó thường được thể hiện bằng tiếng nước ngoài thì thuật ngữ tiếng nước ngoài sẽ được chọn. Ví dụ như từ Bonsai hay Internet không phải là từ tiếng Việt nhưng lại được thường xuyên sử dụng thì những từ này nên được chọn làm tiêu đề có giá trị thay vì tìm cách dịch chúng sang tiếng Việt. Tương tự như thế, phương thức này cũng nên được áp dụng khi chọn giữa từ Hán Việt hay từ thuần Việt làm tiêu đề có giá trị. Ví dụ, dùng *Xác chết* (từ thuần Việt) làm tiêu đề mà không dùng *Tử thi* (từ Hán Việt), nhưng lại dùng *Giáo viên* (từ Hán Việt) làm tiêu đề chứ không dùng *Người dạy học* (từ thuần Việt).

Lựa chọn giữa từ khoa học và từ phổ thông

Nhìn chung, các từ phổ thông sẽ được chọn nếu như chúng được sử dụng phổ biến và không tối nghĩa. Tuy nhiên, tại một số thư viện, nhất là Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ (LC), đối với động vật và thực vật, mặc dù vẫn ưu tiên tên thông dụng, nhưng tên Latin sẽ được chọn nếu như tên thông dụng thể hiện nhiều mức độ quá, hoặc sinh vật chỉ có ở các nước ngoài [9].

Lựa chọn giữa từ cũ và từ hiện đại

Khi thiết lập các tiêu đề có giá trị thì thuật ngữ hiện đại bao giờ cũng được ưu tiên lựa chọn hơn là thuật ngữ lỗi thời.

Để nhận ra sự lỗi thời của thuật ngữ, thường thì cán bộ biên mục phải tham khảo từ nhiều nguồn thông tin, nhất là từ từ điển và tạp chí chuyên ngành. Bên cạnh đó, cán bộ biên mục cũng dựa trên sự hiểu biết về ngôn ngữ của cá nhân họ.

Tuy nhiên, có những trường hợp phải mất rất nhiều thời gian để có sự nhất trí giữa những người có thẩm quyền trong việc dùng một thuật ngữ nào đó thể hiện một khái niệm mới xuất hiện. Do đó, cán bộ biên mục phải cố gắng phán đoán dựa trên những dấu hiệu có sẵn (có khi chỉ là dựa trên tài liệu đang được biên mục) và khuynh hướng phát triển của khoa học để chọn ra một thuật ngữ làm tiêu đề. Đây thực sự là một khó khăn cho cán bộ biên mục. Ví dụ như tại LC, người ta đã chọn *Electronic calculating-machines* làm tiêu đề cho máy tính (computer) khi nó xuất hiện lần đầu tiên, nhưng sau này tiêu đề này lại được thay thế bằng *Computers*.

2.3 Nguyên tắc Từ đồng âm (Homonymy principle)

Ngôn ngữ tự nhiên có thể có các từ đồng âm hay là từ đa nghĩa. Đó là những từ có cách phát âm giống nhau nhưng biểu thị những khái niệm hoặc thực thể khác nhau. Do đặc điểm này của ngôn ngữ tự nhiên, một từ có thể thể hiện hai đề tài. Trong khi đó, một hệ quả tất yếu của nguyên tắc tiêu đề thống nhất là chỉ có một tiêu đề duy nhất có giá trị cho một đề tài. Cho nên phải có cách kiểm soát, hay nói một cách khác là phải quy định một nghĩa nhất định, khi chọn từ đồng âm làm tiêu đề. Điều này giúp tránh hiện tượng nhiễu tin khi tìm tin bằng tiêu đề chủ đề, tức là tránh việc dùng một tiêu đề mà lại tìm thấy các tài liệu thuộc nhiều vấn đề khác nhau. IFLA phát biểu nguyên tắc từ đồng âm như sau:

Để ngăn chặn việc tìm thấy những tài liệu không phù hợp và tăng cường độ chính xác của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề, các từ đồng âm cần phải được kiểm soát.

Theo thực tế biên mục hiện nay, để kiểm soát từ đồng âm, một phần bổ nghĩa đặt trong ngoặc đơn sẽ được đi kèm ngay sau tiêu đề chủ đề. Những từ bổ nghĩa này phải ngắn gọn và rõ nghĩa. Ví dụ, *Cà phê (cây)*, *Cà phê (sản phẩm)*, và *Đường (thực phẩm)*, *Đường (giao thông)*.

2.4 Nguyên tắc Ngữ nghĩa (Semantic principle)

Có thể thấy rằng có nhiều đề tài không tồn tại một cách độc lập mà chúng thường có các mối quan hệ với những đề tài khác. Một đề tài có thể mang nghĩa rộng hơn hoặc hẹp hơn so với một đề tài khác. Một đề tài có thể có mối liên quan đến một đề tài khác. Các mối quan hệ này được gọi là quan hệ ngữ nghĩa giữa các đề tài. Do đó, khi xây dựng các tiêu đề chủ đề cũng như khi xây dựng mục lục thì cần phải chỉ ra mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các tiêu đề. Nhờ đó, người tìm tin một mặt tìm thấy đúng tài liệu mà họ quan tâm, mặt khác nhận ra các vấn đề có liên quan với đề tài mà họ quan tâm, giúp họ mở rộng phạm vi tìm tin phù hợp với nhu cầu của mình. IFLA phát biểu nguyên tắc ngữ nghĩa như sau:

Để thể hiện cấu trúc ngữ nghĩa của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề, cần phải thể hiện các mối quan hệ giữa các tiêu đề. Các mối quan hệ này bao gồm: quan hệ tương đương, quan hệ thứ bậc và quan hệ liên đới.

Quan hệ tương đương (Equivalence Relationship)

Như đã phân tích, một khái niệm hay một thực thể có thể diễn đạt bằng các từ khác nhau. Các từ này có thể là các từ hoàn toàn đồng nghĩa, các từ gần nghĩa, từ cổ và từ hiện đại, từ phổ thông và từ khoa học. Xét về mặt ngữ nghĩa thì các từ như thế được coi là những từ tương đương, hay nói một cách khác là giữa các từ như thế có một mối quan hệ tương đương. Do đặc tính này của ngôn ngữ tự nhiên, người sử dụng mục lục không phải lúc nào cũng tự đoán được trong số những từ tương đương thì thư viện chọn từ nào làm tiêu đề chủ đề. Vì vậy, cần phải có những chỉ dẫn chỉ ra từ nào được chọn và từ/những từ nào tương đương nhưng không được chọn làm tiêu đề có giá trị. Chỉ dẫn này được gọi là tham chiếu. Ví dụ, giữa *Đốt xác* và *Hỏa táng* cần có tham chiếu chỉ ra từ nào được chọn là tiêu đề có giá trị và từ nào là từ tương đương nhưng không được chọn là tiêu đề có giá trị. Nhờ đó, sẽ có sự thống nhất trong việc chọn tiêu đề khi định tiêu đề chủ đề cho tài liệu. Cũng nhờ vậy, người tìm tin sẽ biết phải chọn từ nào làm điểm truy cập khi dùng mục lục. Ý nghĩa và cách xây dựng các tham chiếu này được trình bày chi tiết trong Chương 4.

Quan hệ thứ bậc (Hierarchical Relationship)

Một đề tài có thể có một hoặc vài đề tài khác mang nghĩa rộng hơn nó; ngược lại, cũng có thể có một hoặc vài đề tài khác mang nghĩa hẹp hơn nó. Mối quan hệ giữa một đề tài với một/các đề tài mang nghĩa rộng hơn hoặc hẹp hơn gọi là quan hệ thứ bậc. Do đó, tiêu đề chủ đề của các đề tài này cũng có mối quan hệ thứ bậc. Ví dụ, đối với tiêu đề *Biên mục* thì *Tài liệu* và *Khoa học thư viện* là những tiêu đề có nghĩa rộng hơn,

còn *Biên mục chủ đề* và *Chi mục* là những tiêu đề có nghĩa hẹp hơn. Vì vậy, cần có tham chiếu chỉ ra mối quan hệ này giữa các tiêu đề để giúp người tìm tin, một mặt, chọn đúng tiêu đề làm điểm truy cập phù với nhu cầu tin, mặt khác, có thể mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi tìm tin của mình. Ý nghĩa và cách xây dựng các tham chiếu này được trình bày chi tiết trong Chương 4.

***Quan hệ liên đới* (Associative Relationship)**

Trong thực tế có những đề tài không phải là thứ bậc của nhau cũng không tương đương với nhau nhưng chúng lại có ý nghĩa gắn gũ với nhau, khiến người ta liên tưởng chúng với nhau. Những đề tài như vậy được coi là có quan hệ liên đới. Do đó, các tiêu đề chủ đề của chúng có mối quan hệ liên đới và cần được chỉ ra cho người tìm tin biết nhằm giúp họ xác định chính xác điểm truy cập phù hợp nhất cho nhu cầu tin của mình cũng như mở rộng phạm vi tìm tin nếu cần.

Mỗi quan hệ này thường có giữa (1) một ngành và đối tượng nghiên cứu của nó, ví dụ như *Địa chấn học* và *Động đất*, (2) một lĩnh vực và người hoạt động trong lĩnh vực đó, ví dụ như *Thư viện* và *Thư viện viên*, và (3) các đề tài gắn gũ nhau nhưng không tương đương và không là thứ bậc của nhau, ví dụ như *Khả năng chi trả* và *Thu nhập*. Ý nghĩa và cách xây dựng các tham chiếu cho mỗi quan hệ này được trình bày chi tiết trong Chương 4.

2.5 Nguyên tắc Cú pháp (Syntax Principle)

Một đề tài có thể có nhiều khía cạnh chia nhỏ thể hiện (1) phần nội dung chia nhỏ, (2) khía cạnh thời gian, và (3) khía

cạnh địa lý của đề tài. Những đề tài như vậy được coi là đề tài phức. Ví dụ như một tài liệu viết về khảo cổ ở Việt Nam thì đề tài ở đây là *Khảo cổ* còn *Việt Nam* là địa điểm nghiên cứu của đề tài này và được coi là khía cạnh địa lý của đề tài. Hay là, một tài liệu viết về đánh giá dịch vụ thông tin thì đề tài ở đây *Dịch vụ thông tin* còn *Đánh giá* là khía cạnh nội dung của đề tài này và được tập trung nghiên cứu trong tài liệu này. Để thể hiện mối quan hệ giữa yếu tố chủ yếu và các khía cạnh của đề tài phức, IFLA khuyên nên lập ra một cú pháp, nghĩa là một kiểu cấu trúc nào đó, để trình bày mối quan hệ này. IFLA không khuyến khích phân tách đề tài phức này thành các tiêu đề chủ đề riêng biệt rồi chỉ ra các mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các tiêu đề riêng biệt đó. IFLA phát biểu nguyên tắc cú pháp như sau:

Để thể hiện những chủ đề phức và kép thì các thành phần của một tiêu đề chủ đề được nối với nhau thông qua mối quan hệ cú pháp hơn là mối quan hệ ngữ nghĩa.

Một đề tài phức sẽ được thể hiện bằng một tiêu đề chủ đề phức, trong đó yếu tố chính gọi là *tiêu đề chính* còn các khía cạnh chia nhỏ gọi là *phụ đề*. Thông thường tiêu đề chính và phụ đề được kết nối với nhau bằng một gạch ngang dài hoặc hai gạch ngắn tạo thành một tiêu đề phức, còn được gọi là tiêu đề chuỗi. Ví dụ như *Dầu mỏ-Khai thác-Việt Nam*. Như vậy, ở đây mối quan hệ giữa tiêu đề chính và phụ đề được thể hiện thông qua một cú pháp là các dấu gạch ngang chứ không phải thông qua việc tạo ra các chỉ dẫn ngữ nghĩa giải thích mối quan hệ giữa chính và phụ.

Một đề tài kép là đề tài bao gồm nhiều vấn đề (thường là hai vấn đề) có liên quan với nhau và đi cùng với nhau tạo nên ý

nghĩa chung cho đề tài, ví dụ như Chiến tranh và hòa bình, Phụ nữ và gia đình, Dịch vụ trong giáo dục tiểu học. Một đề tài kép thường được thể hiện bằng một tiêu đề kép, trong đó sẽ sử dụng các giới từ hoặc liên từ để nối các thuật ngữ chỉ các vấn đề của đề tài. Như vậy, ở đây mối quan hệ giữa các khái niệm trong một đề tài được thể hiện thông qua cú pháp là các giới từ hoặc liên từ thích hợp chứ không phải thông qua việc tạo ra các chỉ dẫn ngữ nghĩa giải thích mối quan hệ các vấn đề trong một đề tài.

2.6 Nguyên tắc Ổn định (Consistency principle)

Khi xây dựng, cập nhật hoặc chỉnh sửa các tiêu đề thì cần phải giữ tính ổn định của cả hệ thống tiêu đề chủ đề. IFLA phát biểu nguyên tắc ổn định như sau:

Để giữ tính ổn định của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề, khi thêm những tiêu đề mới phải đảm bảo sự tương tự về hình thức và cấu trúc so với các tiêu đề đã có.

Tính ổn định thường được thể hiện trong việc chọn hình thức và cấu trúc của tiêu đề. Cụ thể là, nếu đã dùng đảo ngữ để trình bày tiêu đề cho một đề tài nào đó thì nên tiếp tục dùng đảo ngữ khi cập nhật một tiêu đề cho một đề tài khác cùng loại. Ví dụ, nếu đã dùng tiêu đề đảo *Phụ nữ, Phong trào*, thì cũng nên dùng *Thanh niên, Phong trào*. Tương tự, nếu đã dùng kiểu tiêu đề chuỗi cho một đề tài phức tạp thì cũng nên tiếp tục cập nhật một tiêu đề chuỗi cho đề tài tương tự. Ví dụ, nếu đã dùng *Giống lúa-Nàng Hương* mà không dùng *Nàng Hương (Giống lúa)* thì cũng nên giữ cấu trúc chuỗi cho các đề tài về giống ngô, giống khoai, giống sắn. Việc giữ cho hình thức và cấu trúc của các tiêu đề được ổn định sẽ giúp cho các thói quen

sử dụng tiêu đề của cán bộ thư viện và người dùng không phải thường xuyên điều chỉnh.

2.7 Nguyên tắc Định danh (Naming principle)

Tên người, tên cơ quan, tổ chức, địa danh, tên tác phẩm văn học, nghệ thuật, tên một công trình kiến trúc cũng có thể trở thành tiêu đề chủ đề. Để tạo sự đồng bộ giữa các điểm truy cập trong hệ thống mục lục của thư viện thì tiêu đề chủ đề của các tên gọi này nên được trình bày giống như quy tắc biên mục mô tả hoặc bảng tra mà thư viện đang sử dụng. IFLA phát biểu nguyên tắc này như sau:

Để tạo thuận tiện cho việc truy tìm, tên của một nhân vật, địa điểm, gia đình, cơ quan tổ chức và tên của một công trình khi được dùng làm tiêu đề cho một mục lục, thư mục hoặc bảng tra nhất định nào đó thì cần phải theo các quy tắc của mục lục, thư mục hoặc bảng tra đó.

Như vậy, khi thư viện sử dụng quy tắc biên mục AACR2 thì việc xây dựng các tiêu đề là tên một nhân vật, địa danh, gia đình, tên cơ quan, tổ chức, tên tác phẩm văn học, nghệ thuật cần phải theo các quy tắc biên mục này.

2.8 Nguyên tắc Bảo toàn văn phong (Literary Warrant principle)

Vì tiêu đề chủ đề là dạng dùng ngôn ngữ ngắn gọn thể hiện nội dung chủ đề của tài liệu nên việc lựa chọn thuật ngữ từ chính văn tài liệu làm tiêu đề cũng là một phương thức được áp dụng. Việc cố gắng tìm chọn thuật ngữ trong chính văn tài liệu là tiêu đề được coi là việc bảo toàn văn phong. IFLA phát biểu nguyên tắc này như sau:

Để phản ánh được nội dung chủ đề của tài liệu, việc tạo dựng các thuật ngữ làm tiêu đề chủ đề cần được dựa trên việc bảo toàn văn phong và kết hợp một cách có hệ thống với ngôn ngữ của các tiêu đề đã được thiết lập.

Như vậy, bên cạnh các nguyên tắc về việc chọn thuật ngữ làm tiêu đề được trình bày trong nguyên tắc tiêu đề thống nhất, IFLA còn đề nghị rằng thuật ngữ trong chính văn tài liệu được các tác giả sử dụng cũng nên được bảo toàn.

2.9 Nguyên tắc Người sử dụng (User principle)

Từ trước đến nay, chức năng quan trọng nhất của mục lục là giúp người dùng tìm được tài liệu mà họ cần. Vì vậy, việc xây dựng các điểm truy cập theo chủ đề đều phải xoay quanh một nguyên tắc là tạo sự thuận tiện, thân thiện cho người dùng. IFLA phát biểu nguyên tắc người sử dụng như sau:

Để đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng, thuật ngữ được chọn làm tiêu đề chủ đề cần phải hướng đến sự tiện dụng của nhóm người dùng mục tiêu hiện tại.

IFLA nhấn mạnh đến việc lựa chọn thuật ngữ làm tiêu đề phải ưu tiên những từ thông dụng, quen thuộc đối với nhóm người dùng mục tiêu hiện tại của thư viện. Bên cạnh đó, khi triển khai nguyên tắc này thì cần lưu ý rằng việc chọn cú pháp của tiêu đề hay cách trình bày, sắp xếp các điểm truy cập cũng nên hướng đến sự tiện dụng cho người sử dụng.

2.10 Nguyên tắc Chính sách định chỉ mục cho chủ đề (Subject Indexing Policy principle)

Bên cạnh việc thiết lập nên hệ thống ngôn ngữ tiêu đề chủ đề thì cũng cần phải có các chính sách hay là các quy định

hướng dẫn cách áp dụng hệ thống ngôn ngữ này trong việc định ra các tiêu đề cho các tài liệu cụ thể. IFLA đề nghị phải có một chính sách định chỉ mục cho chủ đề, nói một cách khác là quy tắc định tiêu đề chủ đề, nhằm đảm bảo việc sử dụng hệ thống ngôn ngữ tiêu đề một cách chính xác và ổn định. Nguyên tắc này được phát biểu như sau:

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng ngôn ngữ tiêu đề chủ đề của người dùng và ổn định việc xử lý tài liệu, cần phải có các chính sách hướng dẫn việc phân tích và trình bày chủ đề cho tài liệu.

Có thể thấy rằng để chuẩn hóa công tác biên mục chủ đề cho tài liệu trong thư viện thì bên cạnh việc xây dựng hệ thống ngôn ngữ tiêu đề chủ đề, cần phải quy định thống nhất cách sử dụng hệ thống ngôn ngữ này để ấn định tiêu đề cho các tài liệu cụ thể. Có thể lấy bộ Cẩm nang biên mục chủ đề (Subject Cataloging Manual: Subject Heading) của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ làm ví dụ điển hình cho việc áp dụng nguyên tắc này. Thiếu các chi dẫn trong Cẩm nang biên mục, việc sử dụng bộ LCSH khó có thể được thực hiện một cách thống nhất giữa các cán bộ biên mục, cũng như khó thực hiện được một cách tương đối ổn định trong quãng thời gian dài.

2.11 Nguyên tắc Tiêu đề cụ thể (Specific Heading principle)

Để tạo ra các điểm truy cập giúp người dùng tìm thấy các tài liệu hoàn toàn phù hợp với nhu cầu tin của họ (nghĩa là giúp họ tìm thấy những tài liệu có nội dung không quá hẹp và cũng không quá rộng mà là chính xác cái mà họ quan tâm), khi

định tiêu đề chủ đề cho tài liệu cần phải chọn một hoặc là một tập hợp các tiêu đề có khả năng thể hiện nội dung của tài liệu một cách cụ thể (nghĩa là không quá hẹp và cũng không quá rộng). Tuy nhiên, ở mỗi thư viện, mức độ cụ thể khi định tiêu đề chủ đề cho tài liệu có thể khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm của vốn tài liệu và đặc điểm nhu cầu tin của người dùng tin. IFLA đề nghị nguyên tắc tiêu đề cụ thể như sau:

Để gia tăng độ chính xác của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề, một tiêu đề phải thể hiện được nội dung của một đề tài một cách cụ thể. Tuy nhiên, để hạn chế việc truy tìm được quá nhiều hoặc quá ít tài liệu dưới một tiêu đề, mức độ cụ thể của các tiêu đề được định cho một tài liệu cần được điều chỉnh sao cho phù hợp với quy mô và khuynh hướng phát triển của vốn tài liệu của thư viện.

Thực tế biên mục cho thấy, không phải lúc nào cũng tồn tại sẵn một tiêu đề thể hiện được hoàn toàn chính xác và cụ thể nội dung của một đề tài. Cũng không phải lúc nào việc lắp ghép tiêu đề và các phụ đề đều mang lại kết quả mong muốn. Vì vậy, cách hậu kết hợp được cán bộ biên mục sử dụng khi cần thiết. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, theo cách hậu kết hợp, nguyên tắc tiêu đề cụ thể chỉ có thể đạt được ở mức độ tương đối.

Tóm lại, 11 nguyên tắc của IFLA đã đưa ra các chỉ dẫn cho việc xây dựng bộ tiêu đề chủ đề đạt tiêu chuẩn. Mặc dù các đề nghị của IFLA dừng lại ở mức cơ bản nhưng khi triển khai các nguyên tắc này thì có thể thấy rằng IFLA đã đưa ra các chỉ dẫn bao trùm hầu hết các vấn đề của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề. Các vấn đề đó bao gồm việc lựa chọn thuật ngữ làm

tiêu đề, hình thức và cú pháp trình bày tiêu đề, xác định và trình bày các mối quan hệ giữa các tiêu đề, cập nhật và điều chỉnh tiêu đề, xây dựng quy tắc áp dụng ngôn ngữ tiêu đề chủ đề.

Tuy nhiên, cũng có thể nhận thấy rằng khó mà áp dụng tất cả các nguyên tắc này cùng một lúc. Muốn áp dụng chúng đòi hỏi phải có sự lựa chọn linh động nếu không thì rất có thể sẽ xảy ra trường hợp nguyên tắc này sẽ mâu thuẫn với nguyên tắc kia. Cụ thể như, trong nhiều trường hợp để giữ nguyên tắc ổn định thì có thể sẽ không đảm bảo được nguyên tắc người sử dụng; để giữ nguyên tắc tiêu đề thống nhất thì sẽ khó áp dụng được nguyên tắc bảo toàn văn phong. Vì vậy, nếu có quy định nguyên tắc nào được coi là quan trọng hơn thì lúc đó mới có cơ sở rõ ràng cho sự lựa chọn. Ví dụ, nếu nguyên tắc người sử dụng được coi là quan trọng nhất thì việc cập nhật cũng như thay đổi hay giữ nguyên những gì đã tồn tại trong hệ thống ngôn ngữ tiêu đề sẽ coi sự thuận tiện cho người dùng quan trọng hơn tính logic hay ổn định. Tương tự như thế, sẽ rất khó nếu như cùng một lúc phải cân nhắc giữa văn phong của tác giả, tính phổ cập, tính khoa học, tính hiện đại của thuật ngữ trong việc chọn thuật ngữ làm tiêu đề. Tuy nhiên nếu coi nguyên tắc người sử dụng là quan trọng nhất thì việc lựa chọn thuật ngữ ưu tiên sẽ có cơ sở rõ ràng hơn.

Những nguyên tắc chỉ dẫn của IFLA là quan trọng và cần thiết giúp các thư viện xây dựng hệ thống ngôn ngữ tiêu đề chủ đề đạt đến tiêu chuẩn mà tất cả thư viện trên thế giới cùng chia sẻ. Trên thực tế, các nguyên tắc này đã được thể hiện trong nhiều bộ tiêu đề chủ đề trên thế giới, nhất là trong bộ LCSH. Tuy nhiên, mỗi một thư viện có những điều kiện cụ thể

riêng, đối tượng người dùng riêng, hơn nữa những thay đổi trong hoạt động của công tác thư viện – thông tin đang tiếp tục diễn ra không ngừng, vì vậy, việc sử dụng các nguyên tắc này cần phải được thường xuyên xem xét lại, đối chiếu lại với thói quen và kỳ vọng của người dùng khi tìm tin theo chủ đề và với hoàn cảnh của từng thư viện.

Tiêu đề chủ đề là thành phần vô cùng quan trọng trong bộ tiêu đề chủ đề. Phải hiểu được một cách rõ ràng các đặc tính, chức năng và các nguyên lý sử dụng thì mới có thể thực hiện việc xây dựng bộ tiêu đề chủ đề và thực hiện việc định tiêu đề chủ đề cho tài liệu. Chương này sẽ tập trung trình bày và phân tích các vấn đề liên quan đến tiêu đề chủ đề bao gồm khái niệm, chức năng, cú pháp và phụ đề trong tiêu đề phức, cũng như việc kiểm soát tính thống nhất của tiêu đề.

3.1 Khái niệm về tiêu đề chủ đề

Như đã trình bày trong Chương 1, thông qua quá trình biên mục chủ đề, đề tài hoặc vấn đề được nói đến trong tài liệu được mã hóa bằng những thuật ngữ vừa ngắn gọn, cụ thể vừa thể hiện được ý nghĩa nổi bật của chủ đề. Các thuật ngữ này được rút ra từ bộ từ vựng ngôn ngữ chỉ mục có kiểm soát và được gọi là tiêu đề chủ đề. Dựa theo tài liệu của một số tác giả [4, 7], có thể có những cách phát biểu khác nhau về tiêu đề chủ đề như sau:

- Tiêu đề chủ đề là một dạng thức trình bày ngắn gọn nội dung chủ đề (từ hoặc tập hợp từ) của tài liệu.
- Tiêu đề chủ đề là kết quả của việc định chủ đề, nó phản ánh vấn đề hay góc độ nghiên cứu của vấn đề trong nội

dung tài liệu thông qua một hình thức trình bày ngắn gọn của từ hoặc cụm từ.

- Tiêu đề chủ đề là tên gọi của chủ đề. Đó là những dấu hiệu giúp cho thư viện có thể cho phép người đọc tiếp cận với tài liệu theo chủ đề. Từ hoặc cụm từ được chọn làm tên gọi của chủ đề gọi là tiêu đề chủ đề có giá trị.

Tóm lại, tiêu đề chủ đề là từ hoặc cụm từ được rút ra từ một bộ từ vựng ngôn ngữ có kiểm soát, thể hiện được chính xác và ngắn gọn nội dung của đề tài hay vấn đề được nói đến trong tài liệu.

3.2 Chức năng của tiêu đề chủ đề

Chức năng của tiêu đề chủ đề là thể hiện ý nghĩa nổi bật của chủ đề được đề cập trong tài liệu. Các ý nghĩa nổi bật này có thể thể hiện thông qua tên đề tài cụ thể, tên riêng của người, tên của cơ quan, tổ chức hoặc của các thực thể, tên của các địa điểm. Trong một vài trường hợp, tiêu đề chủ đề còn thể hiện tên hình thức hoặc thể loại của tài liệu.

Thể hiện đề tài

Hầu hết tiêu đề trong các bộ tiêu đề chủ đề đều nhằm thể hiện nội dung đề tài, tức là thể hiện khái niệm hoặc sự vật chủ yếu được nói đến trong tài liệu. Một cách cụ thể hơn, tiêu đề chủ đề có thể thể hiện một sự vật, như là **Máy cày, Cao ốc, Ghế**; một hiện tượng như là **Mưa, Bão, Động đất**; một vấn đề như là **Ô nhiễm, Giáo dục, Phúc lợi xã hội**; một môn/ngành khoa học, như là **Toán, Vật lý, Đại số**; một lĩnh vực hoạt động, như là **Ngân hàng, Dịch vụ, Bru điện**; giai cấp, tầng lớp hoặc

nghề nghiệp của nhóm người, như là Nông dân, Tiểu thương, Giáo viên¹. Loại tiêu đề này được gọi là *tiêu đề đề tài*.

Các ví dụ sau đây sẽ minh họa cho loại tiêu đề thể hiện đề tài được trích ra từ bộ LCSH².

Catalog

Library catalogs

Education

Democracy

Chemistry

Engineering

Advertising

Earthquake engineering

Food service

Hospitality industry

Pleasure

Teenagers

Women

Thể hiện tên riêng

Tiêu đề chủ đề có thể thể hiện tên gọi của cá nhân, cơ quan, tổ chức, thực thể hoặc địa điểm. Tiêu đề thể hiện những

¹ Phần lớn các ví dụ minh họa bằng tiếng Việt rút ra từ các biểu ghi trực tuyến của một vài thư viện đại học của thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra còn tham khảo từ "Từ điển từ khóa Khoa học và Công nghệ" của Trung tâm Thông tin tư liệu khoa học và công nghệ quốc gia xuất bản năm 2001, hoặc dịch từ các biểu ghi bằng tiếng Anh trên OPAC của một vài trường đại học nước ngoài.

² Các ví dụ minh họa bằng tiếng Anh rút ra từ bộ LCSH xuất bản lần thứ 17 vào năm 1994.

tên gọi loại này được gọi là tiêu đề định danh. Tuy nhiên, để cụ thể hóa chức năng của tiêu đề, có thể chia nhóm tiêu đề này thành tiêu đề tên riêng và tiêu đề địa danh. Phần này sẽ trình bày chức năng của tiêu đề tên riêng, phần tiếp theo sẽ trình bày tiêu đề địa danh.

Tiêu đề tên riêng thể hiện tên người, tên cơ quan tổ chức, tên của những thực thể có tên gọi riêng. Việc trình bày các tên riêng này thường dựa theo quy tắc biên mục mô tả mà thư viện áp dụng.

Tiêu đề thể hiện tên người: Tên riêng của một cá nhân sẽ được trình bày kèm theo năm sinh và năm mất nếu có. Ví dụ như:

Hồ Chí Minh, 1890-1968

Nguyễn An Ninh, 1900-1943

Trần Cao Vân, 1866-1916

Trong bộ LCSH, loại tiêu đề này không chỉ thể hiện tên riêng của cá nhân mà còn có thể thể hiện tên của gia đình, triều đại, hoàng tộc, tên của các nhân vật thần thoại, truyền thuyết, các nhân vật hư cấu, tên của thánh thần. Các ví dụ sau đây sẽ minh họa cho tiêu đề thể hiện tên người được trích từ bộ LCSH. Hình thức trình bày các tên riêng này dựa theo AACR2.

Alexander, the Great, 356-323 B.C.

Ambrose, Saint, Bishop of Milan, d. 397

Kennedy, John F. (John Fitzgerald), 1917-1963

Adams family

Hoysala dynasty, ca. 1006-ca. 1346

Orange-Nassau, House of

Celje, Count of

Draupadi (Hindu mythology)

Hector (Legendary character)

Bond, James (Fictitious character)

Amon (Egyptian deity)

Apollo (Greek deity)

Tiêu đề thể hiện tên cơ quan, tổ chức: Loại tiêu đề này thể hiện tên của các tổ chức bao gồm tổ chức công cộng và cá nhân, hiệp hội, liên hiệp, viện nghiên cứu, các đơn vị của chính phủ, các cơ sở kinh doanh, nhà thờ, trường học, viện bảo tàng .v.v.. Ngoài ra, tên cơ quan, tổ chức còn là những nhóm cơ quan khác mà có tên gọi riêng như là các hội nghị, các cuộc thám hiểm. Ví dụ:

Đảng Cộng sản Việt Nam

Viện Nghiên cứu phát triển giáo dục. Trung tâm

Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực

Bưu điện thành phố Hồ Chí Minh

Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh

Các ví dụ dưới đây là tiêu đề tên cơ quan tổ chức của bộ LCSH. Một vài tiêu đề có phần bổ nghĩa chỉ ra tính chất của cơ quan, hoặc địa danh dựa theo yêu cầu của AACR2 và chính sách biên mục của LC [20].

Aberdeen (Ship)

Freer Gallery of Art
Golden State Warriors (Basketball team)
Metropolotan Museum of Art (New York, N.Y.)
**Michigan State University. Libraries. Special
Collections Division**
Museum of International Folk Art (N.M.)
Rank Corporation
United States. European Command
**University of Nebraska - Lincoln. Cooperative
Extension**

Tiêu đề thể hiện tên của những thực thể có tên gọi riêng:
Loại tiêu đề này thể hiện tên sự kiện lịch sử, tên giải thưởng, phần thưởng, tên ngày lễ hội, tên nhóm tộc người, bộ lạc, tên các tôn giáo, hệ thống triết học, và những vật thể có tên gọi riêng. Ví dụ:

Điện Biên Phủ, Trận đánh, 1954
Đạo Khổng
Đạo giáo
Kinh dịch

Trong bộ LCSH, những sự kiện lịch sử có tên gọi cụ thể thì sẽ có tiêu đề là tên gọi đó và kèm theo ngày tháng. Các ví dụ sau đây minh họa cho các tiêu đề thể hiện tên của các thực thể.

Bookbinders' Strike, London , England, 1901
Waterloo, Battle of, 1815
World War, 1939-1945
Congressional Award

Christmas
Good Friday
Thanksgiving Day
Buddhism
Christianity
Bury Saint Edmunds Cross
Conquistadora (Statue)

Thể hiện địa danh

Như đã đề cập, tiêu đề có thể thể hiện tên gọi của địa điểm. Trong trường hợp này chúng được gọi là *tiêu đề địa danh*. Địa danh gồm có địa danh hành chính và phi hành chính. Tiêu đề địa danh hành chính bao gồm tên của các quốc gia hoặc các vùng chính trị, hành chính của các quốc gia, như là tỉnh, tiểu bang, thành phố, địa hạt, quận hành chính. Ví dụ như **Việt Nam, Hà Nội, Bình Dương (Việt Nam)**.

Tiêu đề địa danh phi hành chính thể hiện những vùng địa lý tự nhiên và những công trình do con người làm ra có liên quan đến một địa điểm cụ thể. Các vùng địa lý tự nhiên bao gồm châu lục, sông, núi, biển cả, sa mạc, thảo nguyên, thung lũng. Các công trình do con người làm ra có thể là địa điểm khảo cổ học, kênh đào, đập nước, trang trại, nông trường, trại nuôi gia súc, khu vườn, công viên, khu bảo tồn, khu vui chơi giải trí, đường phố, đường mòn. Ví dụ:

Hồ Chí Minh, Đường mòn
Đồng bằng sông Cửu Long (Việt Nam)
Đồng bằng sông Hồng (Việt Nam)

Các ví dụ sau đây sẽ minh họa cho các tiêu đề địa danh phi hành chính được trích từ bộ LCSH.

Africa, Southern

Arroyo Hondo Site (N.M.)

Bid Bend National Park (Tex.)

Big Cypress National Preserve (Fla.)

Black Hills National Forest (S.D. and Wyo.)

Gateway National Recreation Area (N.J and N.Y.)

Glacier Bay (Alaska)

Gulf Region (Tex.)

Himalaya Mountains

Knossos (Extinct city)

Lehigh Canal (Pa.)

Missouri River

Oregon Trail

Tahoe, Lake (Calif. and Nev.)

Thể hiện hình thức

Có một số tiêu đề chỉ ra hình thức, nhất là hình thức thư mục của tài liệu hơn là nội dung chủ đề của tài liệu. Tiêu đề dạng này có thể gọi là tiêu đề hình thức và thường được dùng cho các tài liệu có nội dung không giới hạn ở một chủ đề cụ thể nào hoặc có chủ đề rất rộng, như là Bách khoa toàn thư, Thư mục, Từ điển, Niên giám. Nhìn chung các tiêu đề kiểu này không nhiều.

Lưu ý rằng cũng có những tiêu đề có vẻ giống như tiêu đề hình thức nhưng thực ra lại là tiêu đề đề tài. Ví dụ như tiêu đề **Từ điển** được định cho các tài liệu nói về việc biên soạn từ điển là tiêu đề đề tài.

Tiêu đề hình thức còn được dùng để thể hiện hình thức nghệ thuật và văn học. Chúng được dùng trong ba lĩnh vực cụ thể sau: văn học, nghệ thuật và âm nhạc. Trong các lĩnh vực này, thể loại của tài liệu được coi là quan trọng hơn nội dung của nó. Ví dụ:

Truyện ngắn

Truyện ngắn Nga

Hội ký

Tiểu thuyết

Tiểu thuyết Anh

Các ví dụ sau là tiêu đề thể hiện hình thức, được trích từ bộ LCSH.

Painting, Chinese

Short stories

Suites (Wind ensemble)

3.3 Cú pháp của tiêu đề

Cú pháp của tiêu đề là ngôn ngữ và hình thức trình bày của tiêu đề được quy định trong ngôn ngữ tiêu đề chủ đề. Có thể thấy rằng tiêu đề chủ đề là một sự pha trộn của ngôn ngữ tự nhiên và ngôn ngữ chi mục. Tiêu đề có thể là một danh từ hoặc một cụm từ có giá trị như danh từ. Trong tiếng Việt, một danh từ có thể là một từ đơn âm tiết, như là **Sách, Ghế, Lợn,**

cũng có thể là một từ đa âm tiết, như là **Học sinh, Giáo dục, Triết học**. Một cụm từ có thể bao gồm một danh từ kết hợp với một tính từ, ví dụ như **Cách mạng xanh**, một danh từ kết hợp với một danh từ khác, ví dụ như **Phúc lợi xã hội**, một danh từ nối với một danh từ khác bằng giới từ hoặc liên từ, ví dụ như **Phụ nữ trong văn học, Phụ nữ và chiến tranh**. Trong những trường hợp vừa nêu, tiêu đề có hình thức ngôn ngữ tự nhiên.

Ngoài ra tiêu đề còn có dạng một cụm từ đảo, ví dụ như **Giao thông, Công trình** (thay vì là Công trình giao thông), một từ có phần bổ nghĩa, ví dụ như **Giá (Thực vật)**, hoặc một chuỗi các thuật ngữ nối với nhau bằng dấu gạch ngang, gọi là tiêu đề phức, ví dụ như **Nghệ thuật và xã hội-Việt Nam-Thế kỷ 20**. Trong những trường hợp này, tiêu đề có hình thức ngôn ngữ chỉ mục và không được sử dụng trong ngôn ngữ hàng ngày. Hiện nay, trong các bộ tiêu đề chủ đề người ta xử lý tương đối đơn giản việc sử dụng các ký hiệu không phải là từ vựng để nối các từ ngữ trong tiêu đề. Dấu phẩy được dùng để chỉ ra sự đảo ngữ trong một tiêu đề đảo. Dấu ngoặc đơn được dùng để ngăn tách phần bổ nghĩa. Dấu gạch ngang được dùng để phân tách các phần chính phụ trong một chuỗi tiêu đề. Mỗi một tiêu đề hay một chuỗi tiêu đề trong biểu ghi thư mục được kết thúc bằng một dấu chấm. Sau đây là phần trình bày chi tiết các đặc điểm cú pháp của tiêu đề.

Tiêu đề đơn

Tiêu đề đơn là tiêu đề thể hiện một đề tài riêng lẻ và không kèm theo các khía cạnh hoặc góc độ chia nhỏ của đề tài, ví dụ như **Mắt, Quảng cáo, Phân hóa học**.

Tiêu đề là danh từ đơn: Hình thức đơn giản nhất của tiêu đề là một danh từ hoặc một từ bị danh từ hóa. Một danh từ đơn hoặc một từ tương đương danh từ được chọn làm tiêu đề khi nó thể hiện một hiện tượng, một sự vật hay một khái niệm một cách cụ thể. Các danh từ thể hiện hiện tượng như là **Sấm**, **Mưa**, **Bãi công**. Các danh từ thể hiện sự vật như là **Bóng đèn**, **Quạt**, **Nhà máy**. Các danh từ thể hiện khái niệm như là **Thời tiết**, **Sinh lý**, **Môi trường**.

Trong bộ LCSH, các ví dụ sau là tiêu đề danh từ đơn.

Airplane

Churches

Chemistry

Democracy

Engineering

Teachers

Tiêu đề là cụm từ: Khi một sự vật hoặc một khái niệm đơn lẻ không thể thể hiện một cách thích đáng bằng một danh từ đơn thì một cụm từ sẽ được sử dụng làm tiêu đề. Có thể dùng cụm danh từ làm tiêu đề, ví dụ như **Mục lục thư viện**, **Giao thông công chánh**, **Công tác xã hội**. Có thể dùng cụm từ có giới từ làm tiêu đề, ví dụ như **Phụ nữ trong kinh doanh**, **Quyền hành của thủ tướng**.

Trong bộ LCSH, các ví dụ sau là tiêu đề cụm từ.

Vocational guidance

Working class

Student assistance programs

Women's rights

Tiêu đề kép

Tiêu đề kép là tiêu đề thể hiện mối quan hệ giữa hai vấn đề trong một chủ đề. Trên thực tế, có rất nhiều vấn đề có mối quan hệ tương hỗ với nhau hoặc mật thiết với nhau và chúng tạo nên một chủ đề. Hai vấn đề trong một chủ đề có mối quan hệ mật thiết với nhau là do chúng tương tự nhau, do chúng thường được đề cập cùng với nhau, và cũng có thể là do chúng luôn luôn đối kháng nhau [9]. Thường thì khi xây dựng tiêu đề kép cho những chủ đề thuộc trường hợp này, người ta dùng liên từ 'và' để nối hai vấn đề với nhau.

Tiêu đề kép thể hiện mối quan hệ tương hỗ giữa hai vấn đề như là **Văn học và xã hội, Nghệ thuật và quảng cáo, Tôn giáo và xã hội học**. Tiêu đề kép còn thể hiện các đề tài thường được đề cập cùng nhau như là **Chiến tranh và hòa bình, Thiện và ác**.

Trong bộ LCSH, các ví dụ sau thuộc loại tiêu đề kép.

Art and technology

Education and state

Open and closed shelves

Reporters and reporting

Ngoài ra các giới từ 'trong', 'đối với', 'ở', 'cho' cũng được sử dụng trong các tiêu đề kép. Ví dụ như **Tư vấn trong giáo dục tiểu học, Hỗ trợ của Chính phủ đối với thanh niên, Phân bón cho cây cảnh**.

Trong bộ LCSH, các ví dụ sau minh họa cho trường hợp này.

Care of sick animals
Child sexual abuse by clergy
Counseling in elementary education
Federal aid to youth services

Tiêu đề phức

Tiêu đề phức là tiêu đề thể hiện nội dung chính của đề tài đồng thời thể hiện các khía cạnh chia nhỏ hoặc các góc độ trực thuộc của đề tài. Các khía cạnh hoặc góc độ này bao gồm đề tài chia nhỏ, khía cạnh địa lý, thời gian và hình thức của đề tài. Phần thể hiện nội dung chính của đề tài gọi là *tiêu đề chính*, phần thể hiện khía cạnh hoặc góc độ chia nhỏ gọi là *phụ đề*. Các phần này phân cách nhau bằng một dấu gạch ngang dài (-) hoặc hai dấu gạch ngắn (--). Các ví dụ sau đây thể hiện tiêu đề phức, hay còn có thể gọi là tiêu đề chuỗi, bao gồm tiêu đề chính và các phụ đề.

Thư viện công cộng—Quản lý.
Hóa học—Phương pháp thống kê.
Giáo dục—Khía cạnh kinh tế—Việt Nam.
Nghệ thuật và xã hội—Hoa Kỳ—Thế kỷ 20.
Vật lý—Bách khoa toàn thư.

Các ví dụ sau là tiêu đề phức của bộ LCSH.

Information services—Quality control.
Information technology—Economic aspects—
Developing countries.
Vietnam—Economic conditions.
Librarians—Great Britain—Handbook, manual, ect.

Tiêu đề có phân bổ nghĩa

Như đã trình bày trong phần nguyên tác ngôn ngữ tiêu đề chủ đề, mỗi tiêu đề chỉ thể hiện một chủ đề mà thôi, do đó, khi một thuật ngữ đa nghĩa được chọn làm tiêu đề thì cần một phân bổ nghĩa đi kèm để xác định rõ ý nghĩa của tiêu đề. Phân bổ nghĩa là một từ hoặc một cụm từ đặt trong ngoặc đơn đi ngay sau tiêu đề, ví dụ như **Đường (Giao thông)**, **Đường (Thực phẩm)**, **Giá (Vật dụng)**, **Giá (Thực vật)**.

Phân bổ nghĩa cũng có thể được dùng để làm rõ nội dung của những thuật ngữ kỹ thuật. Trong những trường hợp này phân bổ nghĩa thường là tên gọi của một ngành hoặc loại, tính chất của sự vật, ví dụ như **Suy diễn (Triết học)**, **Quang phổ (Vật lý)**, **Thế tương liên (Thống kê học)**.

Phân bổ nghĩa còn được dùng để làm rõ các thuật ngữ không rõ nghĩa hoặc các từ nước ngoài, ví dụ như **Tổ khúc (Đồng diễn nhạc khí hơi)**, **Bonsai (Cây cảnh)**, **Congxecto (Âm nhạc)**.

Đối với tiêu đề tên người, phân bổ nghĩa được dùng để thể hiện dân tộc của nhân vật, ví dụ như **Draupadi (Thần thoại Ấn Độ)**, thể hiện loại nhân vật ví dụ như **Robin Hood (Nhân vật truyền thuyết)**, **Holmes, Sherlock (Nhân vật tiểu thuyết)**, **Krishma (Thần Ấn Độ)**.

Đối với tiêu đề tên cơ quan, tổ chức, phân bổ nghĩa được dùng để chỉ ra tính chất của cơ quan dựa theo yêu cầu của AACR2 (nếu thư viện dùng AACR2). Ví dụ như **Teens (Băng nhạc)**, **Bào tàng nghệ thuật hiện đại (New York)**.

Đối với địa danh, phân bổ nghĩa được dùng để chỉ ra đặc tính chung, tính chất địa lý, tính chất chính trị hoặc hành chính của địa điểm. Ví dụ như **Thảo Cầm Viên (Thành phố Hồ Chí Minh)**.

Trong bộ LCSH, các ví dụ sau đây là tiêu đề có phân bổ nghĩa.

Rings (Algebra)

Rings (Gymnastics)

Charge transfer devices (Electronic)

Chlorosis (Plants)

Consumption (Economics)

Conquistadora (Statue)

Bond, James (Fictitious character)

Krishna (Hindu deity)

Berlin (Germany)

Bourbon County (Ky.)

Brittany (France)

Dorset (England)

Tiêu đề đảo

Ban đầu ngôn ngữ tiêu đề chủ đề được thiết kế cho mục lục phiếu, trong đó mỗi tài liệu chỉ có một vài điểm truy cập, và người ta sẽ sắp xếp phiếu vào mục lục dựa trên trật tự chữ cái của các điểm truy cập đó. Hệ quả là, các điểm truy cập có từ đi đầu là từ giống nhau thì sẽ đứng cạnh nhau. Như vậy, để cho các đề tài liên quan với nhau có khả năng đứng cạnh nhau

thì việc chọn từ nào làm từ đi đầu của tiêu đề có ý nghĩa rất quan trọng. Đối với các tiêu đề có dạng cụm từ thì việc đảo trật tự của các từ trong cụm từ có thể giúp tăng khả năng các đề tài liên quan với nhau sẽ đứng cạnh nhau.

Có thể thấy rằng trong mục lục hoặc danh mục liệt kê các điểm truy cập theo trật tự chữ cái, hình thức đảo ngữ của tiêu đề khiến cho các tiêu đề liên quan với nhau có khả năng đứng cạnh nhau mà nếu xếp theo đúng trật tự chữ cái thông thường của thuật ngữ thì sẽ làm phân tán các tiêu đề có liên quan với nhau. Ví dụ như với ba tiêu đề có liên quan đến nhau **Bảo vệ môi trường, Môi trường, Ô nhiễm môi trường**, nếu xếp theo trật tự chữ cái thì ba tiêu đề này sẽ không thể đứng gần nhau. Để chúng có khả năng đứng cạnh nhau thì dùng hình thức đảo cho tiêu đề thứ nhất và thứ ba. Lúc này ba tiêu đề sẽ là (1) **Môi trường, (2) Môi trường, Bảo vệ**, và (3) **Môi trường, Ô nhiễm** và chúng sẽ đứng cạnh nhau.

Chính vì vậy, có rất nhiều tiêu đề dạng cụm từ có hình thức đảo ngữ nhằm mang từ quan trọng, có tính chất gợi ý nhất đặt vào vị trí đi đầu trong tiêu đề tạo thành yếu tố quan trọng để truy cập và tăng khả năng các điểm truy cập liên quan với nhau sẽ được đứng cạnh nhau.

Các ví dụ sau minh họa tiêu đề đảo của bộ LCSH.

Chemistry, Organic

Education, Higher

Philosophy, Modern

Quotations, American

Taxation, Exemption from

Đối với tiêu đề địa danh, hình thức đảo có thể được dùng khi tên vùng địa lý tự nhiên bắt đầu với thuật ngữ chỉ đặc điểm chung theo sau là tên riêng. Như vậy, tên riêng sẽ được dùng làm yếu tố truy cập. Ví dụ, bộ LCSH đã dùng hình thức đảo trong các tiêu đề **Michigan, Lake** và **Berkeley, Vale of (England)** và **Fuji, Mount (Japan)**.

Tuy nhiên, ngày nay, bằng hệ thống tìm tin trực tuyến thì từ đi đầu trong một tiêu đề không còn là vấn đề quan trọng nữa. Vì vậy, hình thức thuận của thuật ngữ được ưu tiên sử dụng hơn trong khi xây dựng các tiêu đề mới.

Tóm lại, tiêu đề chủ đề là một từ hoặc một tập hợp từ có khả năng thể hiện cô đọng nội dung của chủ đề nhằm tạo ra các điểm truy cập theo chủ đề cho tài liệu. Để các từ hoặc các tập hợp từ có thể thể hiện được cụ thể, chính xác và cô đọng nội dung của chủ đề, tiêu đề chủ đề có thể được trình bày dưới nhiều hình thức khác nhau bao gồm danh từ đơn, cụm từ, cụm từ có giới từ hoặc liên từ, từ/cụm từ có phân bổ nghĩa, cụm từ đảo. Ngoài ra tiêu đề chủ đề còn được trình bày dưới hình thức chuỗi từ bao gồm phần thể hiện nội dung chính và phần thể hiện các khía cạnh liên quan hoặc góc độ trực thuộc nội dung chính. Hình thức trình bày này được gọi là tiêu đề phức bao gồm tiêu đề chính và các phụ đề.

3.4 Phụ đề

Trong biên mục chủ đề, khi một tài liệu tập trung phản ánh một hoặc vài khía cạnh hoặc góc độ nghiên cứu của một đề tài thì bên cạnh việc thể hiện nội dung của đề tài, tiêu đề chủ đề còn thể hiện các khía cạnh, góc độ của nội dung đó nữa. Nội

dung của đề tài được thể hiện bằng tiêu đề chính, còn các khía cạnh, góc độ nghiên cứu của đề tài được thể hiện bằng phụ đề. Như vậy có thể nói, phụ đề đã giúp cho việc cụ thể hóa nội dung của các tiêu đề chính, khiến cho các tiêu đề chủ đề có thể thể hiện vừa chính xác vừa cụ thể nội dung của tài liệu.

Việc tạo hay không tạo phụ đề cho một đề tài phụ thuộc vào nhận thức của cán bộ biên mục về chức năng của phụ đề. Trước đây, đã có lúc người ta coi phụ đề là phương tiện hỗ trợ cho việc sắp xếp tiêu đề, vì vậy nó chỉ được dùng đến khi số lượng tài liệu có chung một chủ đề trở nên quá nhiều [15]. Nhưng ngày nay đại đa số các thư viện coi phụ đề là phương thức giúp tiêu đề thể hiện chủ đề một cách cụ thể hơn, vì vậy, phụ đề luôn được thiết lập nếu tài liệu tập trung vào khía cạnh cụ thể của chủ đề.

Có bốn loại phụ đề: đề tài, địa danh, thời gian và hình thức. Mỗi loại có chức năng, công dụng và các quy định riêng trong việc tạo lập và ghép vào tiêu đề chính.

3.4.1 Phụ đề đề tài

Phụ đề đề tài thể hiện khía cạnh nội dung của một tiêu đề chính, nhưng không phải khía cạnh không gian, thời gian và hình thức. Cụ thể là phụ đề đề tài được sử dụng chủ yếu nhằm thể hiện các khái niệm, phương pháp, hoặc kỹ thuật của nội dung chủ đề. Ngoài ra, phụ đề đề tài cũng thể hiện các phần chia nhỏ của nội dung chủ đề. Ví dụ:

Kiểm toán—Tiêu chuẩn.

Địa chất—Toán học.

Xây dựng—Bê tông cốt thép.

Tiền lương—Lương tối thiểu.

Các ví dụ sau minh họa tiêu đề có phụ đề đề tài của bộ LCSH.

Auditing—Standards.

Geology—Mathematics.

Venice (Italy)—Building, structures, ect.

3.4.2 Phụ đề địa lý

Phụ đề địa lý thể hiện yếu tố địa lý có liên quan đến nội dung chủ đề. Có thể thấy rằng yếu tố địa lý mang ý nghĩa rất quan trọng đối với một số vấn đề, vì vậy thể hiện được yếu tố này sẽ giúp tiêu đề thể hiện cụ thể và chính xác nội dung tài liệu. Thông thường khi một vấn đề được nghiên cứu tại một địa điểm cụ thể, một vấn đề có liên quan hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến một địa điểm cụ thể thì phải dùng phụ đề địa lý thể hiện địa điểm đó. Ví dụ:

Môi trường—Việt Nam.

Giao thông đường bộ—Luật và ban hành luật—Việt Nam.

Kinh tế—Châu Á.

Có hai hình thức phụ đề địa lý: trực tiếp và gián tiếp. Phụ đề địa lý trực tiếp dùng trong trường hợp địa danh là tên quốc gia hoặc các vùng địa lý lớn hơn quốc gia. Trong trường hợp này, tên của địa điểm ghép ngay sau tiêu đề chính hoặc phụ đề đề tài. Ví dụ:

Nghệ thuật–Hoa Kỳ.

Tiền tệ–Đông Á.

Mạng thông tin–Luật và ban hành luật–Việt Nam.

Âm nhạc–Trung Quốc.

[không dùng Âm nhạc–Châu Á–Trung Quốc]

Phụ đề địa lý gián tiếp dùng thể hiện vùng địa lý địa phương. Trong trường hợp này, trước phụ đề địa lý tên địa phương cần một phụ đề địa lý tên của vùng địa lý cấp cao hơn (thường là tên quốc gia). Lưu ý là không có tiêu đề chứa nhiều hơn hai mức độ của yếu tố địa lý. Ví dụ:

Nghệ thuật–Pháp–Normandy.

Dân ca–Trung Quốc–Miền Đông.

Dân ca–Trung Quốc–Thượng Hải.

[không dùng Dân ca–Trung Quốc–Miền Đông–Thượng Hải]

Tuy nhiên, tại một vài thư viện Việt Nam, tài liệu về các vùng địa lý địa phương bao gồm tỉnh và thành phố của Việt Nam thì có phụ đề được ghép theo cách trực tiếp kèm theo phần bổ nghĩa (Việt Nam) đi sau tên của địa phương. Ví dụ:

Quản lý môi trường–Cần Giờ (Việt Nam).

Kinh tế–Cần Thơ (Việt Nam).

Một điều cần lưu ý là không phải tất cả các tiêu đề đều được phân nhỏ theo yếu tố địa lý. Trong các bộ tiêu đề chủ đề như LCSH và Sears List, một tiêu đề phải có chỉ định (*May Subd Geog*) (có thể ghép với phụ đề địa lý) theo sau thì mới

được ghép với phụ đề địa lý. Trong trường hợp chỉ định địa lý (*May Subd Geog*) vừa xuất hiện sau tiêu đề chính, vừa xuất hiện sau phụ đề đề tài, thì phụ đề địa lý sẽ được ghép vào sau phụ đề đề tài. Nói một cách khái quát, trong tiêu đề phức, phụ đề địa lý được ghép vào yếu tố cuối cùng có chỉ định địa lý.

Trong bộ LCSH, các ví dụ sau đây là tiêu đề có phụ đề địa lý.

Teachers—Training of—United States.

Economic stabilization—Middle East.

Architecture, Gothic—Italy—Venice.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý rằng trong các lĩnh vực của khoa học xã hội, nhất là lịch sử và địa lý, địa danh thường có vai trò rất quan trọng cho nên yếu tố địa lý của các đề tài thuộc lĩnh vực này thường được thể hiện ở tiêu đề chính hơn là ở phụ đề địa lý.

3.4.3 Phụ đề thời gian

Phụ đề thời gian thể hiện thời kỳ cụ thể nào đó của lĩnh vực khoa học mà tài liệu đề cập đến, hoặc là thể hiện khoảng thời gian thường xuyên được đề cập đến trong tài liệu. Những phụ đề này có thể trực tiếp đi ngay sau tiêu đề chính hoặc được ghép sau một phụ đề khác. Không phải tất cả các tiêu đề đều được phân nhỏ theo thời gian. Thông thường, phụ đề thời gian có trong các tiêu đề mô tả nội dung các chủ đề thuộc ngành khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là lịch sử. Sự phân chia các thời kỳ phụ thuộc vào chủ đề cụ thể và địa điểm cụ thể, và thường là tuân theo sự phân chia của giới học giả. Ví dụ như

trong bộ LCSH, các thời kỳ lịch sử của Hoa Kỳ được phân chia như sau.

United States - History—Civil war, 1861-1865

-1865

-1865-1898

-1865-1921

-War of 1898

-1898

-20th century

Trong khi đó, các thời kỳ lịch sử của Pháp lại được phân theo các mốc thời gian sau.

France—History—Revolution, 1789

—Revolution, 1789-1793

—Revolution, 1789-1799

-1789-1815

-1789-1990

Các mốc thời gian được chọn làm phụ đề thể hiện lịch sử của một quốc gia thì không được mâu thuẫn nhau. Haykin đã nêu rằng đối với một tài liệu về lịch sử, các tiêu đề phải có các phụ đề thời gian tổng quát không được loại trừ, mâu thuẫn với các phụ đề thể hiện sự kiện hoặc thời kỳ nhỏ hơn [15]. Tuy nhiên, khi ứng dụng, người ta không dùng cả phụ đề thời gian tổng quát/bao trùm lẫn phụ đề thời gian cụ thể hơn cho cùng một tài liệu [7].

Đối với hình thức trình bày, phụ đề thời gian có rất nhiều hình thức. Dựa theo bộ LCSH, có thể liệt kê các hình thức của phụ đề thời gian như sau.

(1) Phụ đề thời gian thể hiện mốc thời gian bắt đầu và kết thúc hoặc chỉ có mốc thời gian bắt đầu của một thời kỳ (được gọi là thời gian bắt đầu – kết thúc). Ví dụ:

Nhật Bản–Điều kiện kinh tế–1989-

Hoa Kỳ–Đời sống xã hội và tập quán–1783-1865.

Egypt–Economic conditions–332 B.C.-640 A.D.

World politics–1945-

(2) Phụ đề thời gian là tên một vị vua/triều đại, một thời kỳ lịch sử, hoặc một sự kiện, theo sau là ngày tháng. Ví dụ:

Trung Quốc–Lịch sử–Nhà Minh, 1368-1644.

Nhật Bản–Lịch sử–Thời kỳ Meiji, 1868-1912.

Hoa Kỳ–Lịch sử–Cách mạng, 1775-1783.

English drama–Restoration, 1660-1700.

Germany–History–Unification, 1990.

United States–History–King William’s War, 1689-1697.

(3) Phụ đề thời gian là tên của thế kỷ. Ví dụ:

Đông Âu–Lịch sử nhà thờ–Thế kỷ 20.

Thơ ca Việt Nam–Thế kỷ 19.

Italian poetry–15th century

Netherlands–Church history–17th century

Hình thức này của phụ đề thời gian thường được áp dụng khi mà thời kỳ hoặc sự kiện được đề cập đến trong tài liệu không có tên gọi cụ thể, riêng biệt, hoặc khi mà khoảng thời gian thể hiện của phụ đề bao trùm rộng hơn là thời gian của sự việc, hoặc khi chỉ cần một phụ đề thời gian tổng quát là được.

(4) Phụ đề thời gian được bắt đầu bằng giới từ Trước theo sau là năm tháng. Ví dụ:

Anh-Văn minh-Trước 1066

Văn học Việt Nam-Lịch sử và phê bình-Trước 1945

Sicily (Italy)-Politics and government-To 1282

Rome-History-To 510 B.C.

3.4.3 Phụ đề hình thức

Trong trường hợp cần thiết, tiêu đề chính có thể được ghép với phụ đề hình thức nhằm thể hiện loại hình hay thể loại (hình thức thư mục), cũng có khi là hình thức vật lý, của tài liệu, ví dụ như -Thư mục, -Bản đồ, -Bách khoa toàn thư, -Sách mỏng, -Xuất bản phẩm định kỳ, -Tranh ảnh, -Phần mềm vi tính. Chúng có thể được ghép vào bất kỳ một kiểu nào của tiêu đề đơn hoặc tiêu đề phức.

Vũ trụ học-Bách khoa toàn thư.

Dân tộc thiểu số-Việt Nam-Thư mục.

Hà Nội-Tranh ảnh.

Việt Nam-Bản đồ.

Cosmology-Encyclopedias.

Minorities-Massachusetts-Bibliography.

Great Britain—History—Civil War, 1642-1649— Pamphlets.

Trong bộ LCSH, những phụ đề chỉ ra đối tượng độc giả, hình thức thể hiện hoặc là cách tiếp cận của tác giả đối với nội dung tài liệu cũng được coi là phụ đề hình thức, ví dụ như **Juvenile literature** [Văn học thiếu nhi], **—Study and teaching** [Tài liệu học tập và giảng dạy]. Trong một vài trường hợp, một phụ đề hình thức có thể được phân chia chi tiết hơn thành một hoặc vài phụ đề hình thức bổ sung. Ví dụ:

Great Plains—History—Sources—Bibliography— Catalogs.

France—Industries — Statistics—Periodicals.

Lưu ý là có khi phụ đề hình thức được sử dụng để thể hiện cả khía cạnh hình thức của tài liệu lẫn nội dung tài liệu nói về hình thức ấy. Trong trường hợp thứ hai thì phụ đề hình thức đã đóng vai trò như phụ đề đề tài. Ví dụ tiêu đề **Y học—Xuất bản phẩm định kỳ** thể hiện một tạp chí ngành Y nói chung, phụ đề ở đây chỉ ra loại hình của tài liệu. Trong khi đó trong tiêu đề **Y học—Xuất bản phẩm định kỳ—Lịch sử thì phụ đề —Xuất bản phẩm định kỳ** là một phần của nội dung chủ đề trong tài liệu. Như vậy, trong một tiêu đề phức, một phụ đề có hình thức là phụ đề hình thức có thể có vai trò là phụ đề đề tài, cũng có thể có vai trò là phụ đề hình thức.

Tuy nhiên, trong bộ LCSH, có một số trường hợp, tài liệu có hình thức đặc biệt và tài liệu nói về hình thức ấy lại được thể hiện bằng các phụ đề khác nhau hoặc là các phụ đề kết hợp [13]. Ví dụ **—Abstracts** và **—Indexes** được sử dụng thể hiện hình

thức thư mục của tài liệu, trong khi --**Abstracting and indexing** được sử dụng để thể hiện nội dung của tài liệu nói về việc biên soạn tóm tắt và bảng tra cho một lĩnh vực cụ thể nào đó.

Tóm lại, ngôn ngữ tiêu đề chủ đề sử dụng bốn loại phụ đề để thể hiện các khía cạnh hoặc góc độ nghiên cứu khác nhau của chủ đề. Thông thường, trật tự của các phụ đề trong một tiêu đề phức như sau.

Hoặc (1): [Tiêu đề chính]--[Đề tài]--[Địa lý]--[Thời gian]--[Hình thức]

Hoặc (2): [Tiêu đề chính]--[Địa lý]--[Đề tài]--[Thời gian]--[Hình thức]

Áp dụng kiểu (1) hay (2) phụ thuộc vào quy định ghép phụ đề địa lý như đã trình bày trong phần phụ đề địa lý.

Cần nói thêm rằng trong bộ LCSH, ngoài bốn loại phụ đề kể trên còn có một loại phụ đề thứ năm *free-floating subdivisions*, tạm dịch là *phụ đề tự do*. Đây là loại phụ đề hình thức hoặc phụ đề đề tài có tần suất sử dụng rất lớn. Vì vậy LC đã tập hợp chúng tạo thành một loại phụ đề riêng và coi chúng là các phụ đề được ghép tự do vào các tiêu đề chính. Các phụ đề tự do không được liệt kê dưới các tiêu đề trong bộ LCSH mà được trình bày trong Cẩm nang biên mục của LC có kèm theo hướng dẫn sử dụng. Cán bộ biên mục lắp ghép chúng vào các tiêu đề trong bộ LCSH khi thấy thích hợp. Việc lắp ghép này có vẻ tự do nhưng thực chất là phải tuân theo những chỉ dẫn và quy định được trình bày trong Cẩm nang biên mục của LC.

Gắn liền với khái niệm phụ đề tự do của bộ LCSH là khái niệm *tiêu đề mẫu* (pattern headings). Thực tế biên mục đã

khiến LC chọn một số tiêu đề chủ đề làm mẫu. hay nói rõ hơn là làm mô hình mẫu, cho cách lắp ghép các phụ đề vào tiêu đề chính. Các tiêu đề thể hiện chủ đề cùng loại với tiêu đề mẫu sẽ có các phụ đề tương tự như tiêu đề mẫu, mặc dù trong bộ LCSH, các phụ đề này không được liệt kê dưới các tiêu đề có chủ đề cùng loại với tiêu đề mẫu. Khi định tiêu đề chủ đề, cán bộ biên mục sẽ dựa vào tiêu đề mẫu để định các tiêu đề chủ đề cho các tài liệu có chủ đề cùng loại với chủ đề của tiêu đề mẫu. Ví dụ, LC chọn tiêu đề **Buddhism** [Phật giáo] làm tiêu đề mẫu cho các tiêu đề có chủ đề về một tôn giáo. Vì vậy, tiêu đề **Catholicism** [Thiên Chúa giáo] cũng sẽ có các phụ đề tương tự như tiêu đề mẫu **Buddhism** mặc dù trong bộ LCSH không nhất thiết phải liệt kê các phụ đề này dưới tiêu đề **Catholicism**. Tương tự như vậy, LC chọn **Piano** làm tiêu đề mẫu cho các chủ đề về một loại nhạc cụ; chọn **Cancer** làm tiêu đề mẫu cho các chủ đề về một căn bệnh .v.v.. Danh sách các tiêu đề mẫu được trình bày trong phần đầu của bộ LCSH. Việc quy định phụ đề tự do và tiêu đề mẫu giúp giảm độ công kênh của bộ LCSH.

3.5 Kiểm soát tiêu đề chủ đề

3.5.1 Ý nghĩa của việc kiểm soát tiêu đề chủ đề

Các bộ tiêu đề chủ đề dựa trên việc kiểm soát từ vựng, tức là chỉ có thuật ngữ được chọn thì mới được coi là có giá trị và được sử dụng làm tiêu đề chủ đề. Trong khi đó khái niệm mới, tri thức mới xuất hiện ngày càng nhiều dẫn đến việc nhiều chủ đề mới chưa có tiêu đề thích hợp trong các bộ tiêu đề chủ đề. Vì vậy, để có những tiêu đề tương thích với các chủ đề mới

xuất hiện thì phải tiến hành xây dựng các tiêu đề chủ đề mới. Hơn nữa, theo thời gian, bản thân các thuật ngữ cũng thay đổi mà bộ tiêu đề chủ đề thì phải thể hiện được cách dùng thuật ngữ hiện đại, vì thế việc điều chỉnh, sửa đổi các tiêu đề chủ đề đang được sử dụng cũng cần được xem xét và thực hiện thường xuyên.

Tất cả các công việc vừa nêu chính là kiểm soát và duy trì tính thống nhất cho các tiêu đề chủ đề. Đây là một công tác rất phức tạp. Nó đòi hỏi cán bộ biên mục và ban biên tập của bộ tiêu đề chủ đề phải nhận diện và đánh giá được những thay đổi trong cách sử dụng thuật ngữ, cũng như sự xuất hiện những khái niệm mới. Công việc này cũng đòi hỏi cán bộ biên mục và ban biên tập phải thực hiện một cách thường xuyên, định kỳ và cẩn thận.

Thông thường, thư viện hoặc nơi biên soạn ra bộ tiêu đề chủ đề phải xây dựng một quy trình quy định các bước thực hiện cho việc kiểm soát các tiêu đề chủ đề. Các quy định này cần xoay quanh các vấn đề:

- Việc thay đổi hay bổ sung một tiêu đề mới hoặc một chi tiết nào đó trong bộ tiêu đề chủ đề.
- Xác định được các nguồn tham khảo làm cơ sở để đưa ra các quyết định thay đổi và bổ sung tiêu đề.
- Quy định chu kỳ thực hiện việc cập nhật và xuất bản ấn phẩm mới hoặc những thông báo, hướng dẫn liên quan đến việc thay đổi và bổ sung các tiêu đề.

Lưu ý là, mặc dù cần phải điều chỉnh các tiêu đề sao cho phù hợp với nhu cầu hiện tại của người sử dụng, tuy nhiên việc

thay đổi, tạo mới nên được thực hiện theo một chu kỳ hợp lý để tránh gây xáo trộn cho cán bộ thư viện và bạn đọc.

Kiểm soát tính thống nhất và duy trì các tiêu đề chủ đề đã được LC cố gắng thực hiện rất công phu trong suốt một thế kỷ qua. Các bước và các quy định trong việc kiểm soát tính thống nhất cho bộ LCSH có thể xem như những gợi ý, hướng dẫn cho các cơ quan khác thực hiện công tác kiểm soát tính thống nhất cho ngôn ngữ tiêu đề chủ đề của mình. Dưới đây sẽ giới thiệu một cách chi tiết việc thiết lập mới và hiệu đính tiêu đề chủ đề của LC.

3.5.2 Kiểm soát tiêu đề chủ đề cho bộ LCSH

Tại LC, bộ phận thực hiện kiểm soát tiêu đề là nhóm biên tập chính sách biên mục và bộ phận hỗ trợ biên mục (Cataloging Policy and Support Office). Nhóm này họp định kỳ hàng tuần. Tham dự những cuộc họp này có các chuyên gia từ nhóm biên tập, các nhóm biên mục hợp tác, các cán bộ trực tiếp biên mục. Họ xem xét tất cả các đề nghị, bao gồm bổ sung tiêu đề mới, thay đổi tiêu đề cũ, loại bỏ những tiêu đề lỗi thời, kết hợp tiêu đề/phụ đề, điều chỉnh tham chiếu, phụ đề tự do. Đối với việc cập nhật các tiêu đề mới họ thảo luận việc chọn thuật ngữ, tham chiếu, ghi chú, đối chiếu để đảm bảo tính tương hợp với tiêu đề mô tả, và phù hợp với tiêu đề đang được sử dụng, cũng như các nguyên tắc của bộ LCSH [9].

Nhóm biên tập phải xem xét, kiểm tra lại các đề nghị về việc bổ sung mới cũng như thay đổi tiêu đề cũ, trước khi chính thức thông qua một hình thức thể hiện mới cho tiêu đề. Các hướng dẫn liên quan đến việc thiết lập các tiêu đề mới được

trình bày trong Cẩm nang Biên mục chủ đề [19]. Tất cả các tiêu đề mới và các tiêu đề được điều chỉnh được tập trung trong Hồ sơ các chủ đề (Subjects file). Các tiêu đề mới được tạo dựng và các tiêu đề được điều chỉnh sẽ được xuất bản dưới dạng CD-ROM và microfiche từng quý một. Tuy nhiên phải chờ đến lần xuất bản tiếp theo thì các tiêu đề mới và tiêu đề được điều chỉnh này mới được trình bày trong bản in của bộ LCSH.

Thiết lập các tiêu đề mới

Nhìn chung, các tiêu đề mới sẽ do các cán bộ biên mục đề trình. Thông qua quá trình trực tiếp biên mục tài liệu, họ là những người phát hiện được chính xác các nhu cầu trong việc thêm mới hoặc chỉnh sửa tiêu đề.

Thông thường, khi có một chủ đề được thể hiện trong tài liệu mà chưa có một tiêu đề tương thích trong bộ tiêu đề đang sử dụng, cán bộ biên mục sẽ đưa ra một tiêu đề mới và đề nghị cập nhật. Đồng thời họ cũng có thể đưa ra đề nghị các loại tham chiếu, như là tham chiếu nghĩa rộng, nghĩa hẹp để hoàn chỉnh chuỗi thứ bậc của tiêu đề mới. Khi đề nghị này được thông qua thì tiêu đề này trở thành có giá trị và sẽ được đưa vào bộ Hồ sơ tiêu đề chuẩn. Dưới đây sẽ trình bày quá trình tạo lập nên những tiêu đề mới có giá trị.

Hồ sơ tiêu đề chuẩn: Việc tạo mới hoặc thay đổi các tiêu đề sẽ được lưu lại trong hồ sơ tiêu đề chuẩn. Cho đến lần tái bản mới của bộ LCSH thì những tiêu đề mới này sẽ được bổ sung vào phiên bản mới.

Tại LC, hồ sơ tiêu đề chuẩn này sẽ lưu giữ những thay đổi hoặc thêm mới cho tiêu đề đề tài, tiêu đề địa danh phi hành

chính, tiêu đề dành cho tên gọi sự vật, thực thể, tiêu đề dành cho dòng họ, tiêu đề dành cho những nhân vật hư cấu và huyền thoại. Tuy nhiên, những tiêu đề cho tên gọi mà cũng sử dụng giống trong biên mục mô tả thì thường được trình bày riêng trong Hồ sơ tên gọi chuẩn.

Xác định tính giá trị cho tiêu đề: Trong quá trình đề nghị một tiêu đề chủ đề mới và chuẩn bị hồ sơ lưu lại việc đề nghị này, cán bộ biên mục phải tiến hành nghiên cứu các vấn đề xung quanh việc thiết lập tiêu đề mới này. Một hồ sơ tiêu đề chuẩn bao gồm các thông tin liên quan đến các khía cạnh sau của một tiêu đề:

- Hình thức chính xác của tiêu đề được chấp thuận
- Ghi chú phạm vi (nếu có)
- Chỉ dẫn cho phụ đề địa lý (nếu có)
- Các tham chiếu loại tham chiếu phù hợp
- Các nguồn tham khảo để quyết định lựa chọn tiêu đề và tham chiếu

Cán bộ biên mục cần phải cung cấp tất cả các dữ liệu về các yếu tố kể trên khi muốn đề nghị một tiêu đề mới. Đầu tiên họ phải chỉ ra những khái niệm mới trong tài liệu. Khái niệm này được thẩm tra lại dựa vào các nguồn tham khảo. Nếu như tiêu đề được đề nghị tương tự với một tiêu đề đang tồn tại hoặc một tiêu đề mẫu thì tiêu đề đang tồn tại hoặc tiêu đề mẫu này có thể được nêu ra như là một trong những căn cứ để đề xuất tiêu đề mới.

Các nguồn tham khảo được coi là căn cứ có giá trị cho việc đề nghị các tiêu đề mới sẽ được ghi lại trong hồ sơ. Những nguồn tham khảo thông thường là:

- Tài liệu đang biên mục
- Những tiêu đề chủ đề đang tồn tại trong bộ tiêu đề chủ đề của thư viện
- Các loại từ điển
- Bách khoa toàn thư
- Các bảng tra và từ điển từ chuẩn, như là New York Times Index, Legislative Indexing Vocabulary, Reader Guide to Periodical Literature
- Thư mục của tài liệu đang được biên mục
- Các nguồn tham khảo theo đề tài và những tài liệu có giá trị khác trong lĩnh vực đang được xem xét.

Nếu cần thiết, cán bộ biên mục sẽ xin ý kiến các chuyên gia, các cơ quan có liên quan khi thiết lập các tiêu đề mới.

Hiệu đính và cập nhật tiêu đề đang sử dụng

Khi các tiêu đề chủ đề trở thành các điểm truy cập trong mục lục thì chúng sẽ có mối liên hệ với nhau và hệ thống tham chiếu sẽ chỉ ra mối liên hệ này. Do đó, để đảm bảo tính logic trong cấu trúc của mục lục chủ đề thì phải lưu ý khắc phục những mâu thuẫn có thể xảy ra do việc thay đổi, chỉnh sửa tiêu đề. Sự thay đổi của từng tiêu đề không chỉ ảnh hưởng lên một số yếu tố truy cập liên quan đến tiêu đề ấy trong mục lục, mà còn ảnh hưởng đến tất cả các tham chiếu mà có dính dáng đến tiêu đề đó. Chính vì vậy mà việc thay đổi, hiệu đính, cập nhật tiêu đề chỉ có thể được thực hiện dần dần, từng bước một.

Nhìn chung, sự thay đổi các tiêu đề chủ đề của LC thường rơi vào các trường hợp sau [9].

(1) Thay đổi một tiêu đề này thành một tiêu đề khác nhằm cập nhật thuật ngữ mới cho tiêu đề. Ví dụ:

Tiêu đề cũ

Baseball players' wives
Charwomen and cleaners
Human ecology—Moral
and ethical aspects

Tiêu đề mới

Baseball players' spouses
Cleaning personnel
Environmental ethics

(2) Thay đổi tiêu đề có chứa tên riêng nhằm thích ứng với biên mục mô tả. Ví dụ:

Tiêu đề cũ

Kronshtadt (R.S.F.S.R.)
—History
Moravia (Czechoslovakia)
—History

Tiêu đề mới

Kronshtadt (Russia)—
History
Moravia (Czech Republic)—
History

(3) Thay đổi hình thức hoặc yếu tố truy cập. Ví dụ:

Tiêu đề cũ

Dolls, Amish
Schoharie Creek (N.Y.)
—Bridges

Tiêu đề mới

Amish dolls
Bridge—New York (State)—
Schoharie Creek

(4) Thay đổi do có sự phân tách một tiêu đề chủ đề phức hay một tiêu đề chủ đề có chứa hai hoặc nhiều khái niệm. Ví dụ:

Tiêu đề cũ

Tiêu đề mới

Hunting, Primitive

Hunting

Hunting, Prehistoric

Hunting and gathering societies

Great Britain—Princes
and Princesses

Princes—Great Britain

Princesses—Great Britain

(5) Thay đổi do có sự sáp nhập các tiêu đề trùng lập vào một tiêu đề đơn. Ví dụ:

Tiêu đề cũ

Tiêu đề mới

MARC System

MARC System—Format

MARC formats

(6) Thay đổi các phụ đề. Ví dụ:

Tiêu đề cũ

Tiêu đề mới

America—Description
and travel—1981—
Napoleon I, Emperor of
the French, 1769-1821,
in fiction, drama, poetry

**America—Description and
travel Napoleon I,
Emperor of the French,
1769-1821—In literature**

Quá trình thực hiện các thay đổi cho tiêu đề phải bao gồm cả việc chỉnh sửa tất cả các tiêu đề trong bộ tiêu đề chủ đề có chứa thuật ngữ được thay đổi đó. Tất cả các tham chiếu liên quan đến tiêu đề được thay đổi này cũng phải được chỉnh sửa. Thêm vào đó, tham chiếu USE sẽ được đặt dưới tiêu đề được thay đổi này để chỉ đến tiêu đề mới có giá trị.

Đối với cơ sở dữ liệu MARC của thư viện, mỗi lần tiến hành việc thay đổi tiêu đề thì phải hiệu đính lại tất cả các biểu ghi thư mục liên quan đến tiêu đề đó. Vì vậy, quá trình thay đổi thường phải diễn ra từ từ.

Tại LC, do có sự thay đổi đối với các tiêu đề mà nhiều tiêu đề khác cũng phải loại bỏ khỏi bộ LCSH. Mỗi khi một phụ đề được chuyển thành phụ đề tự do thì người ta phải loại những phụ đề này ra khỏi các tiêu đề trong bộ LCSH, trừ khi phụ đề này phải đi kèm với tiêu đề do nó cần tham chiếu, hoặc nó được dùng làm ví dụ mẫu.

THAM CHIẾU VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA TIÊU ĐỀ CHỦ ĐỀ

Như đã trình bày, ngôn ngữ tiêu đề chủ đề đòi hỏi mỗi một đề tài chỉ có một tiêu đề thống nhất. Tuy nhiên, trên thực tế, người tìm tin và cả cán bộ thư viện không phải lúc nào cũng biết trong số hàng loạt các từ đồng nghĩa, từ gần nghĩa, từ có các cách trình bày khác nhau thì từ nào được gọi là tiêu đề có giá trị để sử dụng cho việc truy cập tài liệu trong thư viện. Hơn nữa, theo nguyên tắc điểm truy cập trực tiếp, một chủ đề cần phải được thể hiện bằng một thuật ngữ vừa chính xác vừa cụ thể. Thế nhưng, trên thực tế, nhiều người sử dụng thuật ngữ mang ý nghĩa chung chung để tìm kiếm tài liệu về một đề tài cụ thể, nhiều người không xác định được rõ mối quan hệ giữa các đề tài gần gũi hoặc liên quan với nhau và vì thế mà gặp khó khăn khi chọn thuật ngữ để làm điểm truy cập sao cho phù hợp với nhu cầu tin của họ.

Chính vì vậy cần phải có một hệ thống các chỉ dẫn - gọi là các *tham chiếu* - chỉ ra mối quan hệ giữa các thuật ngữ, cũng như chỉ rõ thuật ngữ nào có giá trị và thuật ngữ nào không có giá trị trong việc thiết lập các tiêu đề chủ đề làm điểm truy cập. Từ đó, cán bộ thư viện mới có được sự thống nhất trong việc thiết lập các tiêu đề cho tài liệu và người dùng tin mới có thể xác định được thuật ngữ được chọn làm tiêu đề thể hiện

chủ đề mà họ quan tâm. Ngôn ngữ tiêu đề chủ đề cần thể hiện được các mối quan hệ tương đương, quan hệ thứ bậc và quan hệ liên đới giữa các tiêu đề chủ đề [21].

4.1 Tham chiếu chỉ ra mối quan hệ tương đương

Trong ngôn ngữ tự nhiên có rất nhiều thuật ngữ tương đương nhau về mặt ngữ nghĩa nhưng lại có cách trình bày khác nhau. Tuy nhiên thư viện sẽ chỉ chọn một thuật ngữ và một cách trình bày để làm tiêu đề thể hiện nội dung cho một đề tài. Giữa các thuật ngữ tương đương về mặt ngữ nghĩa này sẽ có tham chiếu chỉ ra thuật ngữ nào *không được dùng* làm tiêu đề và thuật ngữ nào *được dùng* làm tiêu đề. Theo tiếng Anh, các tham chiếu này bao gồm USE và UF, trình bày theo tiếng Việt là SD (sử dụng) và DC (dùng cho). Trong đó, USE/SD đứng trước thuật ngữ *được dùng* làm tiêu đề. Nó chỉ từ một thuật ngữ không được dùng làm tiêu đề, đến một thuật ngữ được dùng làm tiêu đề. Ngược lại, UF/DC đứng trước thuật ngữ *không được dùng* làm tiêu đề. Nó chỉ ra những thuật ngữ không được chọn làm tiêu đề nhưng tương đương với thuật ngữ được chọn làm tiêu đề.

Các trường hợp cần sử dụng loại tham chiếu này bao gồm:

- Giữa các từ đồng nghĩa, gần nghĩa
- Giữa các từ viết tắt và từ viết đầy đủ
- Giữa các từ cổ và hiện đại
- Giữa các từ phổ thông và khoa học
- Giữa các từ có tiếng bản xứ và các từ tiếng nước ngoài nhưng được sử dụng phổ biến
- Giữa các từ có cách đánh vần khác nhau

- Giữa hình thức được chọn và không được chọn làm tiêu đề của một thuật ngữ

Dưới đây là phần minh họa cho các trường hợp cần sử dụng tham chiếu USE/SD và UF/DC.

Giữa các từ đồng nghĩa, gần nghĩa

Trong ngôn ngữ tự nhiên có rất nhiều từ đồng nghĩa và mỗi người có khuynh hướng dùng từ theo thói quen của mình. Tuy nhiên, khi định tiêu đề chủ đề, nội dung một chủ đề không được thể hiện bằng một thuật ngữ theo ý của người đọc, mà bằng một thuật ngữ dựa theo một bộ tiêu đề hay được cán bộ biên mục lựa chọn trong số các từ đồng nghĩa. Thực tế biên mục cho thấy, thậm chí các thuật ngữ được chọn và thuật ngữ không được chọn không phải hoàn toàn đồng nghĩa với nhau [10]. Ví dụ:

Heo

SD Lợn

Lợn

DC Heo

Ở đây Heo và Lợn là hai thuật ngữ đồng nghĩa, trong đó Lợn được chọn làm tiêu đề chủ đề. Tham chiếu SD chỉ cho biết phải dùng Lợn làm tiêu đề chứ không dùng Heo khi định tiêu đề cho tài liệu nói về đề tài này. Tham chiếu DC chỉ cho biết Heo là thuật ngữ tương đương với Lợn về mặt ngữ nghĩa nhưng Lợn được dùng làm tiêu đề cho tài liệu nói về đề tài này. Một vài ví dụ khác:

Ngôi sao

SD Sao

Sao

DC Ngôi sao

Ngọc lan tây

SD Hoàng ngọc lan

Hoàng ngọc lan

DC Ngọc lan tây

Người cao tuổi

DC Người có tuổi

Người già

Phụ lão

Người có tuổi

SD Người cao tuổi

Phụ lão

SD Người cao tuổi

Các ví dụ sau đây sẽ minh họa cho việc dùng tham chiếu chỉ ra mối quan hệ tương đương giữa các từ đồng nghĩa, gần nghĩa trong bộ LCSH.

Audiobooks

UF Cassette books

Recorded books

Cassette books

USE Audiobooks

Recorded books

USE Audiobooks

Ethics

UF Morals

Morals

USE Ethics

Fitness walking

UF Exercise walking

Health walking

Healthwalking

Exercise walking

USE Fitness walking

Health walking

USE Fitness walking

Healthwalking

USE Fitness walking

Greenhouse

UF Hothouse

Hothouse

USE Greenhouse

Giữa các từ viết tắt và từ viết đầy đủ

Nếu tiêu đề được thiết lập bằng hình thức rút gọn hay chữ viết tắt thì cần tham chiếu chỉ ra hình thức đầy đủ của thuật ngữ nhưng không được chọn làm tiêu đề. Ví dụ:

ABA

DC Axit absidic

Axit absidic

SD ABA

Peroxyaxetyl nitrat

SD PAN

PAN

DC Peroxyaxetyl nitrat

Các ví dụ sau đây được trích ra từ bộ LCSH.

Cardiopulmonary resuscitation

USE CPR (First aid)

CPR (First aid)

UF Cardiopulmonary resuscitation

MARC formats

UF Machine-readable cataloging formats

Machine-readable cataloging formats

USE MARC formats

Giữa các từ có cách đánh vần khác nhau

Trong số các từ có các cách đánh vần khác nhau thì cần tham chiếu chỉ ra hình thức đánh vần nào được chọn làm tiêu đề có giá trị. Trường hợp này rất ít gặp trong tiếng Việt nhưng lại xuất hiện khá nhiều trong tiếng Anh.

Trong tiếng Việt có thể kể ra một vài trường hợp, như là giữa thuật ngữ *Bác sỹ* và *Bác sĩ*, *Liệt sỹ* và *Liệt sĩ*, *Họa sỹ* và *Họa sĩ*, cần tham chiếu chỉ ra hình thức nào được chọn làm tiêu đề. Trong bộ LCSH, có thể lấy ra rất nhiều ví dụ minh họa cho trường hợp này.

Aeolian harp

UF Eolian harp

Aesthetics

UF Esthetics

Airplanes

UF Aeroplanes

Audiobooks

UF Audio books

Dogs

UF Dog

Microcrystalline polymers

UF Microcrystal polymers

Polymer microcrystals

Giữa các từ cổ và hiện đại, các từ phổ thông và khoa học, các từ có tiếng bản xứ và các từ tiếng nước ngoài nhưng được sử dụng phổ biến

Trong một số trường hợp, vừa tồn tại thuật ngữ phổ thông vừa tồn tại một thuật ngữ khoa học để thể hiện một khái niệm, một vấn đề hoặc sự vật. Vì vậy, cần có tham chiếu chỉ các thuật ngữ phổ thông đến các thuật ngữ khoa học mà được chọn làm tiêu đề. Đồng thời, cần tham chiếu chỉ các thuật ngữ khoa học đến các thuật ngữ phổ thông nếu như thuật ngữ phổ thông được chọn làm tiêu đề. Ví dụ:

Alumin

SD Phèn

Phèn

DC Alumin

Amoni cacbonat

DC Nước amoniac

Nước ammoniac

SD Amoni cacbonat

An tức hương

SD Cánh kiến trắng

Cánh kiến trắng

DC An tức hương

Anbom

SD Tập ảnh

Tập ảnh

DC Anbom

Các ví dụ sau đây được trích ra từ bộ LCSH.

Cockroaches

UF Blattaria

Blattoidea

Medusahead wildrye

UF Elymus caput-medusae

Taeniatherum asperum

Prosencephalon

UF Forebrain

Vitamin C

UF Ascorbic acid

Tương tự như thế cho trường hợp một khái niệm có thể thể hiện bằng một từ cổ và một từ hiện đại; cũng như cho trường hợp một khái niệm vừa có thể thể hiện bằng tiếng bản xứ, vừa có thể thể hiện bằng từ tiếng nước ngoài. Ví dụ:

Internet

DC Mạng Internet

Mạng trực tuyến

Marketing

SD Tiếp thị

Tiếp thị

DC Marketing

Giữa hình thức được chọn và không được chọn làm tiêu đề của một thuật ngữ

Nguyên tắc tiêu đề thống nhất đòi hỏi một đề tài phải xuất hiện trong mục lục dưới một hình thức tiêu đề nhất định, những hình thức tiêu đề khác cùng thể hiện một đề tài thì được chỉ về hình thức tiêu đề được lựa chọn. Ví dụ:

Thanh niên, Phong trào

DC Phong trào thanh niên

Các ví dụ sau đây được trích ra từ bộ LCSH.

Art, Medieval

UF Medieval art

Chemistry, Organic

UF Organic chemistry

Education, Higher

UF Higher education

Khi một tiêu đề thể hiện mối quan hệ giữa hai khái niệm hoặc hai đối tượng, dùng tham chiếu chỉ ra trật tự ngược lại của tiêu đề [19].

Giáo dục và nhà nước

DC Nhà nước và giáo dục

Các ví dụ sau đây được trích ra từ bộ LCSH.

Computers and family

UF Family and computers

Architecture and state

UF State and architecture

Trong bộ LCSH, các tham chiếu loại này cũng được thiết lập để chỉ ra hình thức được sử dụng trước đây của một tiêu đề. Ví dụ, với đề tài các bài tập thể hình, trước đây LC dùng tiêu đề *Aerobics* nhưng nay thì dùng tiêu đề *Aerobic exercises*, do đó cần tham chiếu sau:

Aerobics

USE **Aerobic exercises**

Aerobic exercises

UF **Aerobics**

Các ví dụ khác:

Aged-Education

UF **Education of the aged**

Bank and banking-Accounting

UF **Bank accounting**

Cataloging of Arabic imprints

UF Arabic imprints—Cataloging

Federal aid to private schools

UF Private schools—Federal aid

Foreign exchange—Accounting

UF Foreign exchange accounting

Galaxies—Evolution

UF Galactic evolution

Glass—Research

UF Glass research

Như vậy, tham chiếu USE và UF, hay bằng tiếng Việt là SD và DC, chỉ ra mối quan hệ tương đương giữa các thuật ngữ được chọn và không được chọn làm tiêu đề cho một chủ đề. Ngoài ra, trong bộ LCSH, trong một số trường hợp tham chiếu USE còn được dùng với một mục đích tổng quát hơn [19]. Đó là, dưới một thuật ngữ không có giá trị, tham chiếu USE chỉ đến phân hướng dẫn cách tìm ra tiêu đề có giá trị cho thuật ngữ ấy. Thông thường, tham chiếu *USE tổng quát* sẽ xuất hiện khi (1) một thuật ngữ không có một tiêu đề tương đương với nó, (2) không thể liệt kê tất cả các tham chiếu cụ thể cho một tiêu đề, (3) muốn giải thích cách dùng phụ đề tự do cho một tiêu đề. Ví dụ:

Amateurs' manuals

USE subdivision Amateurs' manual under technical topics for works of instruction for nonprofessionals on how to acquire a skill or perform an operation, e.g. Radio-Amateurs' manuals.

Nghĩa là: *Sử dụng phụ đề* Amateurs manual cho các đề tài kỹ thuật của các tài liệu có nội dung hướng dẫn cho người không chuyên cách để có được một kỹ năng hoặc thực hiện được một thao tác. Ví dụ: **Radio-Amateurs' manuals.**

Military reform

USE subdivision Reorganization under individual military services, e.g. United States-Armed Forces-Reorganization.

Nghĩa là: *Sử dụng phụ đề* Reorganization cho một cơ quan quân sự riêng biệt. Ví dụ: **United States-Armed Forces-Reorganization.**

Office, Appointment to

USE subdivision Officials and employees-Selection and appointment under names of countries, cities, ect. and names of individual government agencies; and subdivision Selection and appointment under types of officials.

Nghĩa là: *Sử dụng phụ đề* Officials and employees-Selection and appointment cho tên của các quốc gia, thành phố, .v.v. và tên của các cơ quan thuộc chính phủ, và dùng phụ đề Selection and appointment dưới tiêu đề về các ngành công chức.

4.2 Tham chiếu chỉ ra mối quan hệ thứ bậc

Một chủ đề có thể mang một nghĩa hẹp hơn hoặc rộng hơn so với một chủ đề khác, ví dụ như *Mèo* sẽ mang nghĩa hẹp hơn so với *Vật nuôi trong nhà* (bao gồm chó, mèo, chim, cá...)

nhưng lại mang nghĩa rộng hơn so với *Mèo mun* (một giống mèo cụ thể). Theo tiếng Anh, mỗi quan hệ thứ bậc này được thể hiện trong ngôn ngữ tiêu đề chủ đề bằng các tham chiếu BT (Broader term: thuật ngữ nghĩa rộng) và NT (Narrower term: thuật ngữ nghĩa hẹp), được trình bày trong tiếng Việt là TR (Thuật ngữ nghĩa rộng) và TH (Thuật ngữ nghĩa hẹp). Lưu ý là tham chiếu thứ bậc chỉ được thiết lập cho các thuật ngữ có giá trị, tức là các thuật ngữ được chọn làm tiêu đề chủ đề. Thông thường mỗi thuật ngữ trong dãy các chủ đề có thứ bậc với nhau được nối với một thuật ngữ có nghĩa rộng hơn sát trên nó và một thuật ngữ có nghĩa hẹp hơn sát dưới nó trong chuỗi thứ bậc [9] thông qua các tham BT/TR và NT/TH. Ví dụ:

Thư viện

TR Công sở

TH Thư viện công cộng

Thư viện chuyên ngành

Thư viện thiếu nhi

Hiện nay tại LC, các tham chiếu thứ bậc được làm theo quy định sau [19].

(1) Giống/Loài (hoặc Lớp/Thành viên của lớp)

Apes

NT Gorilla

German fiction

NT Science fiction, German

Motor vehicles

NT Automobiles

Sheep dogs

NT Belgian sheepdog

Tham chiếu NT không được tạo dựng trong trường hợp tiêu đề bị đảo và được bỏ nghĩa bằng tên của ngôn ngữ, dân tộc, tộc người. Tức là sẽ không có tham chiếu để chỉ mối quan hệ thứ bậc giữa một tiêu đề có nghĩa rộng hơn, ví dụ Art, với một tiêu đề đảo có nghĩa hẹp hơn, ví dụ Art, German. Tham chiếu sau đây không được tạo dựng.

Art,

NT Art, German

Art, Japanese

(2) Tổng thể/Bộ phận

Hand

BT Arm

NT Fingers

Fingers

BT Hand

NT Finger joint

Fingernails

Thumb

Khi một tiêu đề trực thuộc nhiều mối quan hệ thứ bậc thì làm tham chiếu cho tiêu đề có nghĩa rộng hơn sát cạnh nó trong chuỗi thứ bậc.

Causeways

BT Bridges

Roads

(3) Dề tài/Tên các thực thể trực thuộc

Buildings—Texas

NT Old Stone Fort (Nacogdoches, Tex.)

Botanical gardens—California

NT Huntington Herb Garden (San Marino, Calif.)

Dwellings—Georgia

NT Chief Vann House (Spring Place, Ga.)

Plum Orchard (Ga.)

Robert Toombs House (Washington, Ga.)

Stafford Plantation (Ga.)

Mountains—France

NT Vanoise Mountains (France)

Palaces—England

NT Blenheim Palace (England)

Hampton Court (Richmond upon Thames, London,
England)

Palaces—Spain

NT Alcazar (Madrid, Spain)

Alcazar (Seville, Spain)

Alhambra (Granada, Spain)

Rivers—Colorado

NT Gummison River (Colo.)

North Platte River

Piedra River (Colo.)

Streets-France

NT Boulevard du Temple (Paris, France)

World War, 1939-1945-Campaigns-Italy

NT Cassino (Italy), Battle of, 1944

(4) Các mối quan hệ kép và phức

Đối với những tiêu đề có chứa nhiều đề tài hoặc nhiều khái niệm, người ta làm tham chiếu BT cho đề tài hoặc khái niệm không được dùng làm yếu tố truy cập, tức là yếu tố đi đầu trong tiêu đề.

Music and anthropology

BT Anthropology

Education and crime

BT Crime

Hydrogen as fuel

BT Fuel

Aerial photography in city planning

BT City planning

Surrealism in motion pictures

BT Motion pictures

Domestic relations (Roman law)

BT Roman law

Tham chiếu BT cũng được thiết lập cho tiêu đề mà tương ứng với phụ đề, như là -Contracting out và -Election, trừ khi

những thuật ngữ này quá rộng hoặc quá tổng quát, như là [Tiêu đề đề tài]-Application và [Tiêu đề đề tài]-Utilization.

County services-Contracting out

BT Contracting out

Judges-Election

BT Elections

4.3 Tham chiếu chỉ ra mối quan hệ liên đới

Trên thực tế, có nhiều chủ đề không phải là thứ bậc của nhau nhưng lại có mối quan hệ liên đới với nhau, ví dụ như *Tuổi già* và *Tuổi thọ* không phải là hai chủ đề thứ bậc của nhau nhưng chúng lại có mối liên quan đến nhau; khi nhắc đến chủ đề này người ta thường hay liên tưởng đến chủ đề kia. Theo tiếng Anh, mối quan hệ này được thể hiện trong ngôn ngữ tiêu đề chủ đề bằng tham chiếu RT (Related term: thuật ngữ liên đới), được trình bày bằng tiếng Việt là TL (thuật ngữ liên đới). Tham chiếu này xuất hiện dưới cả hai tiêu đề có mối quan hệ liên đới với nhau. Ví dụ:

Ngộ độc

TL Nhiễm độc

Nhiễm độc

TL Ngộ độc

Nguồn lực

TL Tiềm lực

Tiềm lực

TL Nguồn lực

Nhân lực
TL Nhân công
Sức lao động

Nhân công
TL Nhân lực
Sức lao động
TL Nhân lực

Các ví dụ sau được trích ra từ bộ LCSH.

Religion
RT Theology
Theology
RT Religion

Comprehension
RT Memory
Memory
RT Comprehension

Nhằm cụ thể hóa việc xác định mối quan hệ liên đới giữa các thuật ngữ, LC đưa ra những hướng dẫn sau [19]. Tham chiếu RT được làm để:

(1) Nói hai thuật ngữ có nghĩa trùm lên nhau

Boats and boating

RT Ships

Ships

RT Boats and boating

(2) Nối một môn ngành khoa học với đối tượng nghiên cứu của nó

Earthquakes

RT Seismology

Epithelial cells

RT Exfoliative cytology

Entomology

RT Insects

(3) Nối nhóm người với lĩnh vực mà họ hoạt động

Physicians

RT Medicine

(4) Nối một thuật ngữ đến các thuật ngữ khác có mối liên quan gần gũi

Drugs-Overdosage

RT Medication errors

Clinical sociology

RT Social psychiatry

Purchasing power

RT Income

4.4 Tham chiếu "See Also" (Cũng xem)

Để làm gọn nhẹ cho bộ tiêu đề chủ đề, đôi khi tham chiếu SA (See Also), tiếng Việt là "Cũng xem" cũng được xây dựng. Tham chiếu này có nghĩa là cũng xem từ một tiêu đề đến một nhóm các tiêu đề. Nhóm các tiêu đề này là những tiêu đề riêng lẻ, được coi như là những ví dụ điển hình cho một dạng tiêu đề nào đó. Tham chiếu này nhắc người dùng đến xem những tiêu

đề cụ thể hơn và hướng người dùng đến kiểu tiêu đề phù hợp hơn với nhu cầu tìm tin của họ.

Tham chiếu "Cũng xem" thể hiện cách tiếp cận mở để người dùng tự lựa chọn. Ở đây không đưa ra các tiêu đề cụ thể, mà gợi ý người dùng tự xác định thuật ngữ cho việc tìm tin của mình. Trước đây kiểu tham chiếu này thường được dùng để chỉ từ một tiêu đề chung đến các thành viên trực thuộc tổ hợp chung đó và kèm theo vài ví dụ cụ thể [19]. Ví dụ:

Tools

SA individual specific tools, e.g. Files and rasps; Saws
Nghĩa là: Cũng xem các dụng cụ cụ thể như là giũa và giũa gỗ; Cưa.

Ngày nay, LC thường sử dụng các tham chiếu cụ thể hơn là các tham chiếu SA. Ví dụ:

Tools

NT Agricultural implements
Artists' tools
Axes
Bench vises
Carpentry-Tools

Tuy nhiên, có những trường hợp không thể hoặc không cần thiết sử dụng tham chiếu chi tiết thì người ta vẫn sử dụng tham chiếu chung SA. Hiện nay, trong bộ LCSH có ba kiểu tham chiếu loại này như sau:

- (1) Tham chiếu SA chỉ đến các phụ đề tự do.
Economic history (Not Subd Geog)

SA subdivision Economic conditions under names of countries, cities, ect.

Nghĩa là: Cũng xem phụ đề Economic condition dưới tên của các quốc gia, thành phố

(2) Tham chiếu SA từ một tiêu đề chủ đề đến một loại hoặc một kiểu của tên tiêu đề mà thường tên gọi này không có trong bộ tiêu đề chủ đề.

Bible-Biography

SA names of individuals mentioned in the Bible, e.g. Mary, Blessed Virgin, Saint

Nghĩa là: Cũng xem tên của các nhân vật được đề cập đến trong Kinh Thánh, như là Mary, Blessed và Virgin, Saint

(3) Tham chiếu SA chỉ đến các tiêu đề có từ bắt đầu giống nhau hoặc từ cùng gốc.

Heart

SA heading beginning with the words Cardiac or Cardiogenic

Nghĩa là: Cũng xem các tiêu đề bắt đầu bằng từ Cardiac hoặc Cardiogenic

4.5 Tham chiếu cho tiêu đề tên gọi

Do chưa có một bộ tiêu đề chủ đề chuẩn bằng tiếng Việt được sử dụng phổ biến trong các thư viện Việt Nam, phân trình bày này sẽ dựa hoàn toàn vào các hướng dẫn của LC và ví dụ trích ra từ bộ LCSH.

Tham chiếu cho tên cá nhân

Dựa vào AACR2R và Hồ sơ tên gọi (Name files) người ta tạo lập tham chiếu cho tiêu đề là tên cá nhân. Ví dụ:

Lewis, C. S. (Clive Staples), 1898-1963

See reference from (Xem tham chiếu từ):

Lewis, Jack, 1898-1963

Hamilton, Clive, 1898-1963

Clerk, N. W., 1898-1963

Lewis, Clive Staples, 1898-1963

Onassis, Jacqueline Kennedy, 1929-

See reference from (Xem tham chiếu từ):

Kennedy, Jacqueline Bouvier, 1929-

Bouvier, Jacqueline, 1929-

Đối với các tác giả đương đại hoặc những tác giả hoạt động trong nhiều lĩnh vực (nên có thể có nhiều tiêu đề về họ) thì chỉ dùng một tên gọi có giá trị khi thiết lập tiêu đề cho các tài liệu nói về họ mà thôi [20]. Ví dụ:

Twain, Mark, 1835-1910

For works of this author written under other names, search also under Clemens, Samuel Langhorne, 1835-1910

[Đối với các tài liệu của tác giả này được viết dưới bút danh khác thì cũng tìm dưới tiêu đề Clemens, Samuel Langhorne, 1835-1910 hoặc Snodgrass, Quintus Curtius, 1835-1910]

Clemens, Samuel Langhorne, 1835-1910

Works by this author are usually entered under Twain, Mark, 1835-1910. For a listing of other names used by this author, search also under Twain, Mark, 1835-1910

Subject Usage: This heading is not valid for use as a subject. Works about this person are entered under Twain, Mark, 1835-1910

Nghĩa là: Tài liệu của tác giả này thường có tiêu đề Twain, Mark, 1835-1910

Đối với các tên gọi khác được dùng cho tác giả này thì cũng tìm dưới tiêu đề Twain, Mark, 1835-1910.

Tiêu đề này không có giá trị. Tài liệu về cá nhân này được tập hợp dưới tiêu đề Twain, Mark, 1835-1910

Snodgrass, Quintus Curtius, 1835-1910

Works by this author are usually entered under Twain, Mark, 1835-1910. For a listing of other names used by this author, search also under Twain, Mark, 1835-1910

Subject Usage: This heading is not valid for use as a subject. Works about this person are entered under Twain, Mark, 1835-1910

Nghĩa là: Tài liệu của tác giả này thường có tiêu đề Twain, Mark, 1835-1910

Đối với những tên gọi khác của tác giả thì cũng tìm dưới tiêu đề Twain, Mark, 1835-1910

Tiêu đề này không có giá trị. Tài liệu về cá nhân này được tập hợp dưới tiêu đề Twain, Mark, 1835-1910

Tham chiếu cho các tiêu đề về nhân vật hư cấu, thần thoại cũng được tạo lập và duy trì trong bộ LCSH. Tham chiếu UF hoặc RT được làm từ những tên gọi khác và những yếu tố truy cập khác đến tiêu đề loại này.

Finn, Huckleberry (Fictitious character)

UF Huckleberry Finn (Fictitious character)

Randolph, Snooky (Fictitious character)

UF Snooks (Fictitious character)

Snooky (Fictitious character)

Zeus (Greek deity)

BT Gods, Greek

RT Jupiter (Roman deity)

Tham chiếu cho tên cơ quan, tổ chức

Giống như tiêu đề cho tên gọi cá nhân, tên cơ quan, tổ chức được tạo lập dựa vào AACR2 và được tập hợp trong Hồ sơ tên gọi (Name file). Đối với cơ quan, tổ chức mà có sự thay đổi tên gọi thì sẽ tạo lập các tiêu đề lần lượt dưới cả tên gọi trước đây và hiện nay của cơ quan, tổ chức đó.

American Library Association. Information Science and Automation Division

Search also under the later heading (Cũng tìm dưới tên gọi sau này):

Library and Information Technology Association (U.S.)

Library and Information Technology Association (U.S.)

Search also under the earlier heading (Cũng tìm dưới tên gọi trước đây):

American Library Association. Information Science and Automation Division

Tham chiếu cho tên địa lý

Địa danh hành chính: Tiêu đề địa danh hành chính và tham chiếu được tạo lập dựa vào AACR2 và được tập hợp trong Hồ sơ tên gọi (Name file).

Austria

See references from (Xem các tham chiếu từ):

Ostmark

Alpen- und Donau-Reichsgae

Ausztria

Osterreich

See also references from (Cũng xem các tham chiếu từ):

Austro-Hungarian Monarchy

Holy Roman Empire

George Town (Pinang)

See references from:

Georgetown (Pinang)

George Town, Pulau Pinang

Pinang (Pinang)

Penang (Pinang)

Gearge Town (Malaysia)

Địa danh phi hành chính: Tiêu đề địa danh phi hành chính và các tham chiếu được tạo lập và tập hợp trong bộ LCSH. Tham chiếu UF được làm cho các tên gọi khác, kể cả tên gọi trước đây, các hình thức ngôn ngữ khác, và các yếu tố truy cập khác của địa danh. Tham chiếu BT được làm cho các tiêu đề tổng quát được phân chia chi tiết theo tên quốc gia hoặc là đơn vị chính trị cao nhất của tiêu đề địa danh phi hành chính.

Berkeley, Vale of (England)

UF Vale of Berkeley (England)

BT Valleys--England

Bierzo (Spain)

UF El Bierzo (Spain)

Costa del Sol (Spain)

UF Sol, Costa del (Spain)

BT Coasts--Spain

Cumberland River (Ky. and Tenn.)

BT River--Kentucky

BT River--Tennessee

El Rancho Gumbo (Mont.)

UF Rancho Gumbo (Mont.)

BT Ranches--Montana

Gallipoli Peninsula (Turkey)

UF Big Geysers (Calif.)

The Geysers (Calif.)

BT Geysers--California

Mojave Desert (Calif.)

UF Mohave Desert (Calif.)

BT Deserts--California

Mississippi River

BT Rivers--United States

NT Mississippi Embayment

Saint Anthony Falls (Minn.)

Pompeii (Extinct city)

UF Pompeii (Extinct city)

Pompeii (Ancien city)

BT Extinct cities-Italy

Italy-Antiquities

Texas Panhandle (Tex.)

UF Panhandle (Tex. : Region)

Sự thay đổi địa danh: Trong trường hợp có sự thay đổi địa danh do có sự sáp nhập hay phân tách địa phương, trong đó các tên gọi khác nhau của cùng một địa phương được sử dụng làm tiêu đề cho các tài liệu đề cập đến những thời kỳ khác của địa phương, thì tham chiếu RT được tạo lập giữa các tiêu đề tên gọi trước đây và hiện tại của địa phương. Những tham chiếu này được trình bày trong những biểu ghi có giá trị nhưng không nhất thiết phải trình bày trong bộ LCSH. Sau đây là những ví dụ của các biểu ghi có giá trị thể hiện sự thay đổi địa danh.

Germany

Here are entered works on Germany for the pre-1949 period, the Territories under Allied Occupation, and East Germany and West Germany, collectively, for the post-1949 period, as well as works on Germany since reunification in 1990.

Nghĩa là: Ở đây tập trung những tài liệu về nước Đức trong thời kỳ trước năm 1949, lãnh thổ dưới sự chiếm giữ của quân Đồng minh, và Tây Đức và Đông Đức nói chung trong thời kỳ sau năm 1949, cũng như tài liệu về nước Đức từ khi thống nhất từ năm 1990.

German (East)

Here are entered works on the Democratic Republic established in 1949 and works on the eastern part of Germany before 1949 and since reunification in 1990.

Nghĩa là: Ở đây tập trung tài liệu về Cộng hòa Dân chủ Đức từ năm 1949, và những tài liệu về phần đông của nước Đức trước năm 1949 và từ khi thống nhất đất nước từ năm 1990.

UF East Germany

Eastern Germany

German Democratic Republic

Germany (Democratic Republic, 1949-)

Germany (Territory under Allied occupation, 1945-1955)

Germany, Democratic Republic of

Germany, East

Germany, Eastern

BT Germany

Germany (West)

Here are entered works on the Federal Republic established in 1949, and works on the western part of Germany before 1949 and since reunification in 1990.

Nghĩa là: Ở đây tập trung tài liệu về Cộng hòa Liên bang Đức từ năm 1949, và những tài liệu về phần tây của nước Đức trước năm 1949 và từ khi thống nhất đất nước từ năm 1990.

UF German Federal Republic
Germany (Federal Republic, 1949-)
Germany (Territory under Allied occupation, 1945-1955)
Germany, Federal Republic of
Germany, West
Germany, Western
West Germany
Western Germany
NT Ruhr (Germany : Region)
BT Germany

4.6 Chú giải

Ngoài những tham chiếu kể trên, có một số trường hợp tiêu đề cần một ghi chú hoặc chú giải xác định rõ phạm vi ý nghĩa của tiêu đề (Scope notes). Việc này giúp cho cán bộ biên mục giữ được tính ổn định trong quá trình biên mục chủ đề.

Do chưa có một bộ tiêu đề chủ đề chuẩn bằng tiếng Việt được sử dụng phổ biến trong các thư viện Việt Nam, phần trình bày này sẽ dựa hoàn toàn vào các hướng dẫn của LC và ví dụ trích ra từ bộ LCSH. Nhìn chung, trong bộ LCSH, chú giải loại này cung cấp những thông tin liên quan tới định nghĩa của tiêu đề hoặc mối liên quan của tiêu đề với các tiêu đề khác và cách áp dụng.

Định nghĩa

Trong trường hợp tiêu đề thể hiện một khái niệm mới chưa được thông dụng và chưa có nhiều từ điển định nghĩa, chú giải sẽ chỉ ra định nghĩa cho thuật ngữ làm tiêu đề. Ví dụ:

Host country (Business)

Here are entered works on the countries, other than the home country, where the activities of an international business enterprise take place.

[Ở đây bao gồm các tài liệu về các quốc gia, không phải là quốc gia là chủ đầu tư, mà là nơi đang diễn ra các hoạt động kinh doanh của các công ty liên doanh đa quốc gia.]

Lost architecture

Here are entered works on building, structures that are were accidentally or purposefully destroyed or demolished.

[Ở đây bao gồm các tài liệu về các công trình kiến do con người hay thiên nhiên đã phá hủy hoặc làm hư hỏng.]

Western and Northern Territories (Poland)

Here are entered works which discuss the former German areas of Poland that lie east of the Oder-Neisse Line.

[Ở đây bao gồm những tài liệu bàn luận đến các vùng đất của Đức, trước đây trực thuộc Ba Lan, nằm ở miền đông của Oder-Neisse Line.]

Mối liên quan với các tiêu đề khác

Chú giải chỉ ra phạm vi của một tiêu đề và lưu ý đến sự trùng lặp hoặc chi tiết hơn của tiêu đề. Ví dụ: «»

Amateur plays

Here are entered collections of plays, skits, recitations, v.v. for production by nonprofessionals. Works about,

including history and criticism of, such plays are entered under **Amateur theater**.

[Ở đây bao gồm các tuyển tập kịch, thơ trào phúng, thơ truyện... dành cho các diễn viên không chuyên trình diễn. Các tài liệu về những vở kịch dạng này, bao gồm cả tài liệu bình luận, phê bình, thi được đặt dưới tiêu đề **Amateur theater**.]

Amateur theater

Here are entered works about, including history and criticism of, productions of plays, skits, recitations...for productions by nonprofessionals. Collections of such plays are entered under **Amateur plays**.

[Ở đây bao gồm những tài liệu về việc trình diễn các vở kịch, thơ...của các diễn viên không chuyên, bao gồm cả các tài liệu bình luận, phê bình. Tuyển tập của những vở kịch dạng này thì đặt dưới tiêu đề **Amateur plays**.]

Multiculturalism

Here are entered works on policies or programs that foster the preservation of different cultural identities, including customs, languages, and beliefs, within a unified society such as a state or nation. Works on the condition in which numerous distinct ethnic, religious, or cultural groups coexist within one society are entered under **Pluralism (Social sciences)**

[Ở đây bao gồm những tài liệu về chính sách hoặc các chương trình bảo trợ cho việc bảo tồn các nét đặc trưng văn hóa khác nhau, bao gồm phong tục, ngôn ngữ, tín ngưỡng trong một xã hội, ví dụ trong một tiểu bang hay một quốc gia.

Tài liệu về điều kiện trong đó nhiều tộc người, tôn giáo, hoặc nhóm văn hóa cùng chung sống trong một xã hội thì đặt dưới tiêu đề **Pluralism (Social science)**

World War, 1939-1945—Occupied territories

Here are entered works on enemy occupied territories discussed collectively. Works on the occupation of an individual country are entered under the name of the country with appropriate period subdivision...

Belgium—History—German occupation, 1940-1945.

[Ở đây bao gồm các tài liệu về việc xâm lăng lãnh thổ nói chung. Những tài liệu nói về sự xâm chiếm một đất nước thì được đặt dưới tiêu đề tên đất nước đó ghép với các phụ đề thời gian tương thích, như là Belgium—History—German occupation, 1940-1945.]

Hướng dẫn, giải thích, chỉ chỗ

Chú giải thuộc dạng này cung cấp thông tin về việc tạo thêm các điểm truy nhập bổ sung, về các phụ đề được sử dụng dưới tiêu đề và những chỉ dẫn chung đến các tiêu đề khác.

School prose

For works limited to one school, the heading is qualified by nationality and subdivided by place, and an additional subject entry is made under the name of the school.

[Đối với các tài liệu giới hạn trong khuôn khổ một trường học, tiêu đề được bổ nghĩa bằng tên quốc gia và ghép với phụ đề địa lý, đồng thời làm thêm một điểm truy cập bổ sung dưới tên gọi của trường đó.]

Developing countries

Here are entered comprehensive works on those countries having relatively low per capita incomes in comparison with North American and Western European countries. This heading may be subdivided by those topic subdivisions used under name of regions, countries... Developing countries—Economic conditions, and may be used as a geographic subdivision, Technology—Developing countries.

[Ở đây bao gồm tài liệu tổng quát về những quốc gia có thu nhập đầu người tương đối thấp so với các nước Bắc Mỹ và Tây Âu. Tiêu đề này có thể được ghép với phụ đề để tài sử dụng dưới tên gọi của một vùng, một quốc gia... Developing countries—Economic condition, tiêu đề này cũng có thể được dùng như một phụ đề địa lý, Technology—Developing countries.]

Chương 5

ĐỊNH TIÊU ĐỀ CHỦ ĐỀ CHO TÀI LIỆU

Các Chương từ 1 đến 4 đã trình bày các khía cạnh của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề bao gồm các khái niệm, nguyên tắc, chức năng của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề, cũng như các bộ phận cấu thành của bộ tiêu đề chủ đề. Chương này sẽ tập trung vào khía cạnh ứng dụng của ngôn ngữ tiêu đề chủ đề định ra các điểm truy cập cho tài liệu theo nội dung chủ đề. Các vấn đề liên quan đến phân tích nội dung tài liệu và các quy định trong việc định chủ đề sẽ được trình bày, phân tích và minh họa một cách chi tiết.

5.1 Định tiêu đề chủ đề

Như đã trình bày trong Chương 1, định tiêu đề chủ đề cho tài liệu, cũng có khi được gọi tắt là định chủ đề, là quá trình phân tích nội dung tài liệu nhằm xác định đề tài và các khía cạnh nghiên cứu của tài liệu, trình bày đề tài và các khía cạnh này dưới dạng tiêu đề chủ đề. Quá trình này được thực hiện thông qua hai giai đoạn chính. Một là phân tích nội dung tài liệu nhằm xác định chủ đề nổi bật của tài liệu, các khía cạnh hoặc góc độ nghiên cứu của chủ đề và các mối liên quan. Hai là xác định tiêu đề chủ đề cho tài liệu bằng cách sử dụng bộ tiêu đề chủ đề chuẩn tìm ra các tiêu đề thích hợp thể hiện chủ đề và các khía cạnh nghiên cứu của tài liệu. Trong trường hợp

tiêu đề thích hợp chưa có trong bộ tiêu đề chuẩn hoặc thư viện chưa có một bộ tiêu chuẩn (định tiêu đề chủ đề tự do) thì tiến hành việc lựa chọn thuật ngữ làm tiêu đề cho nội dung tài liệu và xây dựng các tham chiếu cần thiết cho tiêu đề.

Quá trình định tiêu đề chủ đề đòi hỏi cán bộ biên mục một mặt phải tuân thủ phương pháp luận chung về ngôn ngữ tiêu đề chủ đề và định tiêu đề chủ đề; một mặt phải cụ thể hóa việc phân tích và tạo tiêu đề theo đặc thù riêng của từng thư viện. Việc cụ thể hóa này phụ thuộc vào đối tượng sử dụng thư viện, diện nội dung thông tin và các khía cạnh được thư viện ưu tiên, cũng như các quy định, chính sách nội bộ của thư viện.

5.2 Phân tích nội dung tài liệu

Để xác định được chủ đề, các khía cạnh hoặc góc độ nghiên cứu và các mối liên quan của chủ đề thì phải nghiên cứu, phân tích nội dung tài liệu. Nói một cách khác, đây là quá trình tìm hiểu tài liệu - thông qua ngôn ngữ, hình ảnh được thể hiện trong tài liệu tìm hiểu đối tượng, hiện tượng, sự vật, vấn đề được trình bày trong nội dung tài liệu, ý tưởng, mục đích của tác giả - để xác định các chủ đề nổi bật và các khía cạnh hoặc góc độ nghiên cứu của nội dung tài liệu.

Thông thường, chủ đề nổi bật được xác định dựa trên đối tượng nghiên cứu của tài liệu. Đối tượng nghiên cứu có thể là các sự vật cụ thể, như *Sân bay, Máy cày, Lúa, Gạo, Chó, Mèo*; có thể là một địa điểm cụ thể như *Việt Nam, Hà Nội, Vịnh Hạ Long*; có thể là một nhân vật cụ thể như *Hồ Chí Minh, Francois Mitterrand*; có thể là các vấn đề bao quát như *Giáo dục, Xây dựng, Sức khỏe*; có thể là các khái niệm trừu tượng

như *Niềm tin tôn giáo, Giá trị văn hóa, Danh dự*; có thể là các hoạt động và hiện tượng như *Sinh trưởng, Quang hợp, Bão lụt*. Nhìn chung, mỗi ngành khoa học có hệ thống đối tượng nghiên cứu của nó [5]. Ví dụ, ngành nông nghiệp có các đối tượng nghiên cứu như là *Lúa, Ngô, Cây lương thực, Phân bón, Gia súc...*; ngành kinh tế có các đối tượng nghiên cứu như là *Ngân hàng, Tín dụng, Đầu tư, Lợi nhuận...* Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, không phải chỉ có đối tượng của các ngành khoa học mà bản thân các ngành khoa học cũng được coi là chủ đề của tài liệu, nghĩa là *Toán học, Vật lý, Sinh học...* cũng có thể là chủ đề của tài liệu.

Khía cạnh nghiên cứu được xác định dựa trên nhiều yếu tố bao gồm quan điểm nghiên cứu, góc độ nghiên cứu, những tác động đối với nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, công dụng của nghiên cứu, địa điểm liên quan và thời điểm liên quan đến nghiên cứu, và nét đặc biệt của hình thức vật lý hoặc loại hình hoặc thể loại của tài liệu.

Nhìn chung, việc phân tích nội dung tài liệu phụ thuộc rất nhiều vào trình độ, hiểu biết, kinh nghiệm và quan điểm cá nhân của cán bộ biên mục. Trên thực tế, rất khó có được sự thống nhất giữa các cán bộ biên mục khi phân tích nội dung tài liệu để xác định chủ đề và các khía cạnh của chủ đề. Tuy nhiên, có một nguyên tắc chung là, để gia tăng tính hiệu quả của hệ thống tìm tin theo chỉ mục thì quá trình định chỉ mục phải cung cấp đầy đủ và cụ thể các điểm truy cập cho tài liệu [10]. Vì vậy, khi phân tích nội dung tài liệu, cán bộ biên mục cần nhận diện được tất cả (đầy đủ) các nội dung được trình bày trong tài liệu để có thể tạo ra đầy đủ các điểm truy cập cho tài

liệu. Đồng thời, việc phân tích nội dung có trong tài liệu và định ra các điểm truy cập càng cụ thể và chi tiết càng tốt.

Để cố gắng phân tích được đầy đủ và cụ thể thì cần nghiên cứu các yếu tố sau đây khi tìm hiểu tài liệu:

- Nhan đề
- Chú giải và tóm tắt
- Mục lục, tên các chương, phần chính, bảng biểu, hình vẽ minh họa
- Lời giới thiệu, lời nhập đề, lời kết luận...
- Chính văn của tài liệu.

Nhan đề

Nhan đề thường phản ánh chủ đề chính của tài liệu, nhất là các tài liệu khoa học kỹ thuật và khoa học tự nhiên. Hầu hết những tài liệu như từ điển bách khoa toàn thư, sổ tay tra cứu, cẩm nang, tập bản đồ, sách giáo khoa, giáo trình, sách chuyên khảo, kỹ yếu, nhan đề thường phản ánh nội dung của tài liệu.

Ví dụ:

Nhan đề: *Sử câu hỏi chọn lọc và trả lời môn triết học / Vương Tất Đạt, Nguyễn Thị Hà, H.: Chính trị quốc gia, 2000.*

Từ nhan đề có thể nhận định rằng:

- *Triết học* là chủ đề của tài liệu

Nhan đề: *Công nghệ chế tạo máy / Đặng Vũ Giao, H.: Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1978.*

Từ nhan đề có thể nhận định rằng:

- *Chế tạo máy* là chủ đề của tài liệu
- *Công nghệ* là khía cạnh nghiên cứu của chủ đề.

Tuy nhiên, nếu chỉ dựa vào nhan đề để xác định chủ đề cho tài liệu thì có thể sẽ mắc sai lầm. Có nhiều trường hợp, nhan đề không thể hiện được nội dung tài liệu. Có thể vì muốn nhan đề ngắn gọn, các tác giả không tìm cách thể hiện hết ý nghĩa của chủ đề trên nhan đề. Nhất là trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật, khó có thể nhận biết được chủ đề của tài liệu thông qua nhan đề do các tác giả đã chêm ngôn ngữ hóa hay dùng phép ẩn dụ khi đặt nhan đề. Trong những trường hợp này, dựa vào nhan đề sẽ không đảm bảo tính chính xác khi xác định chủ đề cho tài liệu.

Bên cạnh nhan đề chính, nhan đề phụ và từng thư cũng là những yếu tố có khả năng làm sáng tỏ chủ đề của tài liệu. Qua nhan đề phụ, có thể nhận ra những thông tin về ý nghĩa, về đối tượng bạn đọc cũng như hình thức và loại hình của tài liệu.

Chú giải, tóm tắt

Thông qua chú giải, tóm tắt, tốt nhất là do tác giả viết, chúng ta có thể rút ra nội dung cốt lõi của tài liệu.

Mục lục, tên chương, tên phần, minh họa

Mục lục cung cấp cấu trúc của nội dung tài liệu, thông qua đó có thể nhận biết các vấn đề chính được nghiên cứu trong tài liệu và các góc độ nghiên cứu của từng vấn đề. Việc xem xét tên các chương, phần và các chi tiết minh họa cũng giúp hiểu rõ vấn đề cốt yếu được trình bày trong tài liệu. Đôi khi lời giới thiệu bóng bẩy, hoa mỹ khiến ngộ nhận nội dung của tài liệu,

nhưng mục lục và các chi tiết minh họa sẽ cho thấy cụ thể các vấn đề được trình bày trong nội dung tài liệu.

Lời giới thiệu, lời nhập đề, lời kết luận, và một số yếu tố khác

Các yếu tố này giúp nhận biết giá trị của tài liệu, phạm vi ứng dụng của tài liệu, đối tượng sử dụng của tài liệu.

Ngoài ra phần tài liệu tham khảo cũng giúp hiểu thêm nội dung tài liệu. Những chi tiết như nhà xuất bản, cơ quan xuất bản cũng góp phần trong việc tìm hiểu nội dung của tài liệu. Ví dụ như Nhà xuất bản Sự thật thường xuất bản sách có nội dung triết học, chính trị, pháp quyền, tổ chức chính trị, trong khi đó Nhà xuất bản Văn học thường xuất bản sách có nội dung liên quan đến văn hóa, nghệ thuật, phê bình văn học.

Chính văn

Trong nhiều trường hợp, để hiểu được nội dung của tài liệu đòi hỏi phải đọc chính văn. Thông thường người ta đọc những đoạn văn mở đầu các chương, phần, các đoạn được in đậm, in nghiêng, đọc lướt những đoạn xét thấy quan trọng. Trong trường hợp chưa chắc chắn xác định được chủ đề thì tiến hành đọc toàn văn hoặc nhờ đến sự giúp đỡ của các chuyên gia chuyên ngành.

Tóm lại, khi phân tích nội dung tài liệu cần xem xét tất cả các yếu tố kể trên và phải nhận diện được ý nghĩa của từng yếu tố. Cần ghi nhớ rằng tùy theo nội dung mà xác định số lượng các chủ đề nổi bật của một tài liệu; tránh việc tiếp cận tài liệu một cách phiến diện, nghĩa là chỉ nhận diện được một vài khía

cạnh mà không nhận thấy toàn thể vấn đề. hoặc ngược lại, không nhận diện được các khía cạnh cụ thể của vấn đề. Việc này sẽ dẫn đến tình trạng định thiếu hoặc sai tiêu đề chủ đề cho tài liệu.

Bên cạnh việc nghiên cứu các yếu tố kể trên, một số tài liệu đã đưa ra một loạt câu hỏi và đề nghị cán bộ biên mục bám theo các câu hỏi đó khi phân tích nội dung tài liệu [7, 8]. Các câu hỏi được tổng hợp và biên soạn lại như sau:

- Tài liệu nói về vấn đề cụ thể gì?
- Vấn đề đó có liên quan đến một khái niệm/quá trình/hoạt động gì không?
- Tài liệu có nói về một phương thức cụ thể nào, như là một công cụ/kỹ thuật/phương pháp được sử dụng trong quá trình/hoạt động đó không?
- Vấn đề/quá trình/hoạt động đó có bị các yếu tố nào tác động không?
- Tài liệu có tập trung nói đến một/vài yếu tố cụ thể nào không?
- Vấn đề/quá trình/hoạt động đó có xảy ra hoặc liên quan mật thiết với một địa điểm hoặc một khoảng thời gian cụ thể nào không?
- Vấn đề/quá trình/hoạt động được phân tích dưới một quan điểm cụ thể nào không?
- Tài liệu có nêu lên mục đích sử dụng không?
- Tài liệu có nhắm đến đối tượng bạn đọc cụ thể nào không?

- Tài liệu có những điểm đặc biệt về hình thức vật lý, loại hình, thể loại nào không?

5.3 Quy định chung trong việc định tiêu đề chủ đề

5.3.1 Nguồn tiêu đề chủ đề

Cán bộ biên mục sẽ dựa vào các nguồn tiêu đề chủ đề sẵn có chọn một hoặc vài tiêu đề để định tiêu đề chủ đề cho tài liệu. Thông thường nguồn tiêu đề này là một bộ tiêu đề chủ đề chuẩn mà thư viện chọn sử dụng.

Tại LC, nguồn tiêu đề bao gồm bản in bộ LCSH, bản trên microfiche, CD-ROM và trực tuyến, Hồ sơ chủ đề, Hồ sơ tên gọi, và Phụ đề tự do trong Cẩm nang biên mục chủ đề. Hồ sơ chủ đề và ấn phẩm trực tuyến (online version) có giá trị đương thời nhất vì chúng được cập nhật thường xuyên. Trong Hồ sơ chủ đề có cả các tiêu đề có giá trị lẫn các tiêu đề đang được đề nghị cập nhật. Dưới các tiêu đề đang được đề nghị bao giờ cũng có các ghi chú như là Proposed (tiêu đề đang đề nghị), Being updated (tiêu đề được cập nhật), Revised HDG (hiệu đính), cũng như là có các ghi chú về tình trạng của tiêu đề như là Verified (tiêu đề đã được thẩm định), Unverified (tiêu đề chưa được thẩm định). Bản in và microfiche thì không chứa tiêu đề chưa được thẩm định. Tiêu đề trong Hồ sơ tên gọi được hình thành dựa theo AACR2R. Chúng bao gồm tiêu đề cho tên người, tên cơ quan, tên pháp nhân, và nhan đề thống nhất. Danh sách các phụ đề tự do (free-floating) được trình bày trong Cẩm nang Biên mục chủ đề. Chúng có thể được kết hợp với các tiêu đề trong bộ LCSH hoặc trong Hồ sơ tên gọi. Kết quả tạo ra do sự kết hợp giữa tiêu đề chính và phụ đề tự do

được thể hiện trong biểu ghi thư mục nhưng không được liệt kê trong bộ LCSH hoặc trong Hồ sơ tên gọi, trừ khi chúng được dùng làm ví dụ minh họa hoặc chúng cần có các tham chiếu, hoặc chúng cần được đi kèm với các phụ đề khác nữa.

5.3.2 Tiêu đề tổng quát và tiêu đề cụ thể

Nguyên tắc Tiêu đề cụ thể quy định rằng việc tiêu đề định chủ đề phải thể hiện nội dung của tài liệu một cách chính xác và cụ thể. Theo nguyên tắc này, một tài liệu nói về Mèo thì tiêu đề sẽ là *Mèo* hơn là *Súc vật* hay là *Vật nuôi trong nhà*. Mặc dù *Súc vật* và *Vật nuôi trong nhà* là những tiêu đề tổng quát bao trùm lên tiêu đề *Mèo*, nhưng thông thường người ta sẽ chọn tiêu đề phản ánh nội dung tài liệu một cách cụ thể chứ không chọn tiêu đề phản ánh nội dung tổng quát hơn hay chi tiết hơn so với nội dung của tài liệu.

Tuy nhiên, trên thực tế, có khi một tài liệu không hẳn chỉ thể hiện những nội dung cụ thể mà còn thể hiện nội dung ấy ở mức tổng quát. Vì thế, một tiêu đề cụ thể dường như chưa thỏa đáng để thể hiện được trọn vẹn ý nghĩa nội dung của tài liệu. Do đó, cần có một vài quy định để xử lý trường hợp này. Dựa theo chính sách biên mục của LC, có thể kể ra các quy định để xử lý trường hợp này như sau.

(1) Khi tài liệu là tiểu sử cá nhân thì tạo một tiêu đề là tên riêng của cá nhân (tiêu đề cụ thể) và một tiêu đề thể hiện giai cấp/thành phần của cá nhân đó (tiêu đề tổng quát). Ví dụ:

Nhan đề: Nguyễn Ái Quốc những năm tháng ở nước ngoài
/ Đặng Hòa, 2005

Tiêu đề: Hồ Chí Minh, 1890-1968.

Chủ tịch-Việt Nam-Tiểu sử.

(2) Khi một tài liệu có nội dung chính bao quát một chủ đề, đồng thời có hơn 20% dung lượng đề cập đến một vấn đề cụ thể thì hai tiêu đề sẽ được tạo dựng: một tiêu đề bao quát toàn bộ nội dung của tài liệu (tiêu đề tổng quát), và một tiêu đề thể hiện nội dung của vấn đề cụ thể (tiêu đề phân tích). Ví dụ:

Nhan đề: Nghệ thuật trồng vườn cho các ngôi nhà có diện tích khuôn viên nhỏ / Jack Kramer, 1994

Tiêu đề: **Vườn cảnh.**

Vườn cảnh quan.

Trong ví dụ này, hai tiêu đề được tạo dựng cho một tài liệu, chúng cũng có thể là tiêu đề thứ bậc của nhau (Vườn cảnh quan là tiêu đề nghĩa hẹp hơn của Vườn cảnh).

(3) Trong một số trường hợp, tài liệu cần tiêu đề hai mức độ: tiêu đề tổng quát và tiêu đề cụ thể cho một nội dung của một tài liệu (tức là sẽ có chi tiết được lập lại trong hai tiêu đề này). Loại tiêu đề này được áp dụng khi tài liệu có chủ đề tổng quát và đề cập đến việc ứng dụng nội dung này vào một địa phương cụ thể thì định hai tiêu đề, một cho nội dung tổng quát, một cho nội dung này được ứng dụng vào địa phương. Ví dụ:

Nhan đề: Các nền kinh tế: Kinh tế Nhật Bản/ E.L. Schwartz, 1994

Tiêu đề: **Kinh tế.**

Nhật Bản-Điều kiện kinh tế.

5.3.3 Tiêu đề kép

Theo quy tắc tiêu đề thống nhất thì một chủ đề chỉ có một tiêu đề duy nhất, tuy nhiên trong một vài trường hợp hai yếu tố trong một chủ đề có giá trị tương đương và vì thế chủ đề này

cần tiêu đề đúp. Nói một cách khác, chú đề này cần hai tiêu đề bao gồm các yếu tố giống nhau và cùng ý nghĩa nhưng khác nhau ở điểm truy cập. Ví dụ:

Nhan đề: Đồng minh lâu đời nhất: Hoa Kỳ và Pháp từ 1940 / Charles G. Cogan, 1994

Tiêu đề: **Hoa Kỳ–Quan hệ ngoại giao–Pháp.**
Pháp–Quan hệ ngoại giao–Hoa Kỳ.

5.3.4 Số lượng của tiêu đề cho mỗi tài liệu

Trước đây, do kích thước mục lục phiếu bị khống chế nên một tài liệu không nên có số lượng tiêu đề quá nhiều. Chính vì vậy mà mỗi tài liệu có khoảng hai hoặc ba tiêu đề là nhiều. Tuy nhiên, trong những năm gần đây các hệ thống tìm tin đã được tự động hóa, các thư viện đã có những quy định linh động hơn trong việc này để tránh tình trạng mất tin.

Về mặt nguyên tắc, số lượng tiêu đề tùy thuộc vào nội dung tài liệu được biên mục. Có khi chỉ cần một tiêu đề là đủ, thế nhưng có những trường hợp tài liệu cần đến mười tiêu đề. Tại LC, nhìn chung, một tài liệu có thể có đến sáu tiêu đề nhưng tuyệt đối không định quá mười tiêu đề cho một tài liệu [19].

5.3.5 Trật tự của tiêu đề trong biểu ghi thư mục

Khi có nhiều tiêu đề được thể hiện trong một biểu ghi thư mục thì có thể tham khảo cách sắp xếp của LC như sau.

- (1) Tiêu đề chủ đề đầu tiên thể hiện chủ đề nổi trội nhất của tài liệu.
- (2) Nếu chủ đề nổi trội được thể hiện bằng nhiều tiêu đề, thì chủ đề nào phù hợp với số phân loại nhất sẽ được chọn đứng đầu, tiếp đến là những tiêu đề nổi trội khác,

sau đó liệt kê những tiêu đề thể hiện nội dung thứ hai của tài liệu.

- (3) Những tiêu đề thể hiện nội dung thứ hai hoặc những tiêu đề giúp tăng cường các điểm truy cập thì xếp sau tiêu đề nổi trội và không theo trật tự cụ thể nào.

Ví dụ, trong trường hợp tài liệu có nội dung là tiểu sử cá nhân, tiêu đề đầu tiên sẽ là tên riêng của người có tiểu sử. Những tiêu đề tổng quát hay được tạo lập để thể hiện những khía cạnh khác hoặc phản ánh các khía cạnh mà thư viện quan tâm, như là tiêu đề thành phần/giai cấp của nhân vật, tiêu đề lịch sử địa phương, thì được xếp sau.

5.3.6 Mã trường cho chủ đề trong MARC

Trong biểu ghi thư mục, tiêu đề chủ đề được mã hóa dựa theo khổ mẫu MARC mà thư viện sử dụng. Theo MARC 21 tiêu đề chủ đề được mã hóa như sau [1].

Trường 600: Điểm truy cập chủ đề là Tên cá nhân

Chỉ thị

Chỉ thị 1: Dạng dẫn tố của tên người

0- Trật tự thuận

1- Trật tự đảo

3- Tên dòng họ

Chỉ thị 2: Bộ từ vựng có kiểm soát, nơi chọn ra tên người.

0- Không xác định nguồn của thuật ngữ làm tiêu đề chủ đề

7- Nguồn được ghi trong trường con \$2

Trường con

- \$a- Tên người
- \$b- Chữ số chỉ thứ bậc vua chúa, giáo hoàng (đệ nhất, đệ nhị. ...)
- \$c- Chức danh và từ khác đi kèm với tên
- \$q- Dạng đầy đủ hơn của tên
- \$t- Nhan đề của tác phẩm
- \$v- Phụ đề hình thức
- \$x- Phụ đề chung
- \$y- Phụ đề thời gian
- \$z- Phụ đề địa lý
- \$2- Nguồn của thuật ngữ tiêu đề

Trường 610: Điểm truy cập chủ đề là Tên cơ quan

Chỉ thị

Chỉ thị 1: Dạng dẫn tố của tên tổ chức

- 1- Tên pháp lý (đơn vị hành chính lãnh thổ)
- 2- Tên viết theo trình tự thuận

Chỉ thị 2: Từ điển chuẩn

- 1- Không xác định nguồn
- 7- Nguồn của chủ đề ghi trong trường con \$2

Trường con

- \$a- Tên tổ chức hoặc tên pháp lý (KL)
- \$b- Tên tổ chức/ hội nghị trực thuộc (L)
- \$c- Địa điểm hội nghị (KL)
- \$d- Năm tổ chức hội nghị (L)
- \$t- Nhan đề tài liệu

- \$v- Phụ đề hình thức
- \$x- Phụ đề chung
- \$y- Phụ đề thời gian
- \$z- Phụ đề địa lý
- \$2- Nguồn của tiêu đề hoặc thuật ngữ

Trường 650: Điểm truy cập chủ đề là Tên đề tài

Chỉ thị

Chỉ thị 1: Cấp độ của chủ đề

#- Không có thông tin

MARC 21VN không xác định cấp độ chủ đề. Do đó, chỉ sử dụng dấu #.

Chỉ thị 2: Từ điển từ chuẩn sử dụng để chọn đề mục chủ đề

0- TVQH Mỹ

4- Không xác định nguồn

7- Nguồn của đề mục ghi trong trường con

\$2

Trường con

\$a- Đề mục chủ đề/ Từ khoá (KL)

\$2- Nguồn của thuật ngữ đề mục chủ đề/ từ khóa

Trường 651: Điểm truy cập chủ đề là Tên địa lý

Chỉ thị

Chỉ thị 1: Không xác định

(Khoảng trống)- không xác định

Chỉ thị 2: Từ điển từ chuẩn sử dụng để chọn đề mục chủ đề

4- Không xác định nguồn

7- Nguồn của thuật ngữ/ đề mục ghi trong trường con \$2

Trường con

\$a- Địa danh (KL)

\$2- Nguồn của từ khoá/ đề mục

Trường 653: Điểm truy cập chủ đề là Tiêu đề chủ đề tự do (tiêu đề chưa kiểm soát)

Chỉ thị

Chỉ thị 1: Không có thông tin

(Khoảng trống) - Không có thông tin

Chỉ thị 2: Không xác định

(Khoảng trống) - Không xác định

Trường con

\$a- Tiêu đề chủ đề tự do

5.4 Quy định cụ thể trong việc định tiêu đề chủ đề

Không phải lúc nào người ta cũng có thể tạo ra một tiêu đề thể hiện được toàn bộ nội dung của tài liệu. Có rất nhiều tài liệu liên quan đến nhiều đề tài hoặc có chủ đề phức hợp, vì vậy, những tài liệu đó đòi hỏi phải có nhiều tiêu đề. Thậm chí, có tài liệu chỉ liên quan đến một chủ đề riêng lẻ cũng có lúc đòi hỏi phải có nhiều tiêu đề. Sau đây là những hướng dẫn cơ bản về cách định tiêu đề chủ đề đối với các tài liệu thường gặp trong thực tế biên mục chủ đề.

5.4.1 Tài liệu có một đề tài

Nếu có một tiêu đề trong bộ tiêu đề chủ đề chuẩn của thư viện thể hiện được chính xác, trọn vẹn nội dung của tài liệu thì chỉ cần định một tiêu đề này cho tài liệu là đủ. Ví dụ:

Nhan đề: Gương hy sinh: gương mười nhà bác học nổi tiếng, những người đã cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp khoa học của nhân loại / Nguyễn Hiến Lê. 1995

Tiêu đề: **Nhà bác học-Tiểu sử và sự nghiệp.**

Nhan đề: Đá Granite / D.B. Clarke. 1992

Tiêu đề: **Granite.**

Nhan đề: Địa tầng học / Pierre Cotillon. c1992

Tiêu đề: **Địa tầng học.**

Nhan đề: Mẫu thử / Steven K. Thompson. c1992

Tiêu đề: **Mẫu thử (Thống kê)**

Nhan đề: Đằng sau sự quảng cáo: khám phá lại những điểm cốt lõi của quản lý / Robert G. Eccles, Nitin Nohria, James D. Berkley. c1992

Tiêu đề: **Quản lý.**

Nhan đề: Your child's development: from birth through adolescence: a complete guide for parents / by Richard Landsdown and Marjorie Walker. 1991

Tiêu đề: **Child development.**

Nhan đề: Quality management: implementing the best ideals of the masters / Bruce Brocka and M. Suzanne Brocka. 1992

Tiêu đề: **Total quality management.**

Trong trường hợp không tìm thấy trong bộ tiêu đề chủ đề một tiêu đề thể hiện được hoàn toàn chính xác nội dung của tài liệu thì có thể dùng một tiêu đề thể hiện nội dung rộng hơn hoặc là một tiêu đề có liên quan mật thiết đến nội dung của tài liệu để định tiêu đề cho tài liệu ấy. Ví dụ:

Nhan đề: Hệ thống truyền thông di động trên mặt đất / Gary C. Hess, 1993

Tiêu đề: **Hệ thống truyền thông di động.
Trạm truyền thông di động.**

Nhan đề: A postmodern Tao: a guide to apprehending ways of meaning in pathless lands: seven contemplations with review / reflection exercises for geography, philosophy, and science students / Jim Norwine; edited by Linda Ford Winans; foreword by Steven Bindeman. c1993

Tiêu đề: **Postmodernism.
Tao.**

Tuy nhiên nếu xét thấy cần thiết thì cán bộ biên mục có thể đề xuất thiết lập một tiêu đề mới cho khái niệm chưa có tiêu đề chuẩn chính thức, mà không dùng tiêu đề mang nghĩa rộng hơn hoặc có liên quan mật thiết.

5.4.2 Tài liệu có hai hoặc ba đề tài

Trường hợp tài liệu có hai hoặc ba đề tài thì dùng một tiêu đề có khả năng thể hiện được chính xác tất cả các đề tài. Nếu không có một tiêu đề như thế, hoặc chỉ có tiêu đề bao trùm phạm vi rộng hơn các đề tài của tài liệu, thì định các tiêu đề riêng biệt cho từng đề tài có trong tài liệu. Ví dụ:

Nhan đề: Lịch sử và văn hóa bán đảo Triều Tiên / Andrew C. Nahm; Nguyễn Kim Dân dịch. 2005

Tiêu đề: **Triều Tiên–Lịch sử.**
Triều Tiên–Văn Minh.

Nhan đề: Nghiên cứu sử dụng động vật phiêu sinh làm chỉ thị sinh học trong đánh giá chất lượng môi trường nước các kênh rạch vùng Tây Bắc - TP. HCM / Nguyễn Thị Mai Linh. 2008

Tiêu đề: **Phiêu sinh vật–Ứng dụng khoa học**
Môi trường nước–Việt Nam

Nhan đề: Đá quý và trang sức: hướng dẫn chọn màu sắc / Joe Arem. 1992

Tiêu đề: **Đá quý.**
Trang sức.

Nhan đề: Creating letterforms: calligraphy and lettering for beginners / Rosemary Sassoon, Patricia Lovett. 1992

Tiêu đề: **Calligraphy.**
Lettering.

Nhan đề: The economic of money, banking, and financial markets / Frederic S. Mishkin. 1992

Tiêu đề: **Finance.**

Money.

Bank and banking.

5.4.3 Tài liệu có bốn đề tài hoặc nhiều hơn

Tài liệu có bốn đề tài thì có thể dùng một tiêu đề tổng quát. Thế nhưng cũng có trường hợp tài liệu có bốn đề tài thì lại được tạo lập bốn tiêu đề riêng biệt. Khuynh hướng chung là định tiêu đề cụ thể cho từng đề tài của tài liệu nếu mỗi đề tài là một bộ phận tạo nên đề tài chung của tài liệu. Ví dụ:

Nhan đề: Kỹ thuật nuôi lươn, ếch, ba ba, cá lóc / Ngô Trọng Lư, 2007

Tiêu đề: **Nuôi trồng thủy sản-Việt Nam.**

Nhan đề: Quản lý nguồn nhân lực trong thư viện đại học: Thách thức và cơ hội / Janice Simmons-Welbun, Beth McNeil chủ biên, 2004

Tiêu đề: **Thư viện đại học-Quản lý nhân sự.**

Thư viện đại học - Quản trị.

Cán bộ thư viện-Mô tả công việc.

Thư viện học-Đào tạo.

Nhan đề: A brief look at our social, political, educational, cultural heritage / [commentaries by] Eustace Usher, J.P. 1992

Tiêu đề: **Blize.**

Nhan đề: Joyce's grandfathers: myth and history in Defoe, Smollet, Sterne, and Joyce / John M. Warner. c1993

Tiêu đề: English fiction-18th century-History and criticism.

Tuy nhiên cũng có thể cụ thể hóa nội dung tài liệu này bằng bốn tiêu đề:

Smollett, Tobias George, 1721-1771-Criticism and interpretation.

Sterne. Laurence, 1713-1768--Criticism and interpretation.

Defoe, Daniel, 1661-1731-Criticism and interpretation.

Joyce, James, 1882-1941. Ulysses.

Đối với tài liệu đề cập từ năm đề tài trở lên thì dùng một tiêu đề bao quát cho tất cả các đề tài, cho dù tiêu đề này bao quát cả các vấn đề mà tài liệu không đề cập đến. Ví dụ:

Nhan đề: Bí mật về trái đất / Yozo Hamano; Phan Hà Sơn dịch. 2004

Tiêu đề: Trái đất.

Nhan đề: Eight American poets: twentieth century voice: Theodore Poethke, Elizabeth Bishop, Robert Lowell, John Berryman, Anne Sexton, Allen Ginsberg, Sylvia Plath, James Merrill: an anthology / edited by Joe Conarroe. 1994.

Tiêu đề: American poetry-20th century.

Ngoài ra, trong trường hợp không có hoặc không thể đề nghị thiết lập một tiêu đề mới bao quát cho nội dung của tài liệu thì hoặc là định nhiều tiêu đề với nghĩa rộng hoặc là định một hay nhiều tiêu đề hình thức. Ví dụ:

Nhan đề: Lễ hội Bologna và những bài luận của sinh viên:
những bài viết của sinh viên dựa theo hướng dẫn
của St. Martin / Elizabeth Rankin chủ biên. c1991

Tiêu đề: **Văn xuôi Hoa Kỳ—Thế kỷ 20.**

Nhan đề: Mẫu viết của Norton: những bài luận ngắn /
Thomas Cooley biên tập. 1993

Tiêu đề: **Tiếng Anh—Hùng biện.
Bài luận.**

Nhan đề: The Hutchinson book of essays / chosen and
introduced by Frank Delaney; with engravings
by Reynold Stone. 1990

Tiêu đề: **English essays.
American essays.
Essays—Translations into English.**

5.4.4 Tài liệu có đề tài về cá nhân/nhân vật cụ thể

Những tài liệu có nội dung nói về cá nhân hoặc nhân vật cụ thể thì nhất thiết sẽ có một tiêu đề là tên của cá nhân hoặc nhân vật đó kèm theo năm sinh, năm mất (nếu có). Hình thức của tên họ các cá nhân/nhân vật này giống như hình thức của các tiêu đề mô tả. Những tiêu đề tên riêng này sẽ được thiết lập ngay cả khi nó trùng với tiêu đề mô tả chính và phụ. Thông thường các dạng tài liệu sau đây sẽ có tiêu đề là tên người.

- Tiểu sử (bao gồm tiểu sử, tự thuật, hồi ký, tự truyện trình bày, phân tích cuộc đời sự nghiệp của một cá nhân)
- Thư mục về một cá nhân
- Tài liệu, giấy tờ, bản thảo, thư từ của một cá nhân
- Tài liệu chuyên khảo, tác phẩm nghệ thuật về một cá nhân hoặc nhân vật
- Huyền thoại, những câu chuyện mang tính linh thiêng, tưởng tượng về một cá nhân hoặc nhân vật.

Tài liệu tiểu sử

Các hình thức tiêu đề sau đây thường được dùng cho tài liệu là tiểu sử.

- Tiêu đề tên riêng của người có tiểu sử
- Tiêu đề tên giai cấp của người có tiểu sử ghép với phụ đề – **Tiểu sử.**
- Tiêu đề thể hiện sự liên kết của cá nhân với một địa điểm, một tổ chức hay với một sự kiện cụ thể
- Tiêu đề đề tài thích hợp với nội dung tài liệu.

Tiêu đề tên riêng: Khi một tài liệu nói về tiểu sử của từ một đến bốn cá nhân thì lập tiêu đề tên riêng cho từng cá nhân.
Ví dụ:

Nhan đề: Hỏi đáp về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh / Bảo tàng Hồ Chí Minh. 2001

Tiêu đề: **Hồ Chí Minh, 1890-1969.**

Nhan đề: Chuyện kể Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai / Lê Quốc Sử. 2001

Tiêu đề: **Lê Hồng Phong, 1902-1942.**

Nguyễn Thị Minh Khai, 1910-1941.

Nhan đề: Các vị tướng Ulysses S. Grant và Robert E. Lee /
Nacy Scott Anderson, Dwight Anderson. 1994

Tiêu đề: **Grant, Ulysses S. (Ulysses Simpson), 1822-
1883.**

Lee, Robert E. (Robert Edward), 1807-1870.

Nhan đề: *The definitive Diana* / Sally Moore. 1991

Tiêu đề: **Diana, Princess of Wales, 1961-1997.**

Tại LC, tiêu đề tên riêng có thể được ghép với phụ đề thể hiện các lĩnh vực cụ thể nếu như tiểu sử của cá nhân liên quan đến các lĩnh vực cụ thể. LC có danh sách riêng các phụ đề tự do được dùng dưới tên riêng của cá nhân. Lưu ý rằng những phụ đề này khác với phụ đề dùng cho các tác giả văn học. Việc sử dụng các phụ đề dưới tên của các tác giả văn học thì sẽ theo tiêu đề mẫu **Shakespeare, William, 1564-1616.**

Ngoài ra, khi tài liệu nói về một cá nhân có sự nghiệp quá đa dạng, ví dụ cá nhân đó có thể là nhà hoạt động trong nhiều lĩnh vực, có nhiều nghề nghiệp, thì tiêu tên riêng của cá nhân sẽ được ghép với các phụ đề tương thích cho lĩnh vực hay nghề nghiệp được nhấn mạnh trong tài liệu đang biên mục. Ví dụ, nếu một cá nhân được nhiều người biết đến như một tác giả văn học nhưng trong tài liệu đang biên mục lại nói về cá nhân này như một chính khách thì sẽ sử dụng các phụ đề tự do ghép sau tên cá nhân (chứ không phải sau tên tác giả văn học) để thiết lập tiêu đề cho tài liệu. Thế nhưng, nếu một tài liệu

khác cũng nói về cá nhân này nhưng lại được nói đến như một tác giả văn học thì sẽ sử dụng các phụ đề tương thích cho tác giả văn học.

Tiêu đề tên giai cấp/thành phần/tầng lớp xã hội: Theo hướng dẫn của LC, đối với tiểu sử của một cá nhân mà cá nhân này thuộc về một nhóm người cụ thể thì tiêu đề theo mô hình sau đây sẽ được định để bổ sung cho tiêu đề tên riêng: [**Giai cấp/tầng lớp xã hội của nhân vật**]-[**Địa điểm**]-[**Phụ đề tiểu sử**].

Nhan đề: Các vị tướng: Ulysses S. Grant và Robert E. Lee / Nancy Scott Anderson, Dwight Anderson. 1994

Tiêu đề: **Grant, Ulysses S. (Ulysses Simpson), 1822-1883.**

Lee, Robert E. (Robert Edward), 1807-1870.
Tướng (Quân đội)-Hoa Kỳ-Tiểu sử.

Nhan đề: The definitive Diana / Sally Moore. 1991

Tiêu đề: **Diana, Princess of Wales, 1961-**
Princesses-Great Britain-Biography.

Trong trường hợp không có tiêu đề thể hiện giai cấp, thành phần của cá nhân thì định tiêu đề cho tài liệu theo mô hình sau: [**Môn/ngành**]-**Tiểu sử.**

Đối với cá nhân hoạt động trong nhiều lĩnh vực thì nhiều tiêu đề sẽ được sử dụng để thể hiện các hoạt động khác nhau trong sự nghiệp của cá nhân. Tuy nhiên, không cần phải cố gắng thể hiện tất cả các hoạt động mà cá nhân tham gia mà chỉ cần định khoảng hai hoặc ba tiêu đề mà thôi. Ví dụ:

Nhan đề: Albert Schweitzer: bạn của mọi người / Carol Greene. c1993

Tiêu đề: Schweitzer, Albert, 1875-1965

Nhà truyền giáo-Tiểu sử.

Nhà thần học-Châu Âu-Tiểu sử.

Nhạc sỹ-Châu Âu-Tiểu sử.

Nếu như tài liệu chỉ tập trung vào một khía cạnh trong sự nghiệp của cá nhân thôi thì chỉ dùng một tiêu đề thể hiện khía cạnh đó là đủ. Ví dụ:

Nhan đề: Nhạc sỹ Albert Schweitzer / Michael Murray. c1993

Tiêu đề: Schweitzer, Albert, 1875-1965.

Nhạc sỹ-Biography.

Nhan đề: Schweitzer : bóng của một ngôi sao / Gene Schulze. c1993

Tiêu đề: Schweitzer, Albert, 1875-1965.

Nhà truyền giáo-Tiểu sử.

Khi định tiêu đề thể hiện sự nghiệp, chuyên ngành hay nghề nghiệp của một cá nhân phải dựa vào tài liệu, chứ không căn cứ vào nhận định của cán bộ biên mục. Ví dụ, Hitler được mô tả trong tài liệu là người đứng đầu một nhà nước chứ không phải là tội phạm chiến tranh, nhà độc tài hay là người theo chủ nghĩa dân tộc thì tiêu đề cũng chỉ thể hiện ông ta với tư cách là người đứng đầu nhà nước. Ví dụ:

Nhan đề: Hitler: những năm tháng đánh mất / Ernst Hanfstaengl. 1994

Tiêu đề: **Hitler, Adolf, 1889-1945.**

Nguyên thủ quốc gia—Đức—Tiểu sử.

Tiêu đề thể hiện sự liên kết của cá nhân với một địa điểm, một tổ chức hay với một sự kiện cụ thể: Tiêu đề loại này chỉ được định khi trọng tâm của tài liệu thể hiện sự gắn bó mật thiết của cá nhân với một nhóm tộc người, một tổ chức, một sự kiện. Tiêu đề địa danh chỉ được định khi cá nhân gắn liền với một địa điểm đáng kể hoặc khi không có tiêu đề thích hợp thể hiện giai cấp, tầng lớp xã hội, môn ngành của cá nhân đó. Mô hình của loại tiêu đề này: [Tổ chức, tộc người, địa điểm, sự kiện, hoặc giới tính]—[Phụ đề tiểu sử]. Ví dụ:

Nhan đề: Các vị tướng: Ulysses S. Grant và Robert E. Lee
/ Nancy Scott Anderson, Dwight Anderson. 1994

Tiêu đề: **Grant, Ulysses S. (Ulysses Simpson), 1822-1883.**

Lee, Robert E. (Robert Edward), 1807-1870.

Tướng (Quân đội)—Hoa Kỳ—Tiểu sử.

Hoa Kỳ — Lịch sử—Nội chiến, 1861-1865—Tiểu sử.

Quân đội Hoa Kỳ—Tiểu sử.

Nhan đề: A trip through hell: an autobiography / Hattie M. Cousain. c1991

Tiêu đề: **Cousain, Hattie M., 1933**

Afro—American women—Biography.

California—Biography.

Tiêu đề đề tài: Nếu tài liệu tiểu sử cũng nói về đề tài cụ thể mà không được thể hiện trong tiêu đề tiểu sử thì định tiêu

đề chủ đề cho đề tài ấy như là đối với các đề tài bình thường không có các phụ đề tiêu sử đi kèm. Ví dụ:

Nhan đề: Các vị tướng: Ulysses S. Grant và Robert E. Lee /
Nacy Scott Anderson, Dwight Anderson. 1994

Tiêu đề: Grant, Ulysses S. (Ulysses Simpson), 1822-1883.

Lee, Robert E. (Robert Edward), 1807-1870.

Tướng (Quân đội)—Hoa Kỳ—Tiểu sử.

Hoa Kỳ—Lịch sử—Nội chiến, 1861-1865—
Tiểu sử.

Quân đội Hoa Kỳ—Tiểu sử.

Hoa Kỳ—Lịch sử—Nội chiến, 1861-1865—Chiến
dịch.

Quân đội Hoa Kỳ—Lịch sử—Đến 1900.

Nhan đề: Challenge and change: the story of civil rights
activist, C.T. Vivian / by Lydia Walker, c1993

Tiêu đề: Vivian, C. T.

Civil right workers—United States—Biography.
Afro—Americans—Biography.

Civil rights movements—Southern States—
History—20th century.

Afro—Americans—Civil rights.

Southern States—Race relations.

Tự thuật và những ghi chép, hồi ức, nhật ký của một cá nhân

Đối với các tài liệu tự thuật thì phải có tiêu đề tên cá nhân.
Ví dụ:

Nhan đề: Barbara Bush: tự thuật / Barbara Bush. c1994

Tiêu đề: **Bush, Barbara, 1925-**
Bush, George, 1924-

Nhan đề: Những cuốn nhật ký / Alan Clark. 1994

Tiêu đề: **Clark, Alan, 1928--Nhật ký.**
Chính khách--Anh--Nhật ký.
Anh--Chính trị--1979.
Anh--Xã hội và tập quán--1945-

Nhan đề: Hai lần trên một dòng sông: Hồi ức / Chris Offutt. 1993

Tiêu đề: **Offut, Chris, 1958-**
Hoa Kỳ--Tiểu sử.

Nhan đề: The Shad and I: the confidential diary of Iran's royal court, 1969-1977 / Asadollah Alam. 1992

Tiêu đề: **Alam, Asadollah, 1919-1978--Diaries.**
Statesmen--Iran--Diaries.
Mohammed Reza Pahlavi, Shah of Iran, 1919-
Iran--Politics and government--1941-1979.

Nhan đề: Martyrs' Day: chronicle of a small war / Michael Kelly. 1993

Tiêu đề: **Persian Gulf War, 1991--Personal narratives.**
Kelly, Michael, 1957--Journey--Middle East.

Thư từ

Đối với tài liệu là tập thư từ của một cá nhân thì sử dụng các dạng tiêu đề sau.

[Tên người viết thư (nếu không quá 3)]-Thư từ
[Tên người nhận (nếu không quá 2)]-Thư từ
[Giới cấp/tầng lớp xã hội của nhân vật hay tộc người]-
Thư từ
[Các đề tài cụ thể được bàn luận đến trong các bức
thư]

Ví dụ:

Nhan đề: Gửi ngài Thomas Jefferson: thư từ gửi tổng
thống / Jack McLaughlin biên soạn. 1991

Tiêu đề: **Jefferson, Thomas, 1743-1826-Thư từ.
Tổng thống-Hoa Kỳ-Thư từ.**

Nhan đề: The correspondence of Sigmund Freud and
Sandor Ferenczi / edited by Eva Brabant,
Ernst Falzeder, and Patrizia Giampieri-Deutsch,
under the supervision of Andre Haynal;
transcribed by Ingeborg Meyer-Palmeo;
translated by Peter T. Hoffer; introduction by
Andre Haynal. 1993

Tiêu đề: **Freud, Sigmund, 1856-1939-Correspondence.
Ferenczi, Sandor, 1873-1933-Correspondence.
Psychoanalysts-Correspondence.
Psychoanalysis.**

Tài liệu chỉ có một phần nói về tiểu sử

Nếu tài liệu có từ 50% dung lượng nói về các chi tiết trong
cuộc đời của một cá nhân (trừ những nhân vật thời kỳ cổ đại)
thì được xử lý như một tài liệu tiểu sử cá nhân. Tức là tài liệu

đó sẽ được định một tiêu đề tên riêng và các tiêu đề bổ sung tương thích. Nếu như một tài liệu nói về một cá nhân nhưng lại có quá ít hay không có các chi tiết mang tính riêng tư của cá nhân thì sẽ không dùng tiêu đề tiểu sử trong trường hợp này.

Tài liệu là một tập tiểu sử

Trong trường hợp tài liệu là tiểu sử của một nhóm gồm bốn cá nhân trở lên thì không định tiêu đề tên riêng cho từng người có tiểu sử. Nếu nhóm người được đề cập đến trong tài liệu không liên quan đến một lĩnh vực hoặc ngành nghề nào thì dùng một tiêu đề hình thức **Tiểu sử** làm tiêu đề cho tài liệu. Tiêu đề này có thể được ghép với phụ đề thời gian hoặc hình thức.

Nếu nhóm người được đề cập đến trong tài liệu liên quan đến một lĩnh vực, nghề nghiệp, tầng lớp, địa điểm thì định tiêu đề theo mô hình: **[Tên lĩnh vực, nghề nghiệp, tầng lớp, địa điểm]—Tiểu sử.**

5.4.5 Tài liệu có đề tài về cơ quan, tổ chức cụ thể

Tài liệu có đề tài là cơ quan, tổ chức bao gồm những tài liệu nói về:

- Lịch sử hoặc những mốc thời gian cụ thể của một cơ quan, tổ chức
- Chức năng, cơ cấu, tổ chức, hoạt động, quy chế... của các cơ quan, tổ chức.

Tuy nhiên, những tài liệu nói về kinh nghiệm công tác, các vấn đề được nghiên cứu tại một cơ quan, tổ chức thì lại có tiêu đề thể hiện nội dung kinh nghiệm hoặc vấn đề được nghiên cứu hơn là tiêu đề tên cơ quan tổ chức.

Các loại cơ quan, tổ chức thường gặp trong thực tế biên mục là:

- Các cơ quan cao cấp của chính quyền, nhà nước, cơ quan lãnh đạo quốc gia
- Các đảng phái chính trị, các đảng phái tư do
- Các liên hiệp, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ
- Các cơ quan có chức năng riêng biệt
- Các tổ chức tập hợp tạm thời như hội nghị, đại hội.

Các trường hợp thường gặp trong quá trình biên mục cho tài liệu có đề tài là cơ quan, tổ chức là tài liệu về các cơ quan tổ chức có chức năng cụ thể, và tài liệu về các cơ quan tổ chức có tên gọi riêng.

Tài liệu về các cơ quan, tổ chức có chức năng cụ thể nhưng không có tên gọi riêng thì đặc tính chung nhất của loại cơ quan này sẽ được dùng để định tiêu đề, ví dụ như **Thư viện, Hiệp hội thương mại, Liên hiệp công đoàn**. Thường thì các tiêu đề này sẽ được ghép với phụ đề địa lý chỉ ra địa điểm cụ thể của cơ quan. Ví dụ:

Nhan đề: Điểm trúng tuyển vào các trường đại học - cao đẳng hệ chính quy qua các năm 2004-2005-2006 / Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2006

Tiêu đề: **Trường đại học và cao đẳng-Việt Nam-Tuyển sinh.**

Nhan đề: Bài học của sự thay đổi : các trường phổ thông hiện đại ở Baltimore / Mike Bowler. 1991

Tiêu đề: **Trường trung học phổ thông-Hoa Kỳ-Lịch sử.**

Nhan đề: Academia's golden age: universities in Massachusetts, 1945-1970 / Richard M. Freeland. 1992

Tiêu đề: **Education, Higher-Massachusetts-Boston-History.**
Universities and colleges-Massachusetts-Boston-History.

Tài liệu về cơ quan, tổ chức có tên gọi riêng thì tên chính thức của cơ quan, tổ chức sẽ được dùng làm tiêu đề cho tài liệu. Tiêu đề tổng quát thể hiện loại hình, chức năng của cơ quan, tổ chức sẽ không dùng trong trường hợp này. Ví dụ:

Nhan đề: IMO hỏi và đáp / Đỗ Thái Bình. 1997

Tiêu đề: **IMO (Tổ chức hàng hải quốc tế).**

Nhan đề: Chân dung cán bộ, viên chức Thư viện Quốc gia Việt Nam: kỷ niệm 90 năm ngày thành lập (1917-2007) / Thư viện Quốc gia Việt Nam. 2007

Tiêu đề: **Thư viện Quốc gia Việt Nam.**

Nhan đề: Góp phần làm nên lịch sử cho trường đại học Cornell / Diane B. Nelson, compiler and editor. [1990]

Tiêu đề: **Trường đại học Cornell-Lịch sử.**

Nhan đề: Strategic planning for the the United States Army personnel function / William M. Hix, Ronald E. Sortor. 1992

Tiêu đề: **United States. Army-Personnel management.**

Đối với tài liệu về một cơ quan, tổ chức mà tên gọi có sự thay đổi thì thông thường tên gọi chính thức hiện hành (thời điểm mà tài liệu được biên mục) sẽ được chọn làm tiêu đề. Tuy nhiên, tại LC, đối với tài liệu về một cơ quan mà có sự thay đổi tên gọi nhiều lần thì sẽ sử dụng tên gọi của cơ quan trong thời kỳ gần nhất mà tài liệu đề cập đến làm tiêu đề. Ví dụ:

Nhan đề: Education Department 1990: a resource manual for the Federal Education Department / David T. Chester. [1990]

Tiêu đề: **Federal aid to education—United States—Directories.**
United States. Dept. of Education—Directories.

Nhan đề: America 2000: an education strategy. 1991

Tiêu đề: **Educational planning—United States.**
Educational and state—United States.
Unites States. Dept. of Education.

5.4.6 Tài liệu có đề tài về đối tượng địa lý

Tài liệu nói về các đặc điểm của một đối tượng địa lý (một địa điểm cụ thể) thì sẽ có tiêu đề là tên của địa điểm đó (tiêu đề địa danh). Những đặc điểm này bao gồm kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, địa lý, du lịch. Bên cạnh tiêu đề địa danh, các tài liệu này còn có thể có tiêu đề đề tài hoặc tiêu đề tên người khi xét thấy cần thiết.

Như đã đề cập trong Chương 3, đối tượng địa lý bao gồm đơn vị địa lý hành chính và đơn vị địa lý phi hành chính. Thông thường, tên gọi hiện hành của các đơn vị địa lý hành chính sẽ được dùng làm tiêu đề cho tài liệu. Ví dụ:

Nhan đề: Biên động kinh tế Đông Nam Á và con đường công nghiệp hóa Việt Nam / Trần Văn Thọ. 20006

Tiêu đề: **Việt Nam–Điều kiện kinh tế.
Việt Nam–Chính sách kinh tế.**

Nhan đề: Tên đường thành phố Hồ Chí Minh: quy hoạch chi tiết lộ giới 22 quận, huyện thành phố Hồ Chí Minh. 2001

Tiêu đề: **Thành phố Hồ Chí Minh–Quy hoạch đô thị.**

Nhan đề: Một vòng quanh các nước: Ấn Độ / Trần Vũ Bảo biên soạn. 2005.

Tiêu đề: **Ấn Độ – Du lịch.**

Nhan đề: The White House: the first two hundred years / edited by Frank Freidel, William Pencak. c1994

Tiêu đề: **White House (Washington, D.C.)
Presidents–United States.
Washington (D.C.)–Social life and customs.
Washington (D.C.)–Juvenile literature.**

Tuy nhiên, đối với tài liệu về một đơn vị địa lý mà có tên gọi thay đổi thì LC có các quy định xử lý như sau.

- Đối với tài liệu về đơn vị địa lý hành chính có tên gọi thay đổi nhưng không liên quan đến việc thay đổi lãnh thổ thì tiêu đề và phụ đề của tài liệu sẽ căn cứ vào tên gọi hiện hành [19]. Ví dụ:

Nhan đề: From civilization to segregation: social ideals and social control in southern Rhodesia, 1890-1934 / Carol Summers. c1994

Tiêu đề: **Zimbabwe–History–1890-1965.**
Zimbabwe–Social conditions–1890-1965.
Zimbabwe–Race relations.

Nhan đề: “Rhodesians never die”: the impact of war political change on White Rhodesia, c.1970-1980 / Peter Godwin and Ian Hancock. 1993

Tiêu đề: **Zimbabwe–History–Chimurenga War, 1966-1980.**
Whites–Zimbabwe–Politics and government.
Zimbabwe–Ethnic relations.

- Nếu sự thay đổi tên gọi của một đơn vị địa lý quá phức tạp, ví dụ như sự thay đổi này liên quan đến sự thay đổi tên gọi của lãnh thổ, thì tiêu đề của tài liệu sẽ là tên của địa điểm tại thời kỳ mà tài liệu đề cập đến. Ví dụ:

Nhan đề: DDR: Grundriss der Geschichte / von Hermann Weber. 1993

Tiêu đề: **Germany (East)–History.**

Nhan đề: A history of West Germany / Dennis L. Bark and David R. Gress. 1993

Tiêu đề: **Germany–History–Philosophy.**

Nhan đề: Russia in the crossroad: the costs of reunification / Mike Wilson. c1991

Tiêu đề: **Russia–History–Alexander I, 1801-1825**
Russia–History–Nicholas I, 1825-1855.
Russia–History–Alexander II, 1855-1881.

Nhan đề: Twentieth century: Russia / Donald W.
Treadgold. 1994

Tiêu đề: **Russia–History–1801-1917.**
Soviet Union–History.
Former Soviet republics–History.

5.4.7 Các khía cạnh của đề tài

Như đã trình bày, trong nhiều tài liệu, đề tài được triển khai dưới nhiều khía cạnh liên quan đến nội dung, địa lý hoặc thời gian. Cũng có những tài liệu được xuất bản dưới các hình thức đặc biệt như từ điển, bảng tra, cẩm nang, sổ tay... Thông thường, các khía cạnh này được coi là phụ đề của tiêu đề chính. Tuy nhiên, cũng có trường hợp các khía cạnh này lại được thể hiện ngay trên tiêu đề chính.

Khía cạnh nội dung

Khía cạnh nội dung là phần chia nhỏ hơn, quan điểm nghiên cứu, những tác động đối với nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu của đề tài chính. Chúng thường được thể hiện thông qua phụ đề đề tài. Ví dụ:

Nhan đề: Đánh giá thư viện và dịch vụ thông tin / John
Crawford. 2000.

Tiêu đề: **Thư viện–Định giá.**
Dịch vụ thông tin–Định giá.

Nhan đề: Quản lý nguồn nhân lực trong thư viện đại học:
Thách thức và cơ hội / Janice Simmons-Welbun,
Beth McNeil chủ biên. 2004.

Tiêu đề: **Thư viện đại học—Quản lý nhân sự.**
Thư viện đại học—Đào tạo.
Cán bộ thư viện—Mô tả công việc.

Nhan đề: Chiến thuật quản lý trong ngành du lịch /
Michael D. Olsen, Eliza Ching-Yick Tse, Joseph
J. West. 1992

Tiêu đề: **Du lịch—Quản lý.**

Nhan đề: Phân tích dữ liệu trong khoa học hóa học: Kỹ
thuật thống kê / Richard C. Graham. 1993

Tiêu đề: **Hóa học—Phương pháp thống kê.**

Nhan đề: Điều hành các thư viện công cộng nhỏ / Darlene
E. Weingand. 1992.

Tiêu đề: **Thư viện công cộng—Quản lý.**

Nhan đề: Assessing sport skills / Bradford N. Strand,
Rolayne Wilson. c1993

Tiêu đề: **Athletic ability—Testing.**

Khía cạnh địa lý

Khi tài liệu nói về các đặc điểm của một vùng địa lý thì đối tượng địa lý này trở thành tiêu đề của tài liệu. Tuy nhiên, khi vấn đề nghiên cứu trong tài liệu được triển khai tại một địa điểm thì địa điểm này được coi là khía cạnh địa lý của đề tài, và sẽ được thể hiện bằng phụ đề địa lý. Ví dụ:

- Nhan đề: Tự do hóa tài chính và hội nhập quốc tế của hệ thống ngân hàng Việt Nam: Kỳ yếu hội thảo khoa học / Phạm Văn Năng chủ biên, 2003
- Tiêu đề: **Tài chính-Việt Nam.**
Ngân hàng và nghiệp vụ ngân hàng-Việt Nam.
- Nhan đề: Nghiên cứu lồng ghép các vấn đề môi trường vào trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 / Lê Mạnh Hùng, 2008
- Tiêu đề: **Quy hoạch vùng-Việt Nam-Đồng Nai-Khía cạnh môi trường.**
- Nhan đề: Các nước Châu Á - Thái Bình Dương những năm đầu thế kỷ XXI. Quyển I, Kinh tế và phát triển (10 tài liệu) / Viện Thông tin Khoa học Xã hội. [2005].
- Tiêu đề: **Kinh tế -Châu Á-Thế kỷ 21.**
- Nhan đề: Nghiên cứu về phụ nữ tại Châu Mỹ Latinh và vùng Caribê / Edna Acosta-Belen và Christins E. Bose chủ biên. 1993
- Tiêu đề: **Phụ nữ-Nghiên cứu-Châu Mỹ Latinh.**
Phụ nữ-Nghiên cứu-Caribê.
- Nhan đề: The evolution of mobile communications in the U. S. and Europe: regulation, technology, and markets / Michael Peatsch. 1993
- Tiêu đề: **Telecommunication-United States.**

Telecommunication–Europe.

Mobile communications systems–United States.

Mobile communications systems–Europe.

Tại LC, phụ đề địa lý không được ghép với tiêu đề là tên của các loài động vật, nơi giống của động vật, nhạc cụ cụ thể, và dưới một số chủ đề nhất định khác. Trong những trường hợp này, khía cạnh địa lý của tài liệu được thể hiện bằng cách bên cạnh tiêu đề cụ thể, thiết lập bổ sung một tiêu đề có nghĩa rộng hơn mà được phép sử dụng phụ đề địa lý. Ví dụ:

Nhan đề: **Several complex variables in China / Chung-Chun Yang, Sheng Gong, editors. c1993**

Tiêu đề: **Funtions of several complex variables. Mathematics–Research–China.**

Nhan đề: **Historia de una guitarra: Teatro Albeniz, mayo 1991 / Comunidad de Madrid, Consejeria de Cultura, Centro de Estudios y Actividades Culturales. [1991]**

Tiêu đề: **Guitar–Exhibitions. Musical instruments–Spain–Exhibitions.**

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng cũng có khi khía cạnh địa lý được thể hiện ngay trong tiêu đề chính (tiêu đề địa lý), nhất là tài liệu thuộc lĩnh vực lịch sử và địa lý do yếu tố địa lý thường đóng vai trò rất quan trọng trong các lĩnh vực này. Ví dụ:

Nhan đề : **Môi trường văn hóa với việc xây dựng lối sống con người Việt Nam / Nguyễn Hồng Hà. 2005.**

Tiêu đề: **Việt Nam–Chính sách văn hóa.**

Nhan đề: After the war over: Hanoi and Saigon / Neil Sheehan. 1992

Tiêu đề: **Hanoi (Vietnam)–Description and travel.
Ho Chi Minh City (Vietnam)–Description and travel.**

Khía cạnh thời gian

Khía cạnh thời gian, thời kỳ của chủ đề thường được thể hiện bằng phụ đề thời gian. Ví dụ:

Nhan đề: Ca dao Việt Nam: 1945-1975 / Nguyễn Nghĩa Nhân. 1997

Tiêu đề: **Ca dao–Việt Nam–1945-1975.**

Nhan đề: Điều chỉnh một số chính sách kinh tế ở Trung Quốc: Giai đoạn 1992-2010 / Nguyễn Kim Bảo...[và những người khác]. 2004.

Tiêu đề: **Trung Quốc–Điều kiện kinh tế–1992-2010.
Trung Quốc–Chính sách kinh tế–1992-2010.**

Nhan đề: Performance baroque music / Mary Cyr; Reinhard G. Pauly general editor. c1992

Tiêu đề: **Performance practice (Music)–17th century.
Performance practice (Music)–18th century.**

Tại LC, trong trường hợp nội dung của một tài liệu cần được thể hiện khía cạnh thời gian nhưng tiêu đề phù hợp với nội dung của tài liệu lại không được cung cấp phụ đề thời gian, thì lúc này phải dùng đến một tiêu đề có nghĩa rộng hơn mà được phép ghép với phụ đề thời gian để thể hiện khía cạnh thời gian của tài liệu. Ví dụ:

Nhan đề: The formation of a society on Virginia's Eastern Shore, 1615-1655 / James R. Perry. c1990

Tiêu đề: **Virginia—History—Colonial period, ca. 1600-1775.**

Eastern Shore (Md. and Va.)—History.

Trong một vài trường hợp, khía cạnh thời gian của tài liệu được bỏ qua trong quá trình biên mục nếu như nó được coi là không quan trọng.

Khía cạnh hình thức

Khi tài liệu được xuất bản dưới hình thức đặc biệt thì khía cạnh hình thức này được thể hiện bằng phụ đề hình thức. Ví dụ:

Nhan đề: Niên giám điện thoại: những trang vàng và những trang trắng thành phố Hồ Chí Minh 2001 / Bưu điện thành phố Hồ Chí Minh. 2001.

Tiêu đề: **Thành phố Hồ Chí Minh—Niên giám điện thoại.**

Nhan đề: Việt Nam: tập bản đồ hành chính. 2007.

Tiêu đề: **Việt Nam—Bản đồ.**

Tại LC, phụ đề hình thức hầu hết là dạng phụ đề tự do. Nó có thể được ghép vào với bất cứ dạng nào của tiêu đề (tiêu đề là tên cá nhân, là tên cơ quan tổ chức, tên địa danh, tên chủ đề, tên nhan đề thống nhất...). Ví dụ:

Nhan đề: Population structure / by Shigemi Kono. [1993]

Tiêu đề: **Population—Statistics.**

Population forecasting—Statistics.

Nhan đề: McGraw-Hill encyclopedia of chemistry / Sybil P. Parker, editor in chief. c1993

Tiêu đề: **Chemistry-Encyclopedias.**

Nhan đề: Handbook of practical coal geology / Larry Thomas. 1992

Tiêu đề: **Coal-Geology-Handbooks, manuals, ect.**

Tại LC, trong trường hợp một tài liệu có nhiều tiêu đề thì phụ đề hình thức sẽ phải được thể hiện trong tất cả các tiêu đề. Tuy nhiên, nếu một tài liệu có các phần nội dung khác nhau, mỗi phần có một hình thức tài liệu khác nhau, thì tiêu đề thể hiện phần nội dung nào sẽ đi kèm với phụ đề hình thức của phần đó. Ví dụ:

Nhan đề: Bibliography of law and economics / edited by Boudewijn Bouckaert and Gerrit de Geest. c1992

Tiêu đề: **Law-Bibliography.**

Law-Europe-Bibliography.

Economics-Bibliography

Economics-Europe-Bibliography.

Nhan đề: Companion to medieval and renaissance music / edited by Tess Knoghton and David Fallows. 1992

Tiêu đề: **Music-500-1400-History and criticism.**

Music-15th century-History and criticism.

Music-16th century-History and criticism.

Nhan đề: Proceeding of the Second International Symposium [on] Particles, Strings, and Cosmology, Northeastern University, Boston, 25-30 March 1991 / editors, Pran Nath and Stephen Reucroft. c1992

Tiêu đề: **Particles (Nuclear physics)–Congresses.**
String models–Congresses.
Cosmology–Congresses.

Nhan đề: Gardeners delight: gardening books from 1560 to 1960 / Martin Houles. 1994

Tiêu đề: **Horticultural literature–History.**
Gardening–Bibliography.

Chủ đề có nhiều khía cạnh khác nhau

Đối với chủ đề phức tạp trong đó đề cập đến nhiều khía cạnh hoặc sự kiện thì có thể định một tiêu đề bao gồm một chuỗi các phụ đề theo phương cách tiền kết hợp. Ví dụ:

Nhan đề: Việt Nam: báo cáo kinh tế về công nghiệp hóa và chính sách công nghiệp. 1995

Tiêu đề: **Việt Nam–Công nghiệp–Chính sách phát triển.**

Nhan đề: Lắp đặt nồi hơi và ống dẫn hơi / Đào Xuân Thức, Nguyễn Huy Tuấn, Nguyễn Ngọc Chát. 1982

Tiêu đề: **Áp suất hơi–Công nghệ–Thiết bị.**

Nhan đề: Bác sỹ và pháp luật: Luật y khoa thế kỷ 19 /
James C. Mohr. 1993

Tiêu đề: **Y học–Luật pháp–Lịch sử–Hoa Kỳ–Thế kỷ 19.**

Nhan đề: Neo furniture / Claire Downey. 1992

Tiêu đề: **Furniture design–Europe–History–20th
century–Themes, motives.**

Nhan đề: Inventing the Middle Ages: the lives, works, and
ideas of the great medievalists of the twentieth
century / Norman F. Cantor. 1991

Tiêu đề: **Middle Ages–Historiography–History–20th
century.**

Trên đây là phần trình bày các quy định chung và quy định cụ thể trong việc định tiêu đề chủ đề cho tài liệu. Trong đó, phần quy định chung nêu lên các quy định được áp dụng khi định tiêu đề chủ đề cho mọi tài liệu trong thư viện. Phần quy định cụ thể nêu lên cách định tiêu đề chủ đề cho các dạng tài liệu thường gặp trong thực tế biên mục. Lưu ý là còn có những dạng tài liệu có loại hình và nội dung đặc biệt đòi hỏi các quy định riêng khi định tiêu đề chủ đề. Giáo trình này chưa tập trung trình bày các quy định riêng này, tuy nhiên có thể giới thiệu ở đây các loại hình tài liệu và các nội dung đặc biệt cần có các quy định riêng khi định tiêu đề chủ đề.

Các loại hình tài liệu đặc biệt bao gồm:

- Xuất bản phẩm định kỳ và tạp chí
- Tài liệu tra cứu bao gồm tài liệu về tài liệu tra cứu, thư mục của tài liệu tra cứu, và bản thân tài liệu tra cứu
- Các loại thư mục

- Các loại băng tra
- Các dạng tài liệu không phải là dạng in ấn như là phim ảnh, vi phim, vi phiếu, phần mềm máy tính
- Tài liệu của Chính phủ
- Tài liệu của các cuộc hội nghị, hội thảo
- Tài liệu là các báo cáo, báo cáo thường niên
- Tài liệu thống kê.
- Tài liệu là mục lục, mục lục liên hợp
- Các loại niên giám, danh mục

Các dạng tài liệu có nội dung đặc biệt bao gồm:

- Tài liệu văn học
- Tài liệu âm nhạc
- Tài liệu hội họa
- Tài liệu tôn giáo
- Tài liệu pháp luật
- Tài liệu khảo cổ

Ngôn ngữ tiêu đề chủ đề ngày càng được nhiều thư viện ở Việt Nam quan tâm và tìm cách áp dụng trong việc xử lý nội dung tài liệu và xây dựng hệ thống tìm tin. Các cơ quan đầu ngành như Hội Thư viện Việt Nam và Thư viện Quốc gia đang có kế hoạch biên soạn một bộ tiêu đề chủ đề chuẩn dùng chung cho các thư viện Việt Nam. Trước thực tế này, nghiên cứu, học tập và thực hành biên mục chủ đề tài liệu thư viện là một nội dung vô cùng quan trọng trong chương trình đào tạo nhân lực cho ngành thư viện – thông tin học. Giáo trình này đã cung cấp các kiến thức cơ bản về biên mục chủ đề nhằm hỗ trợ cho công tác đào tạo ngành Thư viện – Thông tin học của Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

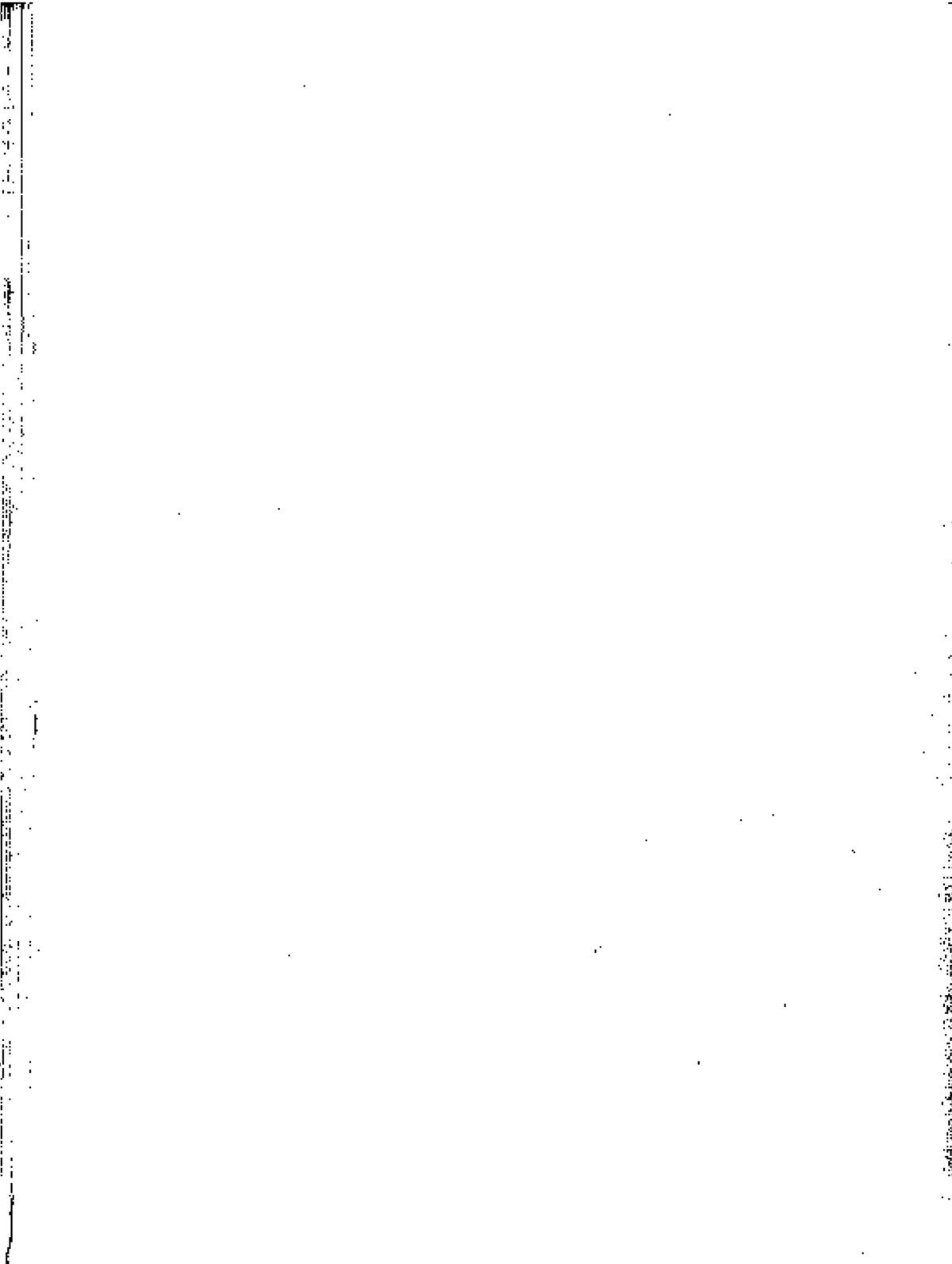
1. Bộ Khoa học và Công nghệ. Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (2005), *MARC 21 rút gọn cho dữ liệu thư mục*, Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường. Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia (2001), *Từ điển từ khóa khoa học và công nghệ*. Nguyễn Thu Thảo chủ biên, Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia, Hà Nội.
3. Đoàn Phan Tân (2006), *Thông tin học: giáo trình dành cho sinh viên ngành Thông tin – Thư viện và Quản trị thông tin*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Ngô Ngọc Chi (2002), *Định chủ đề tài liệu*, Đề cương bài giảng.
5. Nguyễn Thu Thảo (2008), *Xử lý thông tin*, Đề cương bài giảng.
6. TCVN 5453-1991: Hoạt động thông tin và tư liệu – Thuật ngữ và khái niệm cơ bản, Hà Nội.
7. Vũ Dương Thúy Nga (1995), *Định chủ đề tài liệu*, Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

Tiếng Anh

8. BS 6529:1984 Recommendations for examining documents, determining their subjects and selecting indexing terms, British Standards Institution.
9. Chan, Lois Mai (1995), *Library of Congress Subject Headings: Principles and application*, Libraries Unlimited, Colorado.
10. Chowdhury, G. (2004), *Introduction to modern information retrieval*, Facet, London.
11. Chowdhury, G., Chowdhury S. (2007), *Organizing information: from the shelf to the Web*, Facet, London.
12. Cutter, C. A. (1904), *Rules for a Dictionary Catalog*, Government Printing Office, Washington, D.C.
13. El-Hoshy, Lynn M. (1991), "Introduction to Subdivision Practice in the Library of Congress Subject Headings System", *The Subject Subdivisions Conference (1991: Airlie, Va.): The future of Subdivisions in the Library of Congress Subject Headings System*, tr. 117-129
14. Harvey R., Hider P. (2004), *Organising knowledge in a global society: Principles and practices in libraries and information centres*, Charles Sturt University, Wagga Wagga, N.S.W.
15. Haykin, D. J. (1951), *Subject Headings: A practical guide*, Government Printing Office, Washington, D.C.
16. Hoerman, H. L., Furniss K. A. (2000), "Turning practice into principles: Comparison of the IFLA Principles

Underlying Subject Heading Language (SHLs) and the Principles Underlying the Library of Congress Subject Headings System", *Cataloging and Classification Quarterly*, (Số 29 (1/2), tr. 31-52.

17. Library of Congress (1998), *Library of Congress Subject Headings: 5 tập*, 21 ed., Library of Congress, Washington, D.C.
18. Library of Congress (1994) "Topic in literature; The Subdivision -In literature", *Cataloging Service Bulletin*, 63 (Winter 1994), tr. 28-29.
19. Library of Congress (1991), *Subject Cataloging Manual: Subject Headings*, Cataloging Distribution Service, Library of Congress, Washington, D.C.
20. Library of Congress (1989), *Library of Congress Rule Interpretations*, Cataloging Distribution Service, Library of Congress, Washington D.C.
21. Svenonius, E. (2000), *The intellectual foundation of information organization*, MIT press, Cambridge, Mass.



BIÊN MỤC CHỦ ĐỀ

Nguyễn Hồng Sinh

NHÀ XUẤT BẢN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH

Khu phố 6, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP.HCM

Số 3 Công trường Quốc tế, phường 6, quận 3, TP HCM

ĐT: 3823 9172, 3823 9170

Fax: 3823 9172 - Email: vnuhp@vnuhcm.edu.vn

☆☆☆

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS HUỖNH BÁ LÂN

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm về tác quyền

Hiệu trưởng Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQG-HCM

Biên tập

TRẦN VĂN THẮNG

Sửa bản in

THÙY DƯƠNG

Trình bày bìa

XUÂN THẢO

GT.01.TT(V)

ĐHQG.HCM-09

211-2009/CXB/464-12/ĐHQGTPHCM

TT.GT.690-09(T)

In 200 cuốn khổ 14.5 x 20.5cm. Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 211 - 2009/CXB/464-12/ĐHQGTPHCM. Quyết định xuất bản số: 286/QĐ-ĐHQGTPHCM cấp ngày 21/9/2009 của Giám đốc NXB ĐHQGTPHCM. In tại Công ty in Hưng Phú, Bình Dương. In xong và nộp lưu chiểu tháng 11/2009.



NHAN VAN-GIAO TRINH



Sách trợ giá dành

02030000283

Giá mua chỉ số

35.000